

Phần thứ nhất
SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. VÀI NÉT VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Trường Đại học Hồng Đức được thành lập theo quyết định số 797/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ; là trường Đại học công lập, đa ngành, trực thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa, đồng thời chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ GD&ĐT và các Bộ ngành Trung ương. Nhà trường đã không ngừng xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu phát triển của giáo dục đại học. Tháng 7/2007, Nhà trường được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ và tháng 9 năm 2014, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ.

Với chức năng chủ yếu là giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phát triển khoa học công nghệ nhằm phát triển Nhà trường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước. Nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo cán bộ khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của đất nước mà trước hết là cho tỉnh Thanh Hóa; nghiên cứu khoa học nhằm từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng đào tạo của Nhà trường. Nhà trường đã thực hiện tốt mục tiêu chất lượng đào tạo đa ngành với 4 lĩnh vực: Sư phạm, Kinh tế-QTKD, Kỹ thuật-Công nghệ và Nông Lâm Ngư nghiệp với đủ các bậc đào tạo; từng bước khẳng định được mô hình đào tạo của một trường đào tạo đa ngành trong hệ thống giáo dục đại học quốc dân.

Hiện nay, bộ máy của nhà trường gồm 33 đơn vị trực thuộc với 12 khoa chuyên môn, 11 phòng, 3 ban, 6 trung tâm và Trạm Y tế; 51 bộ môn quản lý chuyên môn trực thuộc các khoa đào tạo.

Về đội ngũ, Trường Đại học Hồng Đức hiện có 799 cán bộ, 523 giảng viên cơ hữu, tỉ lệ cán bộ có trình độ sau đại học đạt trên 89,00%, trong đó có: 16 Phó Giáo sư, Tiến sĩ, 98 Tiến sĩ, 362 Thạc sĩ; ngoài ra có 90 cán bộ đang làm NCS và 83 cán bộ đang học thạc sĩ. Nhà trường đã và đang thực hiện nhiều giải pháp nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, tin học, ngoại ngữ, quản lý giáo dục và lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ giảng viên.

Về đào tạo, đến nay đã tự tổ chức đào tạo được 21 chuyên ngành sau đại học (4 chuyên ngành trình độ tiến sĩ và 17 chuyên ngành trình độ thạc sĩ); 34 ngành bậc đại học, 20 ngành bậc cao đẳng hệ chính quy và 8 ngành bậc cao đẳng nghề. Cùng với đào tạo chính quy, Nhà trường đang đào tạo các hình thức: VLVH, liên thông, văn bằng 2 và bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn để đáp ứng tối đa nhu cầu người học.

Hiện nay, Trường Đại học Hồng Đức được giao đào tạo 17 chuyên ngành trình độ thạc sĩ: Khoa học cây trồng, Toán Giải tích, Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ Việt Nam, Lý luận và PPDH bộ môn Văn-Tiếng Việt, Lịch sử Việt Nam, Vật lý chất rắn, Vật lý lý thuyết và Vật lý toán, Đại số và lý thuyết, Phương pháp toán sơ cấp, Thực vật học, Khoa học máy tính, Quản lý giáo dục và Quản trị kinh doanh, Hóa hữu cơ, Động vật học và Kế toán và 04 chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ: Khoa học cây trồng, Văn học Việt Nam, Lịch sử Việt Nam và Lý luận & Phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Việt.

Nhà trường đã và đang liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu đào tạo các ngành, chuyên ngành đại học và sau đại học. Năm 2015, liên kết với Trường Đại học Công nghệ Hoàng Gia Thanyaburi (Thái Lan) tuyển sinh đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh quốc tế theo hình thức 1+3; đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA) với trường Đại học Soongsil, Hàn Quốc. Bên cạnh đó, trường cũng đã và đang đào tạo hơn 320 lưu học sinh (Trình độ Đại học và trình độ thạc sĩ) cho tỉnh Hòa Phẫn, nước CHDCND Lào.

Quy mô đào tạo của Nhà trường từng bước được mở rộng hợp lý. Đến nay, Nhà trường chủ trương ổn định quy mô 8.000 -10.000 HSSV, đã và đang tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, phấn đấu xây dựng thương hiệu một số ngành đào tạo chất lượng cao.

Thực hiện công tác đảm bảo chất lượng bằng việc xây dựng và ban hành chuẩn đầu ra của các ngành, chuyên ngành thuộc các bậc đào tạo; đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực và phát huy năng lực người học, kết hợp với các cơ sở thực hành, thực tập, biến quá trình đào tạo thành tự đào tạo; đổi mới công tác kiểm tra đánh giá thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá quá trình học tập. Đề thi được ra theo hướng tổng hợp, vận dụng kiến thức thực tiễn, thực hành nhằm nâng cao chất lượng đào tạo hành nghề cho sinh viên.

Sau 20 năm, Nhà trường đã đào tạo cho tỉnh Thanh Hoá và các địa phương trong cả nước một đội ngũ cán bộ chất lượng cao thuộc các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, khoa học công nghệ, nông lâm ngư nghiệp và giáo dục. Đã có hơn 32.000 sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng (trong đó có 15.528 giáo viên Trung học có trình độ đại học, cao đẳng; 4.200 sinh viên cao đẳng và đại học khối ngành Nông lâm, ngư nghiệp, hơn 11.000 sinh viên khối ngành kinh tế-QTKD,...) 845 thạc sĩ thuộc 12 chuyên ngành.

Về nghiên cứu khoa học, chỉ trong 5 năm qua, cán bộ giảng viên nhà trường đã triển khai thực hiện 5 đề tài khoa học cấp Nhà nước, 50 đề tài cấp Tỉnh và hơn 600 đề tài cấp Cơ sở. Nhiều đề tài đã được áp dụng và góp phần quan trọng vào

việc nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ các mục tiêu kinh tế xã hội của tỉnh. Hằng năm, cán bộ giảng viên đã công bố hàng trăm công trình nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế. Năm 2008, nhà trường được Bộ Văn hóa thông tin và truyền thông cho phép xuất bản *Tạp chí khoa học* có chỉ số quốc tế ISSN. Hiện *Tạp chí khoa học* của nhà trường đã xuất bản được 12 số với hàng trăm bài báo có chất lượng được các nhà khoa học đầu ngành của các viện, trường đại học phản biện và có 4 ngành được hội đồng giáo sư nhà nước tính điểm công trình.

Về hợp tác quốc tế, từ năm 1997 đến nay, trường đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác quốc tế với hơn 40 trường đại học và các tổ chức quốc tế ở Mỹ, Canada, Úc và nhiều nước châu Âu, châu Á; cử 186 lượt cán bộ đi học tập, công tác ở nước ngoài, đón và làm việc với 464 lượt khách quốc tế, cử 76 cán bộ đi học các khóa đào tạo ngắn, dài hạn theo chương trình hợp tác với nước ngoài, tiếp nhận 23 giáo viên tình nguyện đến giảng dạy tiếng Anh tại trường, ... Thực hiện đề án liên kết đào tạo đại học và sau đại học với các trường đại học nước ngoài bằng nguồn ngân sách địa phương, nhà trường đã tổ chức đào tạo được 6 khóa tiếng Anh quốc tế cho 144 học viên, gửi được 117 học viên đi học tại 57 trường đại học trên thế giới (trong đó có 18 cán bộ đi đào tạo tiến sĩ, 78 cán bộ đi học thạc sĩ và 21 người học đại học).

Cơ sở vật chất, của nhà trường ngày càng khang trang; mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập, các tuyến thực địa trong và ngoài tỉnh được thiết lập; 8 phòng máy tính, 26 phòng thí nghiệm chuyên sâu và liên môn, 1 phòng LAB. Thư viện trường được đầu tư mua sắm giáo trình, tài liệu giảng dạy với số đầu giáo trình là 2834 - gồm 49087 cuốn; số đầu tài liệu tham khảo là 8382 - gồm 79884 cuốn; số bài báo và tạp chí là 894; cơ sở dữ liệu nước ngoài 6 loại với 148 đĩa CD-ROM; cơ sở dữ liệu trong nước 2 loại với 14 đĩa CD-ROM; phần mềm quản lý thư viện LIBOL,...Thư viện điện tử có 120 máy tính; Internet và mạng LAN được kết nối 24/24h trong toàn trường. Từ năm 2008, nhà trường đã lắp đặt hệ thống Wi-Fi tạo điều kiện thuận lợi cho việc nâng cao chất lượng dạy, học và nghiên cứu khoa học của cán bộ và sinh viên.

Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy hiện có 140 phòng học tiêu chuẩn: 9.170 m², thư viện có 5.250 đầu sách với 132.313 cuốn tiếng Việt và 3.777 cuốn ngoại văn và có diện tích 2450 m², 26 phòng thí nghiệm thực hành: 3262 m², 22 phòng máy vi tính nối mạng đảm bảo đủ chỗ cho sinh viên và học viên học tập nghiên cứu và tự học; nhà học đa năng: 2060 m², sân vận động: 10.000 m²) đạt bình quân

3,2m²/SV. Ký túc xá của nhà trường hiện có 1.800 chỗ, đảm bảo cho 22,5% SV có chỗ ở.

Nhà trường đã nhận được nhiều bằng khen và các danh hiệu cao quý do Nhà nước tặng: Huân chương Lao động hạng Ba; Huân chương Lao động hạng Nhì; Cờ thi đua của Chính phủ; Cờ thi đua của Bộ GD&ĐT; Cờ thi đua của UBND tỉnh Thanh Hoá. Tháng 7/2017, Trường Đại học Hồng Đức đã được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục đại học, Đại học Quốc gia Hà Nội công nhận là cơ sở đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đại học. Nhà trường đã phát triển đúng hướng và trở thành cơ sở đào tạo lớn nhất và ở trình độ cao nhất tỉnh Thanh Hoá, là con chim đầu đàn của hệ thống các trường đại học do địa phương quản lý.

2. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH ĐỊA LÝ HỌC TẠI THANH HOÁ

Chuyên ngành Địa lý học là khoa học có vai trò quan trọng đối với nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội và văn hóa giáo dục: Quy hoạch, khai thác sử dụng và quản lý tài nguyên thiên nhiên và khí hậu. Địa lý học còn là môn học không thể thiếu trong các nhà trường THCS, THPT, các trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện, các trường Nông nghiệp và cán bộ ngành quản lý tài nguyên môi trường ở các huyện, thị cũng như các khu bảo tồn thiên nhiên và các vườn quốc gia của tỉnh Thanh Hóa và vùng phụ cận.

Hiện tại, Thanh Hóa có 4 trường đại học, 17 trường cao đẳng, trung cấp và dạy nghề, 102 trường phổ thông trung học, 25 trung tâm giáo dục thường xuyên; hơn 450 trường THCS, đội ngũ giáo viên địa lý học có gần 1000 người nhưng số có trình độ thạc sĩ khoảng 0,06%. Mặt khác Thanh Hóa là một tỉnh Nông nghiệp, có 26 trung tâm khuyến Nông, Lâm ở các huyện, thị và thành phố; có 6 Vườn Quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên;... Do đó, nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cán bộ chất lượng cao ngành địa lý học là rất lớn và cấp thiết, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, phát triển văn hóa giáo dục và kinh tế xã hội.

Việc mở đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Địa lý học ở Trường Đại học Hồng Đức có thể giải quyết từng bước nhu cầu nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý tài nguyên môi trường, cán bộ khoa học và giáo viên môn địa lý học cho các huyện thị, thành phố tỉnh Thanh Hóa và vùng phụ cận.

3. KẾT QUẢ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC VÀ SAU ĐẠI HỌC NGÀNH ĐỊA LÝ HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Tính đến năm học 2016-2017, đã có 11 khóa đào tạo Đại học sư phạm địa lý, 36 khóa trình độ Cao đẳng Sư phạm Hóa Sinh Địa và Địa - Hóa, đã cung cấp cho tỉnh Thanh Hoá và các địa phương trong cả nước gần 2500 giáo viên Địa lý THCS

và THPT; hơn 50 cử nhân Địa lý học định hướng Du lịch và hơn 500 cử nhân địa lí định hướng Quản lý tài nguyên và môi trường.

Hiện nay, trường đang tổ chức đào tạo 4 khóa ĐHSP Địa lý và tuyển sinh khóa thứ 2 Đại học Quản lý tài nguyên và môi trường hệ chính quy với hơn 50 sinh viên học ngành 1 và 40 sinh viên học ngành 2.

4. LÝ DO MỞ CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ ĐỊA LÝ HỌC

4.1. Đủ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ ngành Địa lý học theo quy định:

Hiện nay Nhà trường có: 01 PGS.TS chuyên ngành Địa lý học; 03 tiến sĩ chuyên ngành Địa lý học và 06 TS chuyên ngành gần: 01 TS. Công nghệ Viễn thám; 01 TS. Sinh thái nhân văn; 01 TS. Lâm học; 01 TS. Lâm nghiệp; 01 TS. Thực vật học; 01 TS. Khoa học môi trường.

Ngoài ra còn có đội ngũ giảng viên thỉnh giảng là các giáo sư, chuyên gia đầu ngành, các nhà khoa học có uy tín và nhiều kinh nghiệm trong đào tạo sau đại học đã và đang công tác tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên-Đại học Quốc gia Hà Nội, Viện Địa lý- Viện Khoa học và CN Việt Nam tham gia giảng dạy và hướng dẫn luận văn thạc sĩ.

4.2. Nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ giáo viên môn Địa lý và cán bộ quản lý ngành Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện thị, thành phố của tỉnh Thanh Hóa và các tỉnh lân cận:

Thực tế cho thấy giáo viên THCS, THPT, các trường chuyên nghiệp và cán bộ của các phòng Tài nguyên Môi trường, cán bộ địa chính xã, trung tâm khuyến nông, khuyến lâm, quản lý phòng nông nghiệp, các vườn Quốc gia và KBTTN và cán bộ xã đang có nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn liên quan đến lĩnh vực Địa lý học. Vì vậy, đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Địa lý học ở Trường Đại học Hồng Đức là cần thiết, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường, góp phần phát triển văn hóa giáo dục, kinh tế xã hội tỉnh Thanh Hóa và vùng phụ cận.

4.3. Nhà trường đã có kinh nghiệm trong đào tạo trình độ thạc sĩ

Từ năm 2007, trường đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục & Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ. Đến nay Nhà trường đã được giao nhiệm vụ đào tạo 21 chuyên ngành Sau đại học (trong đó, 17 chuyên ngành trình độ thạc sĩ và 4 chuyên ngành trình độ tiến sĩ). Đây là những kinh nghiệm quý báu của Nhà trường trong công tác đào tạo trình độ thạc sĩ.

4.4. Nhà trường có một cơ sở vật chất khá đồng bộ

Cơ sở vật chất ngày càng được xây dựng đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô đào tạo. Thư viện được đầu tư mua sắm đầy đủ tài liệu, giáo trình; mạng Công

nghe Thông tin hoạt động thông suốt, phục vụ có hiệu quả cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong trường. Những điều kiện về cơ sở vật chất như đã nêu khẳng định Đại học Hồng Đức có khả năng đáp ứng yêu cầu mở rộng và phát triển của nhà trường về mọi mặt và có thể đảm nhận nhiệm vụ đào tạo sau đại học chuyên ngành **Địa lí học**.

Đối chiếu với Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT, ngày 04/4/2017, Trường Đại học Hồng Đức đã có đủ điều kiện để mở đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành **Địa lí học** và kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức được đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành: **Địa lí học**, Mã số: **60.31.05.01**

Phần thứ hai

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

1. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật giáo dục năm 2005 và Luật Giáo dục sửa đổi, bổ sung năm 2009 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Quyết định số 867/QĐ-TTg ngày 12/06/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ cho trường Đại học Hồng Đức;

- Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

- Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT, ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ GD&ĐT Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư số 04/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Quyết định số 709/QĐ-ĐHHĐ ngày 12/05/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường;

- Quyết định số 1510/QĐ-ĐHHĐ ngày 29/08/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về ban hành quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Hồng Đức;

- Nhu cầu học tập nâng cao trình độ của đội ngũ giáo viên Địa lí ở các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp nghề, giáo viên Địa lí ở các trường THPT cũng như sinh viên tốt nghiệp ngành Địa lí học; nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, giáo dục của tỉnh và nhà nước.

- Thực tế về năng lực đội ngũ, cơ sở vật chất của Nhà trường.

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Địa lí học nhằm trang bị cho học viên hệ thống lí luận địa lí, nâng cao kiến thức về chuyên ngành Địa lí kinh tế - xã hội và liên ngành địa lí; Giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp. Có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực thuộc ngành, chuyên ngành do thực tiễn đặt ra. Có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, trung thực, ý thức trách nhiệm đối với đất nước, dân tộc; có nghĩa vụ phục vụ nhân dân, sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi được giao; có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ Địa lí học để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc khóa học, học viên có khả năng:

Nắm vững lý thuyết về Địa lí kinh tế - xã hội; bổ sung năng lực thực tiễn trong nghiên cứu, đánh giá các vấn đề địa lí kinh tế - xã hội ở Việt Nam và trên thế giới. Trên cơ sở đó, học viên có thêm năng lực phát hiện và xử lý các vấn đề địa lí kinh tế- xã hội nảy sinh trong thực tiễn gắn với lý luận, để sau khi tốt nghiệp học viên có thể hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao phù hợp với chuyên ngành được đào tạo.

Tăng cường cho học viên có thêm nhiều kỹ năng trong nghiên cứu khoa học; sử dụng thành thạo những kỹ thuật, phương pháp khai thác thông tin, phân tích, tổng hợp; nâng cao khả năng thực hành lý thuyết với thực tiễn, ứng dụng công nghệ GIS, SPSS,..trong nghiên cứu địa lí kinh tế- xã hội. Từ đó, học viên có thêm phong kiến thức và kỹ năng vận dụng vào thực tế công việc theo đúng chuyên môn.

Có khả năng nghiên cứu và giảng dạy về Địa lí kinh tế - xã hội.

Có khả năng tham gia hoạch định đường lối chính sách phát triển kinh tế - xã hội của chính quyền địa phương các cấp.

2.2.1. Về kiến thức

* *Kiến thức chung*: Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản như:

- Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng ta về phát triển kinh tế - xã hội;

- Tiếng Anh cơ bản và tiếng Anh chuyên ngành: Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp và trong các hoạt động chuyên môn Địa lí kinh tế- xã hội. Có chứng chỉ tiếng Anh bậc 3, 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc có chứng chỉ tương đương; có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ để nghe hiểu, viết và trình

bày các báo cáo về chuyên ngành Địa lí học, trình bày các ý kiến và phản biện một vấn đề về chuyên ngành Địa lí học.

* *Kiến thức chuyên ngành:* Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu, gồm có:

- Kiến thức về địa lí kinh tế - xã hội đại cương và địa lí kinh tế-xã hội Việt Nam; một số vấn đề kinh tế - xã hội của Việt Nam trong bối cảnh mới. Vấn đề toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và khu vực;

- Về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu địa lí kinh tế - xã hội; Phương pháp điều tra xã hội học; Hệ thống thông tin địa lý GIS và ứng dụng của nó trong xây dựng CSDL và thành lập bản đồ địa lí kinh tế- xã hội; Ứng dụng SPSS trong nghiên cứu và xử lý số liệu địa lí kinh tế - xã hội.

- Những vấn đề lý luận và thực tiễn về tổ chức lãnh thổ kinh tế; quy hoạch vùng; về quần cư và đô thị hóa;

- Những kiến thức chuyên sâu về tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ).

2.2.2. Về kỹ năng mềm:

Trang bị, bổ sung cho học viên nắm vững lý thuyết về địa lí kinh tế - xã hội, phương pháp nghiên cứu chuyên ngành Địa lí kinh tế - xã hội, phương pháp nghiên cứu khoa học Địa lí chung, những kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn để họ có khả năng độc lập, sáng tạo trong nghiên cứu, giảng dạy và hoạt động phát triển kinh tế - xã hội thực tiễn. Cụ thể:

- Có khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức địa lí kinh tế- xã hội vào lĩnh vực công tác được giao;

- Có năng lực tư vấn, tham mưu lãnh đạo, quản lý, hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội;

- Có kỹ năng quản lý, lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội;

- Có khả năng nghiên cứu khoa học, giảng dạy địa lí kinh tế - xã hội ở các trường đại học, cao đẳng, trung cấp.

- Có khả năng ứng dụng Hệ thống thông tin địa lí (GIS) trong xây dựng cơ sở dữ liệu và thành lập bản đồ, sử dụng phần mềm SPSS xử lý số liệu thống kê.

2.2.3. Thái độ

Tuân thủ luật pháp, các nguyên tắc và chuẩn mực nghề nghiệp khi làm việc trong các cơ quan Nhà nước hay giảng dạy trong các trường học.

Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

Có thái độ cởi mở, thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc;

Có tinh thần học hỏi, trách nhiệm cao trong công việc.

2.2.4. Về đạo đức nghề nghiệp

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt;

- Trung thực và tâm huyết với nghề đã chọn;

- Đáp ứng được yêu cầu công tác trong các cơ quan Nhà nước từ trung ương đến địa phương; tham gia giảng dạy địa lí nói chung, Địa lí kinh tế - xã hội nói riêng ở các trường đại học, cao đẳng, THPT,...

2.2.5. Về năng lực

- Có thể nghiên cứu, giảng dạy những vấn đề về địa lí kinh tế - xã hội;

- Có khả năng nghiên cứu những vấn đề lý luận về địa lí tự nhiên, địa lí kinh tế- xã hội thế giới, khu vực và Việt Nam; tham gia hoạch định và tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ; nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề xã hội của địa lí dân cư; tư vấn cho nhà lãnh đạo trong các quyết định về quy hoạch vùng,...

- Sau khi tốt nghiệp, các Thạc sỹ Địa lí học có thể làm việc trong các cơ quan Nhà nước từ trung ương đến địa phương; tham gia giảng dạy địa lí nói chung, Địa lí kinh tế - xã hội nói riêng ở các trường đại học, cao đẳng, trường THPT,...

3. CHUẨN ĐẦU RA

3.1. Về kiến thức

3.1.1. Kiến thức ngành và liên ngành: Có kiến thức liên ngành có liên quan; có kiến thức tổng hợp về địa lí kinh tế- xã hội; có tư duy khoa học trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phát sinh; có kiến thức chung về quản trị và quản lý.

3.1.2. Kiến thức chuyên ngành: Có kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo Địa lí kinh tế- xã hội; có tư duy phản biện; làm chủ kiến thức chuyên ngành để thực hiện các công việc trong nghiên cứu và giảng dạy Địa lí kinh tế- xã hội; có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ.

3.1.3. Về luận văn: Luận văn cao học phải là một báo cáo khoa học của chính học viên, có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu khoa học, mang tính thời sự thuộc chuyên ngành Địa lí học, phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.

3.2. Về kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng chuyên môn:

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin địa lí kinh tế-xã hội để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề trong vực giảng dạy và nghiên cứu;
- Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn Địa lí kinh tế- xã hội với người cùng ngành và với những người khác;
- Có kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu địa lí kinh tế- xã hội;
- Có kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp như: ứng dụng Hệ thống thông tin địa lí (GIS) trong xây dựng cơ sở dữ liệu và thành lập bản đồ; sử dụng phần mềm SPSS xử lý số liệu thống kê.

3.2.2 Kỹ năng ngoại ngữ:

Trình độ tiếng Anh đạt được ở mức tương đương bậc 3,4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam do Nhà trường tổ chức đánh giá. Có kĩ năng ngoại ngữ ở mức có thể tiếp thu được một bài báo hay một bài phát biểu về một số chủ đề trong lĩnh vực chuyên ngành Địa lí học; có thể diễn đạt, viết báo cáo ngắn hoặc trình bày được ý kiến cơ bản của mình trong phản biện khoa học bằng ngoại ngữ thuộc lĩnh vực chuyên ngành Địa lí học.

3.3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

3.3.1. Năng lực tự chủ:

- Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành Địa lí học; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân và đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề thuộc lĩnh vực Địa lí học.
- Có năng lực định hướng, phát huy được trí tuệ tập thể, năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định của mình trong các hoạt động chuyên môn về Địa lí học

3.3.2. Năng lực tự chịu trách nhiệm:

- Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn;
- Có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch;
- Có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ và công việc được giao thuộc lĩnh vực Địa lí học;
- Có ý thức trách nhiệm, trung thực và chịu trách nhiệm cá nhân trong công việc.

4. THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

Đào tạo chính quy tập trung, thời gian 2,0 năm (24 tháng).

5. NGUỒN TUYỂN, ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

5.1. Nguồn tuyển

- Đúng ngành: Đã tốt nghiệp đại học Sư phạm Địa lí; đại học Địa lí học
- Ngành gần: ĐH Lâm nghiệp; ĐH Quản lý tài nguyên và môi trường; ĐH Quản lý đất đai; ĐH Nông học.

5.2. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể đối tượng tuyển sinh là:

a) Người có bằng tốt nghiệp đại học đúng ngành ĐH Sư phạm Địa lí và ĐH Địa lí học.

b) Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành ĐHSPP Địa lí, ĐH Địa lí học và đã học bổ sung kiến thức để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành Địa lí học

5.3. Điều kiện tuyển sinh

Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đủ các điều kiện quy định dưới đây được dự thi đào tạo thạc sĩ:

5.3.1. Về văn bằng: Người dự thi cần thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Đã tốt nghiệp đại học trong thời gian 10 năm (120 tháng) trở lại, kể từ ngày ghi trên bằng đại học đến ngày dự thi tuyển sinh ngành Địa lí học hoặc ngành có chương trình đào tạo đại học khác biệt dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành so với chương trình đào tạo ngành Đại học SP Địa lí, ĐH Địa lí học của trường Đại học Hồng Đức đang áp dụng tại thời điểm tuyển sinh.

b) Đã tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp III (trừ trường hợp đã quy định tại mục 4.2.1a và 4.2.1b hoặc ngành có chương trình đào tạo đại học khác biệt từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành so với chương trình đào tạo Đại học SP Địa lí của trường Đại học Hồng Đức và đã học bổ sung kiến thức 05 môn (10 tín chỉ):

- + Địa lí tự nhiên đại cương 1 : 2 tín chỉ
- + Địa lí tự nhiên đại cương 2 : 2 tín chỉ
- + Địa lí kinh tế - xã hội đại cương 1 : 2 tín chỉ
- + Địa lí kinh tế - xã hội đại cương 2 : 2 tín chỉ
- + Bản đồ học : 2 tín chỉ

c) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

5.3.2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

a) Người có bằng tốt nghiệp đại học loại Khá trở lên và ngành học đúng hoặc phù hợp với ngành đăng ký dự thi, được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

b) Những trường hợp còn lại phải có ít nhất một năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi, kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

5.3.3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

5.3.4. Có đủ sức khoẻ để học tập và lao động theo quy định tại Thông tư liên Bộ Y tế - Đại học, THCN và DN số 10/TT- LB ngày 18/8/1989 và Công văn hướng dẫn số 2445/TS ngày 20/8/1990 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.3.5. Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của cơ sở đào tạo.

5.4. Các đối tượng và chính sách ưu tiên

A. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn ở các địa phương miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo theo quy định của Chính phủ;

b) Thương binh, bệnh binh, người có giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, người có công với cách mạng;

đ) Người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn;

e) Con nạn nhân chất độc màu da cam;

(Người dự thi thuộc đối tượng ở mục A. a) phải có Quyết định tiếp nhận công tác hoặc biệt phái công tác của cấp có thẩm quyền).

B. Chính sách ưu tiên

a) Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng 1,0 điểm (thang điểm 10) vào kết quả thi cho môn cơ bản.

b) Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của 1 đối tượng.

5.5. Số lượng học viên có thể tiếp nhận hàng năm: 60 học viên, chia 2 đợt.

6. THANG ĐIỂM VÀ QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Theo thang điểm 10

- Điểm đánh giá học phần bao gồm tổng điểm của 3 nội dung đánh giá theo hệ số: bài kiểm tra thường xuyên (KT), điểm chuyên cần, tính độc lập và sáng tạo của học viên (CC) và điểm thi kết thúc học phần (ĐT) được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức sau:

Điểm học phần: ĐHP = 0,3KT + 0,2CC + 0,5ĐT.

Học phần đạt yêu cầu khi có điểm đánh giá học phần đạt từ 4,0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn). Nếu điểm trung bình chung các học phần chưa đạt 5,5 trở lên thì học viên phải đăng ký học lại một hoặc một số môn có điểm học phần dưới 5,5 hoặc có thể đổi sang học phần tương đương (nếu là học phần tự chọn) với khóa sau để cải thiện điểm. Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong 2 lần học. Nếu học viên học và thi lại nhưng điểm trung bình chung tất cả các học phần vẫn chưa đạt 5,5 thì học viên sẽ bị đình chỉ học tập.

7. CÁC MÔN THI TUYỂN

Thi 3 môn, bao gồm:

- Môn không chủ chốt: **Địa lí tự nhiên đại cương**
- Môn chủ chốt: **Địa lí kinh tế - xã hội đại cương**
- Môn ngoại ngữ: **Tiếng Anh**

Các trường hợp được miễn thi tiếng Anh: Có bằng tốt nghiệp đại học tiếng Anh hoặc tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài; Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành; Có bằng tốt nghiệp đại học tại các chương trình tiên tiến đào tạo trong nước mà ngôn ngữ dùng trong toàn bộ chương trình đào tạo là tiếng nước ngoài không qua phiên dịch; Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ được quy định tại Điểm d, Khoản 8, Điều 25 Quy định này hoặc tương đương Phụ lục I, trong thời hạn 2 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi.

8. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI TỐT NGHIỆP

8.1. Điều kiện tốt nghiệp

Có đủ điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 32 Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8.2. Cấp bằng điểm, cấp bằng thạc sĩ

Kết thúc khóa học, Hiệu trưởng quyết định cấp bằng Thạc sĩ và bằng điểm cho học viên đủ điều kiện tốt nghiệp và báo cáo Bộ giáo dục và Đào tạo.

Bảng điểm cấp cho học viên: Thạc sĩ Địa lí học, loại chương trình đào tạo (định hướng ứng dụng), tên các học phần trong chương trình đào tạo, thời lượng của mỗi học phần, điểm học phần, điểm trung bình chung các học phần, tên đề tài luận văn, điểm luận văn và danh sách Hội đồng đánh giá luận văn.

Hồ sơ đề nghị cấp bằng thạc sĩ gồm có:

- Bản sao bằng tốt nghiệp đại học
- Chứng chỉ môn tiếng Anh
- Lý lịch khoa học của học viên
- Hồ sơ bảo vệ luận văn
- Các hồ sơ khác theo quy định.

Tên văn bằng được cấp: **Thạc sĩ Địa lí học**

Phần thứ ba

NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU

Khoa Khoa học Xã hội là một trong những khoa lớn của Nhà trường. Hiện khoa có 9 Bộ môn: Văn học Việt Nam, Văn học nước ngoài, Lý luận dạy học và Phương pháp dạy học Ngữ văn, Ngôn ngữ học, Lịch sử, Địa lý Kinh tế-Xã hội và PPDH Địa lý, Địa lý Tự nhiên-Môi trường, Xã hội học và Việt Nam học - Du lịch với 71 cán bộ, giảng viên, trong đó: 68 giảng viên với 21 tiến sĩ (trong đó có 5 PGS) và 47 thạc sĩ (trong đó có 23 NCS).

Về giảng viên cơ hữu giảng dạy các học phần thuộc ngành Địa lí học (ngành đăng ký mở ngành mới) gồm 01 PGS.TS và 09 TS: PGS.TS. Lê Văn Trường; TS. Lê Kim Dung; TS. Nguyễn Quốc Tuấn; TS. Đào Thanh Xuân; TS. Lê Hữu Tân; TS. Hoàng Thị Hà; TS. Nguyễn Hữu Hào; TS. Lê Sĩ Chính; TS. Đậu Bá Thìn; TS. Bùi Thị Huyền.

Chương trình đào tạo của Khoa Khoa học Xã hội: hiện nay khoa đang quản lý và thực hiện 14 chương trình đào tạo gồm 2 chương trình tiến sĩ, 4 chương trình thạc sĩ, 9 chương trình cử nhân (6 chương trình cử nhân sư phạm, 4 chương trình cử nhân khoa học).

Cơ sở vật chất, kỹ thuật: là một khoa đa ngành trong một trường đào tạo đa ngành, khoa đã được tỉnh, nhà trường đầu tư xây dựng hệ thống phòng học khang trang với các thiết bị trình chiếu, nghe nhìn hiện đại; thư viện với nhiều đầu sách tham khảo, giáo trình, tạp chí chuyên ngành; hệ thống mạng Internet kết nối tới phòng học, phòng làm việc; hệ thống phòng thực hành, tư liệu cho bộ môn. Ngoài ra, nhà trường còn có các phòng thí nghiệm, phòng thực hành với các thiết bị, máy móc hiện đại, đảm bảo đủ năng lực phục vụ thực hành, thực tập và nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực quản lý môi trường: phân tích môi trường đất, nước và không khí... Toàn bộ cơ sở vật chất, kỹ thuật này đáp ứng nhu cầu rèn kỹ năng nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học cho sinh viên. Ngoài ra khoa đã giao cho hai bộ môn Địa lí xây dựng được hệ thống địa điểm liên kết đào tạo, thực tập, thực tế là Trung tâm Khí tượng thủy văn, Khu Bảo tồn thiên nhiên, các phòng chức năng khác trực thuộc Sở Tài nguyên môi trường trong và ngoài tỉnh đáp ứng nhu cầu đào tạo cho sinh viên.

Kết quả đào tạo: từ 1997-2017, khoa đã tuyển sinh được 10.437 sinh viên, trong đó có 7.815 sinh viên hệ chính qui do nhà trường tự đào tạo. Trong đó, riêng ngành SP Địa lí và Địa lí học (định QLTN&MT) đã tuyển sinh được 11 khóa với

gần 1300 sinh viên và đã có gần 1000 sinh viên đã tốt nghiệp ra trường. Phần lớn sinh viên đang giảng dạy tại các trường PTTH và PTCS; làm công chức địa chính xã, cán bộ phòng TNMT, các công ty môi trường, quỹ đất đô thị, khu bảo tồn thiên nhiên trong và ngoài tỉnh (trên 80% sinh viên đã tốt nghiệp làm đúng ngành nghề).

Đội ngũ giảng viên Tiếng Anh và Triết học của trường đã và đang giảng dạy Thạc sĩ của trường: 3 tiến sĩ Triết học; 2 tiến sĩ, 3 Nghiên cứu sinh và 7 thạc sĩ tiếng Anh (3 Thạc sĩ tốt nghiệp ở Mỹ, Anh, Úc).

DANH SÁCH

ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH ĐỊA LÝ HỌC

1.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đào tạo các học phần trong chương trình đào tạo ngành Địa lý học, trình độ thạc sĩ

STT	Họ tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích KH (số lượng đề tài, bài báo)	Tham gia giảng dạy học phần
1	Lê Văn Trường , 1958, Phó Hiệu trưởng trường ĐH Hồng Đức	PGS.TS, 2009, Việt Nam	Địa lý học	2015, ĐH Hồng Đức	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp bộ, tham gia 02 đề tài cấp dự án; chủ nhiệm 04 đề tài cấp tỉnh; chủ nhiệm 02 đề tài cấp cơ sở; 30 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành khoa học Trái Đất trong và ngoài nước; 10 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành khoa học Giáo dục; 10 bài báo đăng trên tạp chí khoa học Kinh tế- Quản trị kinh doanh; Chủ biên và đồng chủ biên 20 giáo trình, sách chuyên khảo và bài giảng	<ul style="list-style-type: none"> - Những vấn đề địa lý kinh tế- xã hội đại cương - Kinh tế và phát triển - Phương pháp nghiên cứu địa lý kinh tế - xã hội - Quy hoạch vùng - Một số vấn đề xã hội của địa lý dân cư - Việt Nam với hội nhập khu vực và quốc tế.
2	Lê Kim Dung , 1976, Trưởng	Tiến sĩ,	Địa lý tự		Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp cơ sở;	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở cảnh

	Bộ môn Địa lí Tự nhiên- Môi trường	2012, Nam	Việt	nhiên		tham gia 02 đề tài NCKH cấp tỉnh; 08 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước; 02 bài báo đăng trong Kỷ yếu hội nghị Địa lí toàn quốc; tham gia 04 Địa chí các huyện.	quan học và phân vùng địa lí tự nhiên - Bản đồ chuyên đề - Hệ thống thông tin địa lí (GIS) và ứng dụng trong địa lí - Địa lí tự nhiên đại cương
3	Nguyễn Quốc Tuấn , 1959, Phó Trưởng khoa (phụ trách) Khoa Khoa học Xã hội.	Tiến sĩ, 2003, Nam	Việt	GDH (PP dạy học Địa lí)	2016, ĐH Hồng Đức	- Tham gia 01 dự án THCS; chủ nhiệm 01 dự án; chủ nhiệm 02 đề tài NCKH cấp cơ sở; thành viên 01 đề tài NCKH cấp cơ sở; thư ký 01 đề tài NCKH cấp tỉnh; thành viên của 05 cuốn sách; chủ biên 02 cuốn sách; 09 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành; 06 bài đăng trên kỷ yếu hội nghị Địa lý toàn quốc.	- Phương pháp luận và phương pháp dạy học địa lí - Một số hình thức tổ chức dạy học hiện đại trong dạy học địa lí ở trường phổ thông

4	Đào Thanh Xuân , 1982, Trưởng Bộ môn Địa lí KT-XH và PPDH địa lí	Tiến sĩ, 2017, Việt Nam	Địa lí học		Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp cơ sở; tham gia 02 đề tài NCKH cấp cơ sở; 05 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước; 04 bài báo đăng trên Kỷ yếu hội nghị Địa lí toàn quốc	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế và phát triển - Phát triển bền vững - Một số vấn đề địa lí kinh tế- xã hội thế giới - Một số vấn đề địa lí kinh tế- xã hội Việt Nam - Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp - Địa lí các ngành kinh tế biển - Tổ chức lãnh thổ kinh tế
5	Nguyễn Hữu Tân , 1971, Phó phòng KĐCL, GV khoa Nông - lâm - ngư nghiệp	TS, 2015, Việt Nam	Lâm học	2015, ĐH Hồng Đức	Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp cơ sở; 06 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước.	<ul style="list-style-type: none"> - Địa lí tự nhiên đại cương - Hệ thống thông tin địa lí (GIS) và ứng dụng trong địa lí

6	Hoàng Thị Hà , 1974, Phó trưởng phòng Hợp tác và quan hệ quốc tế.	Tiến sĩ, 2016 CHLB Đức	Sinh thái- Phát triển bền vững	2015, ĐH Hồng Đức	Cộng tác viên 02 đề tài cấp bộ (hợp tác quốc tế với CHLB Đức, EU); 03 bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài; 07 bài báo đăng trên tạp chí trong nước.	- Phát triển bền vững
7	Nguyễn Hữu Hào , 1981, GV Bộ môn Khoa học đất, Khoa Nông- lâm- ngư nghiệp	Tiến sĩ, 2017 CHLB Đức	Công nghệ viễn thám		Cộng tác viên 02 đề tài cấp cơ sở.	-Hệ thống thông tin địa lí (GIS) và ứng dụng trong địa lí
8	Lê Sĩ Chính , 1982, GV Bộ môn Kỹ thuật công trình, khoa CNKT	Tiến sĩ, 2017 Việt Nam	Khoa học Môi trường		Chủ nhiệm 01 đề tài cấp tỉnh; thư ký 02 đề tài cấp tỉnh; đăng 01 bài báo trên tạp chí trong nước; 01 bằng độc quyền sáng chế.	- Phát triển bền vững
9	Đậu Bá Thìn , 1976 Phó Trưởng phòng Đào tạo, trường ĐH Hồng Đức	Tiến sĩ, 2013 Việt Nam	Thực vật học	2015, ĐH Hồng Đức	Chủ nhiệm 02 đề tài NCKH cấp cơ sở; thư ký 01 đề tài cấp nhà nước; đăng 13 bài báo trên tạp chí trong nước.	- Những vấn đề địa lí tự nhiên đại cương
10	Bùi Thị Huyền , 1975, Trưởng bộ môn lâm nghiệp, khoa Nông lâm ngư nghiệp	Tiến sĩ, 2015 Việt Nam	Lâm nghiệp	2015, ĐH Hồng Đức	Đăng 04 bài báo trên tạp chí trong nước; chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp cơ sở.	- Cơ sở cảnh quan học và phân vùng địa lí tự nhiên

1.2. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đứng tên mở ngành, giảng viên giảng dạy lý thuyết phần kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành của chuyên ngành đào tạo Địa lý học

STT	Họ tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích KH (số lượng đề tài, bài báo)
1	Lê Văn Trường , 1958, Phó Hiệu trưởng trường ĐH Hồng Đức	PGS.TS, 2009 Việt Nam	Địa lý học	2015, ĐH Hồng Đức	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp bộ, tham gia 02 đề tài cấp dự án; chủ nhiệm 04 đề tài cấp tỉnh; chủ nhiệm 02 đề tài cấp cơ sở; 30 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành khoa học Trái Đất trong và ngoài nước; 10 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành khoa học Giáo dục; 10 bài báo đăng trên tạp chí khoa học Kinh tế- Quản trị kinh doanh; Chủ biên và đồng chủ biên 20 giáo trình, sách chuyên khảo và bài giảng
2	Lê Kim Dung , 1976, Trưởng Bộ môn Địa lí Tự nhiên- Môi trường	Tiến sĩ, 2012 Việt Nam	Địa lí tự nhiên		Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp cơ sở; tham gia 02 đề tài NCKH cấp tỉnh; 08 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước; 02 bài báo đăng trong Kỷ yếu hội nghị Địa lí toàn quốc; tham gia 04 Địa chí các huyện.
3	Nguyễn Quốc Tuấn , 1959, Phó Trưởng khoa (phụ trách) Khoa Khoa học Xã hội.	Tiến sĩ, 2003, Việt Nam	GDH (PP dạy học Địa lí)	2016, ĐH Hồng Đức	Tham gia 01 dự án THCS; chủ nhiệm 01 dự án; chủ nhiệm 02 đề tài NCKH cấp cơ sở; thành viên 01 đề tài NCKH cấp cơ sở; thư ký 01 đề tài NCKH cấp tỉnh; thành viên của 05 cuốn sách; chủ biên 02 cuốn

					sách; 09 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành; 06 bài đăng trên kỷ yếu hội nghị Địa lý toàn quốc.
4	Đào Thanh Xuân , 1982, Trưởng Bộ môn Địa lí KT-XH và PPDH địa lí	Tiến sĩ, 2017, Việt Nam	Địa lí học		Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp cơ sở; tham gia 02 đề tài NCKH cấp cơ sở; 05 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước; 04 bài báo đăng trên Kỷ yếu hội nghị Địa lý toàn quốc
5	Nguyễn Hữu Tân , 1971, Phó phòng KĐCL, GV khoa Nông – lâm - ngư nghiệp	TS, 2015, Việt Nam	Lâm học	2015, ĐH Hồng Đức	Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp cơ sở; 06 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước.
6	Hoàng Thị Hà , 1974, Phó trưởng phòng Hợp tác và quan hệ quốc tế.	Tiến sĩ, 2016 CHLB Đức	Sinh thái- Phát triển bền vững	2015, ĐH Hồng Đức	Cộng tác viên 02 đề tài cấp bộ (hợp tác quốc tế với CHLB Đức, EU); 03 bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài; 07 bài báo đăng trên tạp chí trong nước.
7	Nguyễn Hữu Hảo , 1981, GV Bộ môn Khoa học đất, Khoa Nông- lâm- ngư nghiệp	Tiến sĩ, 2017 CHLB Đức	Công nghệ viễn thám		Cộng tác viên 02 đề tài cấp cơ sở.
8	Lê Sĩ Chính , 1982, GV Bộ môn Kỹ thuật công trình, khoa CNKT	Tiến sĩ, 2017 Việt Nam	Khoa học Môi trường		Chủ nhiệm 01 đề tài cấp tỉnh; thư ký 02 đề tài cấp tỉnh; đăng 01 bài báo trên tạp chí trong nước; 01 bằng độc quyền sáng chế.
9	Đậu Bá Thìn , 1976 Phó Trưởng phòng Đào tạo, trường ĐH Hồng Đức	Tiến sĩ, 2013 Việt Nam	Thực vật học	2015, ĐH Hồng Đức	Chủ nhiệm 02 đề tài NCKH cấp cơ sở; thư ký 01 đề tài cấp nhà nước; đăng 13 bài báo trên tạp chí trong nước.
10	Bùi Thị Huyền , 1975,	Tiến sĩ, 2015	Lâm	2015, ĐH Hồng Đức	Đăng 04 bài báo trên tạp chí trong nước; chủ

Trưởng bộ môn lâm nghiệp, khoa Nông lâm ngư nghiệp	Việt Nam	ng nghiệp		nhiệm 01 đề tài NCKH cấp cơ sở.
---	----------	-----------	--	---------------------------------

1.3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu các ngành tham gia đào tạo

STT	Họ tên, năm sinh, Chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích KH (số lượng đề tài, bài báo)
1	Lê Văn Trường , 1958, Phó Hiệu trưởng trường ĐH Hồng Đức	PGS, 2013	TS, Việt Nam 2009	Địa lý học	2015, ĐH Hồng Đức	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp bộ, tham gia 02 đề tài cấp dự án; chủ nhiệm 04 đề tài cấp tỉnh; chủ nhiệm 02 đề tài cấp cơ sở; 30 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành khoa học Trái Đất trong và ngoài nước; 10 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành khoa học Giáo dục; 10 bài báo đăng trên tạp chí khoa học Kinh tế- Quản trị kinh doanh; Chủ biên và đồng chủ biên 20 giáo trình, sách chuyên khảo và bài giảng
2	Lê Kim Dung , 1976, Trưởng Bộ môn Địa lí Tự nhiên- Môi trường		Tiến sĩ, 2012 Việt Nam	Địa lí tự nhiên		Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp cơ sở; tham gia 02 đề tài NCKH cấp tỉnh; 08 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước; 02 bài báo đăng trong Kỷ yếu hội nghị Địa lí toàn quốc; tham gia 04 Địa chí các huyện.
3	Nguyễn Quốc Tuấn , 1959, Phó Trưởng khoa (phụ trách) Khoa Khoa		Tiến sĩ, 2003, Việt Nam	GDH (PP dạy học Địa lí)	2016, ĐH Hồng Đức	Tham gia 01 dự án THCS; chủ nhiệm 01 dự án; chủ nhiệm 02 đề tài NCKH cấp cơ sở; thành viên 01 đề tài NCKH cấp cơ sở; thư ký 01 đề tài NCKH cấp tỉnh; thành viên của 05

	học Xã hội.					cuốn sách; chủ biên 02 cuốn sách; 09 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành; 06 bài đăng trên kỷ yếu hội nghị Địa lý toàn quốc.
4	Đào Thanh Xuân , 1982, Trưởng Bộ môn Địa lí KT-XH và PPDH địa lí		Tiến sĩ, 2017, Việt Nam	Địa lí học		Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp cơ sở; tham gia 02 đề tài NCKH cấp cơ sở; 05 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước; 04 bài báo đăng trên Kỷ yếu hội nghị Địa lý toàn quốc
5	Nguyễn Hữu Tân , 1971, Phó phòng KĐCL, GV khoa Nông – lâm - ngư nghiệp		TS, 2015, Việt Nam	Lâm học	2015, ĐH Hồng Đức	Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp cơ sở; 06 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước.
6	Hoàng Thị Hà , 1974, Phó trưởng phòng Hợp tác và quan hệ quốc tế.		Tiến sĩ, 2016 CHLB Đức	Sinh thái-Phát triển bền vững	2015, ĐH Hồng Đức	Cộng tác viên 02 đề tài cấp bộ (hợp tác quốc tế với CHLB Đức, EU); 03 bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài; 07 bài báo đăng trên tạp chí trong nước.
7	Nguyễn Hữu Hào , 1981, GV Bộ môn Khoa học đất, Khoa Nông- lâm- ngư nghiệp		Tiến sĩ, 2017 CHLB Đức	Công nghệ viễn thám		Cộng tác viên 02 đề tài cấp cơ sở.
8	Lê Sĩ Chính , 1982, GV Bộ môn Kỹ thuật công trình,		Tiến sĩ, 2017 Việt Nam	Khoa học Môi trường		Chủ nhiệm 01 đề tài cấp tỉnh; thư ký 02 đề tài cấp tỉnh; đăng 01 bài báo trên tạp chí trong nước; 01 bằng độc quyền sáng chế.

	khoa CNKT					
9	Đậu Bá Thìn , 1976 Phó Trưởng phòng Đào tạo, trường ĐH Hồng Đức		Tiến sĩ, 2013 Việt Nam	Thực vật học	2015, ĐH Hồng Đức	Chủ nhiệm 02 đề tài NCKH cấp cơ sở; thư ký 01 đề tài cấp nhà nước; đăng 13 bài báo trên tạp chí trong nước.
10	Bùi Thị Huyền , 1975, Trưởng bộ môn lâm nghiệp, khoa Nông lâm ngư nghiệp		Tiến sĩ, 2015 Việt Nam	Lâm nghiệp	2015, ĐH Hồng Đức	Đăng 04 bài báo trên tạp chí trong nước; chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp cơ sở.
11	Mai Thị Quý , 1969, P. Trưởng khoa LLCT		Tiến sĩ, Việt Nam 2007	Triết học	ĐH Hồng Đức, 2008 Viện Triết học	2 đề tài cấp cơ sở, 12 bài báo chuyên ngành.
12	Lê Thị Thắm , 1975, Trưởng BM nguyên lý		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Triết học	ĐH Hồng Đức, 2013	Chủ trì 01 đề tài cấp cơ sở, tham gia 02 đề tài NCKH cấp cơ sở, 05 bài báo chuyên ngành.
13	Trịnh Thị Thơm , 1968, Trưởng khoa NN		Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	ĐH Hồng Đức, 2008	2 đề tài cấp cơ sở, 3 bài báo chuyên ngành.
14	Nguyễn Thị Quyết , 1976, P. Tr khoa NN		Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	ĐH Hồng Đức, 2009	1 đề tài cấp cơ sở, 4 bài báo chuyên ngành.

1.4. Danh sách cán bộ quản lý phụ trách chuyên ngành đào tạo Địa lí học, trình độ thạc sĩ

STT	Họ tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	Lê Văn Trường , 1958, Phó Hiệu trưởng trường ĐH Hồng Đức	PGS.TS, 2009 Việt Nam	Địa lí học	
2	Nguyễn Quốc Tuấn , 1959, Phó Trưởng khoa (phụ trách) Khoa Khoa học Xã hội.	Tiến sĩ, 2003, Việt Nam	GDH (PP dạy học Địa lí)	
3	Đào Thanh Xuân , 1982, Trưởng Bộ môn Địa lí KT-XH và PPDH địa lí	Tiến sĩ, 2017, Việt Nam	Địa lí học	
4	Lê Kim Dung , 1976, Trưởng Bộ môn Địa lí Tự nhiên - Môi trường	Tiến sĩ, 2012 Việt Nam	Địa lí tự nhiên	

Thanh Hoá, ngày 19 tháng 10 năm 2017

TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ

TRƯỞNG KHOA

2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

2.1. Thiết bị phục vụ đào tạo:

2.1.1. Phòng seminar

Đáp ứng tốt yêu cầu sinh hoạt, hội thảo khoa học chuyên ngành cho 50 học viên; có đầy đủ phương tiện hiện đại như Projector, Overhead, bảng, bàn ghế, nối mạng, máy tính.

2.1.2. Phòng học chuyên ngành

Trang bị bàn ghế, bảng, máy chiếu, tăng âm, máy tính nối mạng đạt tiêu chuẩn cho 1 lớp học từ 30 đến 35 học viên.

2.1.3. Phòng cho học viên tự nghiên cứu

Phòng 30m², trang bị 30 bộ bàn ghế, 1 bảng, 30 máy tính nối mạng Internet, 1 tủ sách và tạp chí chuyên ngành phục vụ cho học viên có thể tự học, tìm tài liệu học tập và tự nghiên cứu.

2.1.4. Phòng học đa phương tiện

Là phòng học được đầu tư (bàn ghế, máy chiếu đa năng, máy tính, bảng đa năng, thiết bị âm thanh..) đạt tiêu chuẩn, có thể phục vụ cho 1 lớp học có 35 học viên.

2.1.5. Phòng học tiếng (LAB)

Đáp ứng yêu cầu cho học viên học tập ngoại ngữ đạt trình độ chuẩn quốc tế, được nối mạng phục vụ cho các kỳ thi tiếng Anh cấp chứng chỉ quốc tế. Số phòng LAB: 3 phòng (đặt tại Khoa Ngoại Ngữ, Trung tâm Giáo dục Quốc tế).

2.1.6. Trung tâm hỗ trợ học tập

Nhà trường có 1 trung tâm hỗ trợ học tập: với tổng diện tích 120 m², có đầy đủ phương tiện, có thể phục vụ trên 150 học viên đến học tập, tìm kiếm thông tin, truy cập Internet, tìm đọc tài liệu cơ sở, cơ bản và chuyên ngành.

2.1.7. Phòng thực hành nghiệp vụ ngành Địa lí học

Nhà trường có 3 phòng thực hành nghiệp vụ với trang thiết bị máy tính, máy chiếu, phần mềm quản lý giúp sinh viên ngành kinh tế có thể học tập và thực hiện các đề tài luận văn tốt nghiệp.

a. Phòng thực hành

STT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính Hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học/học phần
1	Phòng máy	30	- Máy tính	50	- Hệ thống thông tin địa lí (GIS) và ứng dụng trong địa lí
			- Phụ kiện đi kèm	50	
2	Phòng thiết bị	20	- Quả địa cầu	10	- Bản đồ chuyên đề

và thực hành 2 Bộ môn Địa lí, khoa KHXH, trường ĐH Hồng Đức	- Bản đồ, sơ đồ	15	- Địa lí tự nhiên đại cương
	- Máy đo độ ẩm, nhiệt độ	2	
	- La bàn địa chất	1	
	- Các mô hình cấu tạo Trái Đất	3	
	- La bàn	10	
	- Máy định vị GPS 76	1	

b. Các loại máy, thiết bị phục vụ đào tạo

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị
1	Phòng Multimedia gồm 80 máy học viên và 1 bộ máy giáo viên nối mạng. Máy tính CMS, Mạng Cisco.	Nhật Bản và Việt Nam, 2003	02 phòng	Các học phần Ngoại ngữ, các seminar, hội thảo chuyên đề chuyên ngành.
2	Phòng học ngoại ngữ và hội thảo gồm 72 máy tính học sinh và 2 máy giáo viên. Máy tính HP, Mạng Cisco.	Nhật Bản và Trung Quốc, 2005	03 phòng	Các học phần Ngoại ngữ, các seminar, hội thảo chuyên đề chuyên ngành.
3	Phòng học ngoại ngữ, trong đó có 2 phòng nối mạng gồm 94 máy tính cho học sinh 3 máy giáo viên. Máy tính HP, Mạng Cisco.	Nhật Bản và Trung Quốc, 2008	06 phòng	Các học phần Ngoại ngữ, các seminar, hội thảo chuyên đề chuyên ngành.
4	Máy chiếu đa năng Projector	Nhật Bản, 2007	78 máy	Tất cả các học phần cơ sở và chuyên ngành
5	Máy tính đang sử dụng được. Máy tính HP, Acer, IBM	Nhật Bản, 2005	821 máy	Tất cả các học phần cơ sở và chuyên ngành
6	Phòng thực hành máy tính	Nhật Bản, 2009	60 máy	Các học phần cơ sở và bổ trợ
7	Mạng Internet không dây	Nhật Bản 2013		

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 10 năm 2017

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN TRỊ, VẬT TƯ- THIẾT BỊ

2.2. Thư viện

Thư viện nhà trường có tổng diện tích 2.685,5m²

- Số chỗ ngồi 400 chỗ; số máy tính phục vụ tra cứu 120 máy, có kết nối internet cấp quang tốc độ cao, wifi (không hạn chế số lượng máy truy cập).

- Sử dụng phần mềm quản lý thư viện Libol 6.0;

- Thư viện điện tử: Có 120 máy tính phục vụ tra cứu;

- Số lượng sách, giáo trình: Với 2834 danh mục giáo trình (49087 cuốn), 8382 danh mục (79884 cuốn) 894 bản báo và tạp chí, 8 bộ giáo trình điện tử, trong đó có nhiều đầu sách phục vụ cho việc nghiên cứu trình độ đại học ngành “Địa lí”.

- Website của trường: Được cập nhật thường xuyên, có đầy đủ các tiện ích phục vụ việc học tập, nghiên cứu và quản lý; thông tin được cập nhật đầy đủ, công khai, minh bạch cam kết chất lượng giáo dục, chất lượng giáo dục thực tế.

Địa chỉ Website của nhà trường www.hdu.edu.vn.

Trong bảng dưới đây, chúng tôi chỉ liệt kê những sách và tạp chí sử dụng trong đào tạo Sau đại học chuyên ngành Địa lí học đang được lưu trữ tại Trung tâm Thông tin và tư liệu trường Đại học Hồng Đức.

T T	Tên sách, tên tạp chí	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB	Số lượng	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
1	Triết học Mác – Lênin	Bộ GD&ĐT	NXB Chính trị QG	2013	15	Triết học
2	Triết học Mác - Lênin dành cho học viên không chuyên	Bộ GD&ĐT	NXB Chính trị QG	2012	10	Triết học
3	Lênin toàn tập	Bộ GD&ĐT	NXB Chính trị QG	1980	10	Triết học
4	Những NL cơ bản của CN Mác-Lênin	Bộ GD&ĐT	NXB Chính trị QG	2014	10	Triết học
5	Meaning into words	Adrian Doff	Cambridge University Press	2011	10	Tiếng Anh 1
6	Writing Academic English	Ann Hogue	NXB Trẻ	2011	10	Tiếng Anh 1
7	A reading Skill Book	Elaine Kirn	Printed in	2010	05	Tiếng Anh 1,

			Singapore			2
8	Reading By All Means	Elite Olshtain	Addison Wesley Publishing Copany	2010	10	Tiếng Anh 1, 2
9	Practical Faster Reading	Gerald M	Cambridge University Press	2010	05	Tiếng Anh 1, 2
10	New Interchange	Jack C	Oxford University Press	2010	05	Tiếng Anh 1
11	New Headway Intermediate	John Soars	Oxford University Press	2010	10	Tiếng Anh 1
12	Newbury House Publishers	Patricia Akert	Newbury House Publishers	2010	10	Tiếng Anh 1
13	Teaching Geography through English	Cambridge University, 2005	Oxford	2014	05	Tiếng Anh 2
14	English for Accounti English for students of Geography and Ecology ng	Pavla University, 2009	Oxford	2014	05	
15	Cơ sở địa lý tự nhiên, tập 1, 2, 3	Lê Bá Thảo (Chủ biên)	NXB Giáo dục, Hà Nội	1985	05	Những vấn đề địa lí tự nhiên đại cương
16	Địa lý tự nhiên đại cương 1	Nguyễn Trọng Hiếu (Chủ biên)	Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội	2006	10	
17	Địa lý tự nhiên đại cương 2	Hoàng Ngọc Oanh (Chủ biên)	Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội	2006	10	
18	Địa lý tự nhiên đại cương 3	Nguyễn Thị Kim Chương (Chủ biên)	Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội	2006	05	

19	Adaptation to Climate Change in Developing world.	Neil Adger, W., Huq, S., Brown, K., Conway, D., Hulme, M.	Sage Publication	2003	01	
20	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương	Nguyễn Minh Tuệ, Nguyễn Việt Thịnh, Lê Thông	NXB ĐHSP	2005	05	Những vấn đề địa lý kinh tế - xã hội đại cương
21	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương	Lê Văn Trường	NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội.	2005	05	
22	Địa lý Dịch vụ (tập 1)	Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ	NXB Đại học sư phạm	2011	10	
23	Địa lý thương mại và du lịch	Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.	2010	05	
24	World Development Indicators	World Bank	CD-room, Washington.	2002	01	
25	Phương pháp giảng dạy địa lý kinh tế (tập 1,2).	NN. Barranxki	Nxb Giáo dục	1970, 1972	10	Phương pháp luận và phương pháp dạy học địa lý
26	Lý luận dạy học Địa lý.	Nguyễn Dược, Nguyễn Trọng Phúc.	NxbĐHSP	2004	10	
27	Những cơ sở của lý luận dạy học.	B.P. E xipôp.	NxbGD	1977	05	
28	Bài giảng ESRI ArcGIS 8.1	Trần Quốc Bình	Hà Nội	2004	05	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và ứng dụng trong địa lý
29	Getting started with Geographic Infomlation Systems	Keith C. Clarke		1999	05	

	Prentice Hall					
30	Cơ sở Hệ thống thông tin địa lý trong quy hoạch và quản lý đô thị	Phạm Trọng Mạnh, Phạm Vọng Thành	NXB Xây dựng, Hà Nội	1999.	10	
31	Giáo trình kinh tế học phát triển	GS.TS Trần Văn Chừ	Nxb Lý luận chính trị tái bản năm	2007.	10	Kinh tế phát triển
32	Tập bài giảng phát triển bền vững ở Việt Nam.	GS.TS Hoàng Ngọc Hòa	Nxb Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	2006	05	
33	The practical guide to waste management law.	Hawkins. R. G. P., and Shaw. H. S.,	Lodon: Thomas Telford.	(2004)	01	
34	Bản đồ chuyên đề.	Lâm Quang Dốc	Nxb Đại học Sư phạm	2002	10	Bản đồ chuyên đề
35	Bản Đồ Học Chuyên	Trần Tấn Lộc	Đề. Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM	2004.	10	
36	Bản đồ chuyên đề	PGS. TS. Lê Huỳnh, PGS. TS. Lê Ngọc Nam	NXB Giáo dục.	2011	05	
37	The new nature of maps: Essay in the history of cartography	J. B. Harley	Lodon: The Johns Hopkins University Press.	2001	01	
38	Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam	Chính phủ Nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam	(Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam), Hà Nội	2004	05	Phát triển bền vững
39	Môi trường và phát triển bền vững	Nguyễn Đình Hòa	Nxb giáo dục	2007	05	
40	Luc Hens anh Dimitri Devuy	Bhaskar Nath	Sự thật, Textbook on	1996	10	

			UNESCO, Paris.			
41	Phát triển bền vững từ quan niệm đến hành động.	Hà Huy Thành, Nguyễn Ngọc Khánh	Nxb Khoa học xã hội.	2009	10	
42	Giáo trình địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam (tập 2).	Đỗ Thị Minh Đức (chủ biên), Nguyễn Việt Thịnh, Vũ Như Vân	NXB. Đại học sư phạm	2007	05	Việt Nam với hội nhập khu vực và quốc tế
43	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam.	Lê Thông (chủ biên), Nguyễn Văn Phú, Nguyễn Minh Tuệ	NXB. Giáo dục	2011.	05	
44	Giáo trình Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam (tập 1).	Nguyễn Việt Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức	NXB. Giáo dục	2005	10	
45	Toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	Ngô Văn Diễm	NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2004	10	
46	Evaluates the impact of hydro energy storage to transport efficiency of the power system.	Duong. M. H.	Da Nang: Da Nang University.	2012	01	
47	Giải pháp giáo dục	Hồ Ngọc Đại	Nxb Giáo dục Việt Nam	2010	05	Một số hình thức tổ chức dạy học hiện đại trong dạy học địa lí ở trường phổ
48	Phương pháp dạy học địa lý theo hướng tích cực.	Đặng Văn Đức và nnk	Nxb Đại học sư phạm	2004	05	
49	Đa trí tuệ trong lớp	Thomas	Nxb Giáo dục	2011	05	

	học	Amstronng, (Lê Quang Long dịch)	Việt Nam			thông
50	Các phương pháp dạy học hiệu quả	Robert J. Marzano Debra(Nguyễn Hồng Vân dịch), J. Pickering, Jane E. Pollock	Nxb Giáo dục Việt Nam	2011	10	
51	Cơ sở cảnh quan học của việc sử dụng hợp lí nguồn TNTN, bảo vệ môi trường lãnh thổ Việt Nam.	Phạm Hoàng Hải, Nguyễn Thượng Hùng, Nguyễn Ngọc Khánh	NXB Giáo dục	1997	10	
52	Đánh giá cảnh quan (theo hướng tiếp cận kinh tế sinh thái).	Nguyễn Cao Huân	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội	2005	05	
53	Cảnh quan học ứng dụng.	Isachenko, A.G.	NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.	1985	05	Cơ sở cảnh quan học và phân vùng địa lý tự nhiên
54	Sự phát triển của khoa học địa lý trong thế kỉ XX.	Vũ Tự Lập	NXBGD, Hà nội	2004	05	
55	Những quy luật địa lý chung của Trái Đất.	Kalexlik	NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội	1973	10	
56	Cơ sở cảnh quan học và phân vùng địa lý tự nhiên.	Isachenko, A.G	NXBKH&KT, Hà Nội	1969	10	
57	Đầu tư trực tiếp nước	Nguyễn	NXB Khoa học	2000	05	

	ngoài ở Trung Quốc từ 1979 đến nay	Kim Bảo	xã hội			đề địa lí kinh tế - xã hội thế giới
58	Toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	Ngô Văn Diễm	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2004	05	
59	Tạp chí những vấn đề kinh tế thế giới. Viện kinh tế thế giới.	Viện Kinh tế thế giới	TTKHXH & NV Quốc gia		05	
60	Giáo trình địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam (tập 2).	Đỗ Thị Minh Đức (chủ biên), Nguyễn Việt Thịnh, Vũ Như Vân	NXB Đại học sư phạm	2007	05	Một số vấn đề địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam
61	Toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	Ngô Văn Diễm	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2004	10	
62	Giáo trình Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam (tập 1).	Nguyễn Việt Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức	NXB Giáo dục	2005	10	
63	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam	Lê Thông (chủ biên), Nguyễn Văn Phú, Nguyễn Minh Tuệ	NXB Giáo dục, Hà Nội	2011	05	
64	Tập bài giảng và bài tập thực hành về phương pháp nghiên cứu địa lí kinh tế - xã hội.	Nguyễn Việt Thịnh và Đỗ Thị Minh Đức			05	
65	Windows, MS Office, Internet ứng dụng trong nghiên cứu và	Nguyễn Việt Thịnh, Đỗ Thị Minh	NXB ĐHSP, Hà Nội	2010	05	Phương pháp nghiên cứu địa lí kinh tế - xã hội

	giảng dạy Địa lý. (tái bản có sửa chữa và bổ sung).	Đức, Phạm Kim Chung, Nguyễn Tường Huy.				
66	SPSS 8.0 và 9.0- Ứng dụng phân tích dữ liệu trong quản trị kinh doanh và khoa học tự nhiên - xã hội.	Nguyễn Văn Liệu, Nguyễn Đình Cừ, Nguyễn Quốc Anh	NXB Giao thông vận tải	2000.	10	
67	Tổ chức lãnh thổ công nghiệp dành cho cao học.	Nguyễn Minh Tuệ.	Trường ĐHSP Hà Nội	2010	10	Tổ chức lãnh thổ công nghiệp
68	Tổ chức lãnh thổ công nghiệp Việt Nam	Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ	NXB Giáo dục, HN	2000	05	
69	Một số vấn đề về Địa lý công nghiệp	Nguyễn Minh Tuệ	Vụ Giáo viên	1995	05	
70	Địa lý các ngành công nghiệp trọng điểm ở Việt Nam.	Lê Thông (chủ biên).	NXB Giáo dục	2008	05	
71	Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp Việt Nam.	PGS. TS. Đặng Văn Phan	NXB Giáo dục	2008	10	Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp
72	Những vấn đề lý luận cơ bản về phát triển nông thôn theo vùng.	F. Amador, G. Rul-lan, L. Estipa ; Dịch: Nguyễn Thị Minh Hiền, Nguyễn Mậu Dũng	Nxb CTQG, Hà Nội	2004.	10	
73	Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp trên thế giới.	Lê Thông	NXB Giáo dục	1996	05	
74	Nhập môn địa lý nhân văn	Lê Thông.	Nhà xuất bản Giáo dục	1996	05	

75	Nông nghiệp nông thôn Việt Nam - 20 năm đổi mới và phát triển.	Đặng Kim Sơn	NXB CTQG, Hà Nội	2006.	04	
76	Địa lý du lịch Việt Nam	Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên)	NXB Giáo dục.	2011	05	Tổ chức lãnh thổ dịch vụ
77	Địa lý KT - XH đại cương	Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên), Nguyễn Việt Thịnh, Lê Thông	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.	2005	10	
78	Địa lý thương mại và du lịch	Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (đồng chủ biên)	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.	2011,	10	
79	Địa lý Giao thông vận tải.	Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ (đồng chủ biên)	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.	2011	05	
80	TCLTKT - XH Việt Nam – Nghệ thuật đảm bảo đất nước phát triển thành công trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	Bộ Kế hoạch và đầu tư - Viện chiến lược và phát triển	. Kỹ yếu hội thảo khoa học, Hà Nội	2007	05	Tổ chức lãnh thổ kinh tế
81	Kỹ yếu 20 năm xây dựng và phát triển KCN, KCX, KKT ở Việt Nam	Bộ Kế hoạch và đầu tư	Hà Nội	2012	10	
82	Cơ sở khoa học của tổ chức lãnh thổ Việt Nam	Chủ nhiệm đề tài: Lê Bá Thảo	Đề tài độc lập và trọng điểm cấp Nhà nước	1996	10	

83	Quy hoạch vùng.	Phạm Kim Giao	NXB Xây dựng	2000	05	Quy hoạch vùng
84	Nghiên cứu chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.	Ngô Doãn Vĩnh.	NXB Chính trị Quốc gia	2003	05	
85	Quy hoạch vùng.	E.N.Perxik. NXB.	Khoa học kỹ thuật, (Bản dịch tiếng Việt).	1978	05	
86	Đô thị Việt Nam (2 tập)	Đàm Trung Phường	Nhà xuất bản Xây dựng	1995	10	Quản cư và đô thị hóa
87	Đô thị hôm qua, hôm nay và ngày mai	Trương Quang Thao	NXB Xây dựng	1988	10	
88	Đô thị học, những khái niệm mở đầu	Trương Quang Thao	NXB Xây dựng	2003	05	
89	Nền kinh tế các tỉnh vùng ven biển của Việt Nam	Thế Đạt	NXB Lao động.	2009	05	Địa lí các ngành kinh tế biển
90	Biển và cảng biển thế giới	Phạm Văn Giáp (Chủ biên)	NXB Xây dựng.	2002	05	
91	Nội dung và phương pháp tuyên truyền chủ quyền biển đảo cho học sinh, sinh viên trong tình hình hiện nay	Nguyễn Chu Hồi	Báo cáo tập huấn công tác quản lý Biển và hải đảo	2013	10	

Thanh Hoá, ngày 19 tháng 10 năm 2017

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM THÔNG TIN - THƯ VIỆN

3. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

3.1. Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên đã và đang thực hiện có liên quan đến chuyên ngành Địa lí học

TT	Tên chủ nhiệm đề tài	Tên đề tài	Cấp quyết định	Năm nghiệm thu	KQ nghiệm thu
1.	PGS. TS. Lê Văn Trường	Sử dụng tranh ảnh giáo khoa địa lí Lớp 6,7 theo định hướng tích cực hoá hoạt động nhận thức của học sinh	Dự án phát triển Giáo viên THCS	2004	Xuất sắc
2.	PGS. TS. Lê Văn Trường	Nghiên cứu xác định các loại hình, điểm và tuyến du lịch vùng địa giới Thanh Hoá-Ninh Bình	Trường	2007	Xuất sắc
3.	PGS. TS. Lê Văn Trường	Nghiên cứu nông nghiệp đô thị thế giới phục vụ việc lựa chọn giải pháp phát triển nông nghiệp đô thị ở Việt Nam	Trường	2008	Xuất sắc
4.	PGS. TS. Lê Văn Trường	Nghiên cứu xác định các loại hình, điểm, khu và tuyến du lịch khu vực phía tây đường Hồ Chí Minh tỉnh Thanh Hoá	Tỉnh	2009	Xuất sắc
5.	PGS. TS. Lê Văn Trường	Nghiên cứu các hệ thống sản xuất nông nghiệp đô thị ở TP Thanh Hoá	Bộ	2012	Tốt
6.	PGS. TS. Lê Văn Trường	Phát huy giá trị truyền thống của người Thanh Hóa vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế	Đề án cấp tỉnh	4/2017	Tốt
7.	TS. Nguyễn Quốc Tuấn	Sử dụng lược đồ theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh trong dạy học địa lí lớp 6,7 (THCS)	Trường	2005	Tốt
8.	TS. Nguyễn Quốc Tuấn	“Nghiên cứu lựa chọn nội dung và địa điểm thực hành nghề nghiệp cho sinh viên ngành Địa lí học - Quản lí tài nguyên môi trường ở	Trường	2010	Tốt

TT	Tên chủ nhiệm đề tài	Tên đề tài	Cấp quyết định	Năm nghiệm thu	KQ nghiệm thu
		trường Đại học Hồng Đức			
9.	TS. Nguyễn Quốc Tuấn	Xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập về biển, đảo Việt Nam phục vụ đào tạo ngành Địa lí ở trường Đại học Hồng Đức; hoàn thành năm 2016	Trường	2016	Khá
10.	TS. Đào Thanh Xuân	Phát triển nông nghiệp trong quá trình công nghiệp hóa – Đô thị hóa ở thành phố Thanh Hóa giai đoạn 2001 – 2010	Trường	2014	Khá
11.	TS. Lê Kim Dung	Ứng dụng công nghệ GIS thành lập hệ thống bản đồ tự nhiên và kinh tế - xã hội phục vụ dạy học địa lý địa phương ở Trường Đại học Hồng Đức	Trường	2007	Khá
12.	TS. Lê Hữu Tân	Nghiên cứu lượng nước chảy và lượng đất xói mòn bề mặt ở một số trạng thái rừng thuộc lưu vực rừng phòng hộ đầu nguồn hồ Thủy lợi-Thủy điện Cửa Đạt, Thường Xuân, Thanh Hóa”	Trường	2013	Khá
13.	TS. Hoàng Thị Hà	RLCPAM (Regional Learning Center for Protected Area Mangement)	Trường	2001	Khá

3.2. Các hướng nghiên cứu đề tài và khả năng tiếp nhận học viên

TT	Họ tên, học vị, học hàm người hướng dẫn đề tài luận văn	Các định hướng nghiên cứu đề tài luận văn	Số học viên tiếp nhận
1	TS. Đào Thanh Xuân PGS.TS. Nguyễn Minh Tuệ	Phát triển kinh tế biển	4
2	PGS.TS. Lê Văn Trường PGS. TS. Nguyễn Thị Trang Thanh	Phát triển du lịch	4

3	PGS. TS. Lê Văn Trường GS.TS. Lê Văn Thông	Kinh tế biên mậu	3
4	GS.TS. Lê Văn Thông PGS. TS. Lê Văn Trường	Phát triển các khu kinh tế	3
5	TS. Đào Thanh Xuân PGS.TS. Nguyễn Minh Tuệ	Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu lãnh thổ	4
6	PGS. TS. Lê Văn Trường PGS.TS. Nguyễn Thị Sơn	Chuyển dịch cơ cấu lao động	3
7	TS. Lê Kim Dung GS.TS. Lê Văn Thông	Địa lí kinh tế vùng và địa phương	4
8	TS. Đào Thanh Xuân PGS.TS. Nguyễn Thị Sơn	Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	3
9	GS.TS. Lê Văn Thông TS. Nguyễn Thị Lệ	Tổ chức lãnh thổ công nghiệp	3
10	PGS. TS. Lê Văn Trường PGS.TS. Nguyễn Minh Tuệ	Tổ chức lãnh thổ kinh tế	4
11	TS. Lê Kim Dung TS. Lưu Thế Anh	Phát triển kinh tế - xã hội miền Tây Thanh Hóa trong thời kỳ hội nhập	4
12	PGS.TS. Nguyễn Thị Sơn GS.TS. Nguyễn Thị Minh Đức	Sự phát triển và phân bố mạng lưới đô thị	3
13	TS. Đào Thanh Xuân GS.TS. Nguyễn Việt Thịnh	Thực trạng và giải pháp thu hút, sử dụng vốn đầu tư nước ngoài (trực tiếp và gián tiếp)	3
14	TS. Nguyễn Quốc Tuấn TS. Hoàng Thị Hà	Chất lượng cuộc sống, vấn đề đói nghèo	4

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 10 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

3.3. Các công trình công bố của cán bộ cơ hữu tham gia giảng dạy trong 5 năm trở lại đây

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
1	Urban agriculture in the world and link to Vietnam	PGS.TS. Lê Văn Trường	Tạp chí khoa học. Trường ĐH Hồng Đức (Số Tiếng Anh năm 2015)
2	Pillars and Solutions to HongDuc university become major centers for training and research of Vietnam and Southeast Asia region in 2030	PGS.TS. Lê Văn Trường	Journal of Science HDU. N E2. Vol 7/2016. Page 60-66.
3	Xây dựng tiêu chí xác định các hệ thống nông nghiệp đô thị	PGS.TS. Lê Văn Trường	Tạp chí Kinh tế và dự báo. 2012.
4	Các hệ thống sản xuất nông nghiệp ở Thành phố Thanh Hóa	PGS.TS. Lê Văn Trường	Kỷ yếu Hội nghị địa lý toàn quốc lần thứ 6. Huế. 9/2012. Tr 799-808
5	Đô thị hóa ở Thanh Hóa thời kì 2001-2009	TS. Nguyễn Quốc Tuấn	Kỷ yếu Hội thảo ngành Việt Nam học, Đại học Sư phạm Hà Nội, 2012
8	Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở vùng ven biển Thanh Hóa thời kì 2005-2010	TS. Nguyễn Quốc Tuấn	Tạp chí khoa học Vinh số 41, 3b; 2012
9	Sơ đồ graph về sự hình thành hệ Mặt Trời, Trái Đất trong dạy học địa lí	TS. Nguyễn Quốc Tuấn	Kỷ yếu khoa học, Hội thảo Địa lí ĐHSPT thành phố Hồ Chí Minh, 2013;
10	Thực trạng về chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp và công nghiệp tỉnh Thanh Hoá giai đoạn giai đoạn 2001 -2010	TS. Nguyễn Quốc Tuấn	Kỷ yếu Hội nghị Địa lí toàn quốc lần thứ VII, Thái Nguyên, 10/2013;
11	Phát triển bền vững và bảo tồn di tích các làng cổ khu vực Thành Nhà Hồ	TS. Nguyễn Quốc Tuấn	Kỷ yếu Hội nghị Địa lí toàn quốc lần thứ VIII, Thành phố Hồ Chí Minh, 11/2014

12	Xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập bằng tranh, ảnh, bản đồ về biển, hải đảo Việt Nam trong đào tạo ngành Địa lí ở trường Đại học Hồng Đức	TS. Nguyễn Quốc Tuấn	Tạp chí khoa học trường Đại học Hồng Đức số 27, 12- 2015.
13	Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2001 – 2010: Thực trạng và giải pháp	TS. Đào Thanh Xuân	Tạp chí Khoa học, Đại học Hồng Đức, số 18, tháng 3/2014, tr.46-52
14	Tổ chức kế toán quản trị chi phí tại công ty cổ phần mía đường Lam Sơn Thanh Hóa	TS. Đào Thanh Xuân	Tạp chí Khoa học, đại học Hồng Đức, số 18, tháng 3/2014, tr.39-45.
15	Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2001 – 2010: Thực trạng và giải pháp	TS. Đào Thanh Xuân	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 9 (150), tr.70 – tr.79
16	Xu hướng đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp ở Thành phố Thanh Hóa	TS. Đào Thanh Xuân	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, năm thứ 12, tr.183 – tr.190.
17	Nguồn lực phát triển kinh tế biển tỉnh Thanh Hóa	TS. Đào Thanh Xuân	Hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 6/2012, Huế, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, tr.125-134.
18	Thực trạng chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp và công nghiệp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2001 – 2010	TS. Nguyễn Quốc Tuấn TS. Đào Thanh Xuân	Báo cáo Hội nghị khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ 7, Nxb Đại học Thái Nguyên, pp. 502-507
19	Thực trạng lao động nông nghiệp Thanh Hóa và một số vấn đề đặt ra	TS. Đào Thanh Xuân	Tạp chí khoa học trường Đại học Hồng Đức
20	Thực trạng lao động nông nghiệp Thanh Hóa và một số vấn đề đặt ra	TS. Đào Thanh Xuân	Tạp chí khoa học trường Đại học Hồng Đức
21	Phân tích các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng tỉnh Thanh	TS. Đào Thanh Xuân	Tạp chí Khoa học trường Đại học Vinh, tập 43, số 1B, tr.89 – tr.98.

	Hóa		
22	Thực trạng và một số vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển các vùng nguyên liệu mía ở tỉnh Thanh Hóa	TS. Đào Thanh Xuân	Kỷ yếu Hội nghị khoa học Địa lý lần thứ 8, Quyển 2, Nxb Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, tr.439 – tr.447
23	Biến động diện tích và cơ cấu diện tích cây trồng ở tỉnh Thanh Hóa	TS. Đào Thanh Xuân	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 3, tr.137- tr.146.
24	Đa dạng hóa cơ cấu cây trồng trong sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Thanh Hóa	TS. Đào Thanh Xuân	Hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 9, Quy Nhơn tháng 12/2016 tr.190 – tr.200.
25	Đánh giá mức độ mất cân bằng che phủ trên lưu vực sông Chu (Phần lãnh thổ Việt Nam)	TS. Lê Kim Dung	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, 2012, ISSN, số 619, tr 50-55
26	Biến động sử dụng đất huyện Mường Lát tỉnh Thanh Hóa nhìn từ 3 mốc kiểm kê đất đai 2005, 2010, 2015	TS. Lê Kim Dung	Tạp chí Tài nguyên và Môi trường, 2016, số 19, tr16,.
27	Xây dựng bản đồ sinh khí hậu tỉnh Thanh Hóa	TS. Lê Kim Dung	Tạp chí Khí Tượng Thủy Văn, 2016, ISSN, Số 670, tr40.
28	Biến động sử dụng đất huyện Quan Sơn tỉnh Thanh Hóa nhìn từ 3 mốc kiểm kê đất đai 2005, 2010, 2015	TS. Lê Kim Dung	Tạp chí Tài nguyên và Môi trường, 2017, ISSN, số 256, tr69.
29	Biến đổi khí hậu và những tai biến thiên nhiên ở Thanh Hóa	TS. Lê Kim Dung	Tạp chí Khí Tượng Thủy Văn, 2017, ISSN, Số 637, tr14
30	Sam Son, potential source of tourist for Ben En Natonal Park? In the final conference of the project RLCPAM (Regional Learning Centers for	TS. Hoàng Thị Hà	December 20th, 2013 in Hue, Vietnam

	Protected Area Management)		
31	Mass tourism brings automatically neither wealth nor a better life for all. The case of Sam Son beach, Vietnam. In The second AVSE Annual	TS. Hoàng Thị Hà	Doctoral Workshop JRD 2013. October 30-31st 2013 in Paris
32	Đặc điểm lượng nước chảy bề mặt và lượng đất xói mòn ở rừng phòng hộ đầu nguồn hồ chứa nước Cửa Đạt, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	TS. Lê Hữu Tân	Tạp chí NN&PTNT - 2014
33	Tính đa dạng loài và đặc điểm cấu trúc rừng phòng hộ vùng hồ chứa nước Cửa Đạt, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.	TS. Lê Hữu Tân	Tạp chí NN&PTNT - 2014
34	Đặc điểm của một số nhân tố phát sinh dòng chảy và xói mòn đất ở vùng hồ chứa nước Cửa Đạt, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	TS. Lê Hữu Tân	Tạp chí NN&PTNT - 2014

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 10 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

4. HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Qua 18 năm thành lập, trường Đại học Hồng Đức đã thiết lập được mối quan hệ với hơn 50 trường đại học và các tổ chức quốc tế trên thế giới như: ĐH Columbia, Lansing, Tidewater, Old Dominion (Hoa Kỳ); ĐH Olds, Selkirk, Fraser Valley (Canada); ĐH Địa Trung Hải (Marseille- Pháp), ĐH Công nghệ Hoàng gia Rajamangala Suvarnabhumi, Thanyaburi, Krungthep (Thái Lan); ĐH Chuxiong, Hải Dương (Trung Quốc); ĐH tự do VUB (Bỉ); ĐH Greiwarld (Đức); ĐH Maladenla (Thụy Điển); Các tổ chức WUSC (Canada), Project Trust (Anh), SCJ (Nhật Bản), AEI, ANESVAD (Tây Ban Nha), tỉnh Hòa Phấn (Lào), v.v...

Trường đã triển khai có hiệu quả một số dự án quốc tế như: Dự án Trung tâm Giáo dục Nông nghiệp (AEC- Canada), Dự án Phòng chống Ma túy trong trường sư phạm (UNDP tài trợ), Dự án Dân số - Sức khỏe sinh sản (ADB tài trợ), Dự án hợp tác xây dựng Chương trình Việt Nam học giữa trường ĐH cộng đồng Tidewater (Hoa Kỳ) và trường ĐH Hồng Đức.

Nhà trường cũng đã tổ chức nhiều hội thảo khoa học quốc tế như phối hợp với chương trình Fulbright tổ chức các hội thảo: *Phát triển chương trình đào tạo theo hướng hiện đại và bền vững (2008)*; *Mô hình các trường ĐH địa phương ở Việt Nam (2009)*, *Quản trị trong các trường ĐH địa phương ở Việt Nam (2010)*...

Năm học 2010-2011, nhà trường đã thực hiện thành công 2 đề tài khoa học *Nghiên cứu ứng dụng quy trình công nghệ sản xuất hoa phong lan tại Thanh Hóa* (phối hợp với ĐH Rajamangala Suvarnabhumi - Thái Lan) và *Nghiên cứu sản xuất một số giống lúa thuần năng suất cao phù hợp với điều kiện khí hậu tại Thanh Hoá* (phối hợp với ĐH Hải Dương - Trung Quốc).

Hiện tại, nhà trường đang tập trung đẩy mạnh Đề án “*Liên kết đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học với các trường đại học nước ngoài*” từ nguồn ngân sách của Tỉnh. Mục tiêu của đề án là trong 10 năm (2006-2015) đào tạo được 500 cán bộ, trong đó có 100 thạc sỹ, 50 tiến sỹ theo hình thức liên kết và gửi đào tạo tại các trường đại học nước ngoài. Đến nay đã gửi đi đào tạo ở 57 trường đại học của 57 nước ngoài gồm: 21 học viên đào tạo trình độ đại học, 115 học viên đào tạo trình độ thạc sỹ, 30 học viên đào tạo trình độ tiến sỹ và đã có 25 học viên tốt nghiệp thạc sỹ, tiến sỹ trở về trường công tác.

Kết quả hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng đào tạo của nhà trường.

Phần thứ tư
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY,
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

1. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Khái quát chương trình đào tạo

Tên chuyên ngành: Địa lí học

Tên tiếng Việt: Địa lí học

Tên tiếng Anh: Geography

Mã số chuyên ngành: **60.31.05.01**

Bậc đào tạo: Thạc sĩ

Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Thạc sĩ Địa lí học

Tên tiếng Việt: Thạc sĩ Địa lí học

Tên tiếng Anh: Master of Geography

Chương trình đào tạo gồm:

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **60 (tín chỉ)**

Số học phần phải tích lũy: **17 học phần**

Trong đó:

+ **Khối kiến thức chung** **10 (tín chỉ)**

+ **Khối kiến thức cơ sở:** **15 (tín chỉ)**

Bắt buộc: 11 (tín chỉ)

Tự chọn: 04 (tín chỉ)

+ **Khối kiến thức chuyên ngành:** **20 (tín chỉ)**

Bắt buộc: 16 (tín chỉ)

Tự chọn: 04 (tín chỉ)

+ **Luận văn tốt nghiệp:** **15 (tín chỉ)**

1.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Địa lí học

TT	Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH, TL
1.	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG (3 HP)			10		
1	HĐTH	101	Triết học	04	2,4	1,6
2	HĐTA	102	Tiếng Anh 1	03	1,8	1,2
3	ĐLHTA	103	Tiếng Anh 2 (Chuyên ngành)	03	1,8	1,2
2.	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ			15		
2.1.	Các học phần bắt buộc (4 HP)			11		
4	ĐLH	104	Những vấn đề địa lí tự nhiên đại cương	03	1,8	1,2
5	ĐLH	105	Những vấn đề địa lí kinh tế - xã hội đại cương	03	1,8	1,2
6	ĐLH	106	Phương pháp luận và phương pháp dạy học địa lí	02	1,2	0,8
7	ĐLH	107	Hệ thống thông tin địa lí (GIS) và ứng dụng trong địa lí	03	1,8	1,2
2.2.	Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 6 HP)			4/12		
8	ĐLH	108	Kinh tế phát triển	02	1,2	0,8
9	ĐLH	109	Bản đồ chuyên đề	02	1,2	0,8
10	ĐLH	110	Phát triển bền vững	02	1,2	0,8
11	ĐLH	111	Việt Nam với hội nhập khu vực và quốc tế	02	1,2	0,8
12	ĐLH	112	Một số hình thức tổ chức dạy học hiện đại trong dạy học địa lí ở trường phổ thông	02	1,2	0,8
13	ĐLH	113	Cơ sở cảnh quan học và phân vùng địa lí tự nhiên	02	1,2	0,8
3.	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			20		
3.1.	Các học phần bắt buộc (6 HP)			16		
14	ĐLH	114	Một số vấn đề địa lí kinh tế - xã hội thế giới	02	1,2	0,8
15	ĐLH	115	Một số vấn đề địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam	03	1,8	1,2

16	ĐLH	116	Phương pháp nghiên cứu địa lí kinh tế - xã hội	03	1,8	1,2
17	ĐLH	117	Tổ chức lãnh thổ công nghiệp	03	1,8	1,2
18	ĐLH	118	Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	03	1,8	1,2
19	ĐLH	119	Tổ chức lãnh thổ dịch vụ	02	1,2	0,8
3.2.	Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 HP)			4/8		
20	ĐLH	120	Tổ chức lãnh thổ kinh tế	02	1,2	0,8
21	ĐLH	121	Quy hoạch vùng	02	1,2	0,8
22	ĐLH	122	Quần cư và đô thị hóa	02	1,2	0,8
23	ĐLH	123	Địa lí các ngành kinh tế biển	02	1,2	0,8
4.	LUẬN VĂN THẠC SĨ			15		
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY			60		

1.3. Kế hoạch giảng dạy:

TT	Mã số HP		Tên học phần	Khối lượng TC			Giảng viên	Học kì
	Phần chữ	Phần số		Số TC	Lí thuyết	TH, TL		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.	Phần kiến thức chung			10				
1	HĐTH	101	Triết học Mác- Lênin	4	2,4	1,6	TS. Trịnh Duy Huy TS. Mai Thị Quý TS. Lê Thị Thắm	1
2	ĐLHTA	102	Tiếng Anh 1	3	1,8	1,2	TS. Trịnh Thị Thơm TS. Nguyễn Thị Quyết	1
3	HĐTA	103	Tiếng Anh 2 (Chuyên ngành)	3	1,8	1,2	ThS. Thiều Thị Thùy ThS. Vũ Thị Phương	1
2. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành				35				
2.1. Kiến thức cơ sở				15				
2.1.1. Các học phần bắt buộc				11				
4	ĐLH	104	Những vấn đề địa lí tự nhiên đại cương	03	1,8	1,2	TS. Lê Kim Dung TS. Lê Hữu Tân	1
5	ĐLH	105	Những vấn đề địa lí kinh tế - xã hội đại cương	03	1,8	1,2	PGS.TS. Lê Văn Trường PGS.TS. Nguyễn Minh Tuệ	1
6	ĐLH	106	Phương pháp luận và phương	02	1,2	0,8	TS. Nguyễn Quốc Tuấn	1

			pháp dạy học địa lí				PGS.TS. Nguyễn Trọng Phúc	
7	ĐLH	107	Hệ thống thông tin địa lí (GIS) và ứng dụng trong địa lí	03	1,8	1,2	TS. Lê Kim Dung TS. Đỗ Văn Thanh	2
2.1.2. Các học phần lựa chọn: Chọn 2/6 HP				4/12				
8	ĐLH	108	Kinh tế phát triển	02	1,2	0,8	TS. Đào Thanh Xuân TS. Hoàng Thị Hà	2
9	ĐLH	109	Bản đồ chuyên đề	02	1,2	0,8	TS. Lê Kim Dung PGS.TS. Lê Huỳnh	2
10	ĐLH	110	Phát triển bền vững	02	1,2	0,8	TS. Hoàng Thị Hà PGS.TS. Nguyễn Thị Sơn	2
11	ĐLH	111	Việt Nam với hội nhập khu vực và quốc tế	02	1,2	0,8	TS. Lê Văn Trường GS.TS. Lê Văn Thông	2
12	ĐLH	112	Một số hình thức tổ chức dạy học hiện đại trong dạy học địa lí ở trường phổ thông	02	1,2	0,8	TS. Nguyễn Quốc Tuấn PGS.TS. Nguyễn Trọng Phúc	2
13	ĐLH	113	Cơ sở cảnh quan học và phân vùng địa lí tự nhiên	02	1,2	0,8	TS. Lê Kim Dung PGS.TS. Đào Khang	2
2.2. Kiến thức chuyên ngành				20				
2.2.1. Các học phần bắt buộc				16				
14	ĐLH	114	Một số vấn đề địa lí kinh tế - xã hội thế giới	02	1,2	0,8	PGS.TS. Lê Văn Trường PGS.TS. Ông Thị Đan Thanh	2

15	ĐLH	115	Một số vấn đề địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam	03	1,8	1,2	TS. Đào Thanh Xuân PGS.TS. Lê Văn Thông	2
16	ĐLH	116	Phương pháp nghiên cứu địa lí kinh tế - xã hội	03	1,8	1,2	TS. Nguyễn Quốc Tuấn GS.TS. Lê Văn Thông	2
17	ĐLH	117	Tổ chức lãnh thổ công nghiệp	03	1,8	1,2	TS. Nguyễn Thị Lệ GS.TS. Lê Văn Thông	3
18	ĐLH	118	Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	03	1,8	1,2	TS. Đào Thanh Xuân TS. Lê Hữu Tân	3
19	ĐLH	119	Tổ chức lãnh thổ dịch vụ	02	1,2	0,8	PGS.TS. Lê Văn Trường GS.TS. Lê Văn Thông	3
2.2.2. Các học phần lựa chọn: Chọn 2/4 HP				4/8				
20	ĐLH	120	Tổ chức lãnh thổ kinh tế	02	1,2	0,8	PGS.TS. Lê Văn Trường GS.TS. Lê Văn Thông	3
21	ĐLH	121	Quy hoạch vùng	02	1,2	0,8	PGS.TS. Lê Văn Trường GS.TS. Lê Văn Thông.	3
22	ĐLH	122	Quần cư và đô thị hóa	02	1,2	0,8	PGS.TS. Lê Văn Trường GS.TS. Lê Văn Thông	3
23	ĐLH	123	Địa lí các ngành kinh tế biển	02	1,2	0,8	PGS.TS. Lê Văn Trường TS. Đào Thanh Xuân	3
			Tổng cộng	60				

2. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

2.1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

Tên học phần: Triết học Mác Lênin (*Phylosophy of Maxism*)

Mã số học phần: HĐTH101

Số tín chỉ: 4 (2,4; 1,6)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Nguyên lý, Khoa lý luận chính trị, trường Địa học Hồng Đức

1. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 36 tiết
- Thảo luận, thực hành: 48 tiết
- Tự học: 190 tiết

2. Mô tả học phần

Môn Triết học nhằm kế thừa những kiến thức đã có trong chương trình đào tạo Triết học và Lịch sử triết học ở bậc Đại học, từ đó phát triển và nâng cao những nội dung cơ bản gắn liền với những thành tựu của khoa học- công nghệ, với những vấn đề của thời đại và đất nước đặt ra. Môn học còn nâng cao năng lực cho học viên và nghiên cứu sinh trong việc nghiên cứu vận dụng những nguyên lý của Triết học vào học tập những môn học chuyên ngành.

3. Mục tiêu học phần

Chương trình Triết học dùng cho học viên Cao học không thuộc chuyên ngành Triết học nhằm nâng cao tính khoa học và tính hiện đại của lý luận, gắn lý luận với những vấn đề của thực tiễn, nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào lĩnh vực khoa học chuyên môn của môn học chuyên ngành.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Kết thúc học phần người học nâng cao được tính khoa học và tính hiện đại của lý luận, gắn lý luận với những vấn đề của thực tiễn; nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào lĩnh vực khoa học chuyên môn của môn học chuyên ngành.

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội

1.1. Khái niệm triết học và đối tượng nghiên cứu của triết học

1.1.1 Khái niệm triết học

1.1.2. Nguồn gốc ra đời của triết học

1.1.3. Đối tượng nghiên cứu của triết học

1.2. Vấn đề cơ bản của triết học

1.2.1. Nội dung và vai trò của vấn đề cơ bản của triết học

1.2. 2. Các trường phái triết học khác nhau trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học.

1.3. Siêu hình và biện chứng

1.3.1. Sự đối lập giữa hai phương pháp tư duy: phương pháp siêu hình và phương pháp biện chứng.

1.3.2. Quá trình phát triển và các hình thức cơ bản của phép biện chứng

1.4. Tính quy luật của sự hình thành, phát triển của triết học

1.5. Vai trò của triết học

1.5.1. Chức năng thế giới quan và phương pháp luận của triết học

1.5.2. Vai trò của triết học đối với tư duy lý luận, hoạt động thực tiễn và các khoa học cụ thể.

CHƯƠNG 2. Khái lược lịch sử triết học phương Đông

2.1. Triết học Ấn Độ cổ đại, trung đại

2.1.1. Điều kiện ra đời và những nét đặc thù của triết học Ấn Độ cổ, trung đại

2.1.2. Những nội dung cơ bản của tư tưởng triết học Ấn Độ cổ, trung đại

2.2. Triết học Trung Hoa cổ, trung đại

2.2.1. Điều kiện ra đời và những nét đặc thù của triết học Trung Hoa cổ, trung đại.

2.2.2. Tư tưởng triết học của một số trường phái triết học Trung Hoa cổ đại

2.3. Khái lược lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam

2.3.1. Điều kiện ra đời, phát triển và những đặc điểm của tư tưởng triết học Việt Nam

2.3.2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng triết học Việt Nam

2.3.3. Hồ Chí Minh với sự phát triển tư tưởng triết học Việt Nam

CHƯƠNG 3. Khái lược lịch sử triết học phương Tây

3.1. Triết học cổ đại Hy Lạp

3.1.1. Điều kiện ra đời, phát triển và những nét của triết học Hy Lạp cổ đại

3.1.2. Một số nội dung tư tưởng cơ bản trong các trường phái triết học Hy Lạp cổ đại.

3.2. Triết học phương Tây thời trung cổ

3.2.1. Điều kiện ra đời, phát triển và những nét của triết học Hy Lạp cổ đại

3.2.2. Tư tưởng triết học Tây Âu thời Trung cổ

3.3. Triết học Tây Âu thời Phục hưng và cận đại

3.3.1. Triết học Tây Âu thời kỳ Phục hưng

3.3.2. Triết học Tây Âu thời cận đại (thế kỷ XVII-XVIII)

3.4. Triết học cổ điển Đức

3.4.1. Điều kiện ra đời, phát triển và những nét của triết học cổ điển Đức

3.4.2. Tư tưởng triết học của một số triết gia tiêu biểu.

CHƯƠNG 4. Khái lược lịch sử triết học Mác – Lênin

4.1. Những điều kiện và tiền đề khách quan của sự ra đời triết học Mác

4.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội

4.1.2. Tiền đề về lý luận

4.1.3. Tiền đề về khoa học tự nhiên : 3 phát minh lớn làm cơ sở khoa học cho chủ nghĩa duy vật biện chứng.

4.2. Quá trình hình thành và phát triển của triết học Mác - Lênin

4.2.1. Những giai đoạn chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của triết học Mác.

4.2.2. Thực chất và ý nghĩa của cuộc cách mạng trong triết học do C. Mác và Ph.Ăngghen thực hiện.

4.2.3. V.I. Lênin phát triển triết học Mác

4.2.4. Triết học Mác-Lênin trong thời đại ngày nay

CHƯƠNG 5. Chủ nghĩa duy vật biện chứng – cơ sở của thế giới quan khoa học

5.1. Thế giới quan và thế giới quan duy vật

5.1.1. Thế giới quan và các hình thức của thế giới quan

5.1.2. Thế giới quan duy vật và lịch sử phát triển thế giới quan duy vật

5.2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng - hạt nhân thế giới quan của nhận thức khoa học

5.2.1. Nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng

5.2.2. Đặc điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng

5.3. Những nguyên tắc phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và vận dụng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

5.3.1. Nguyên tắc khách quan

5.3.2. Nguyên tắc phát huy tính năng động chủ quan

CHƯƠNG 6. Phép biện chứng duy vật - phương pháp luận của nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng

6.1. Khái niệm phép biện chứng và lịch sử phát triển của nó

6.1.1. Khái niệm phép biện chứng

6.1.2. Lịch sử phát triển của phép biện chứng

6.2. Nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật

6.2.1. Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật

6.2.2. Các cặp phạm trù cơ bản của PBC phản ánh những mối liên hệ phổ biến của thế giới.

6.2.3. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

6.3. Phương pháp và phương pháp luận. Các nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật

6.3.1. Phương pháp và phương pháp luận

6.3.2. Một số nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật

CHƯƠNG 7. Nguyên tắc thống nhất giữa lí luận và thực tiễn của triết học Mác – Lênin

7.1. Phạm trù thực tiễn và phạm trù lí luận

7.1.1. Phạm trù thực tiễn

7.1.2. Phạm trù lí luận

- 7.2. Các yêu cầu cơ bản của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn
- 7.2.1. Thực tiễn là cơ sở, mục đích, động lực của lý luận, tiêu chuẩn kiểm tra lý luận.
- 7.2.2. Thực tiễn phải được chỉ đạo bởi lý luận khoa học. Ngược lại, lý luận phải được vận dụng vào thực tiễn, kiểm nghiệm trong thực tiễn, tiếp tục bổ sung và phát triển trong thực tiễn.
- 7.3. Ý nghĩa phương pháp luận của nguyên tắc này trong thực tiễn ở nước ta.
- 7.3.1. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như các tri thức khoa học phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta.
- 7.3.2. Nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của Việt Nam và quốc tế để tiếp tục đổi mới, hoàn thiện lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.
- 7.3.3. Trong giáo dục, đào tạo phải kết hợp học với hành, lý luận với thực tiễn.
- 7.3.4. Khắc phục bệnh kinh nghiệm và bệnh giáo điều
- CHƯƠNG 8. Lý luận hình thái kinh tế xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**
- 8.1. Lý luận hình thái kinh tế - xã hội và vai trò phương pháp luận
- 8.1.1. Những tiền đề xuất phát để xây dựng lý luận hình thái kinh tế-xã hội
- 8.1.2. Cấu trúc xã hội và phạm trù hình thái kinh tế-xã hội
- 8.1.3. Phép biện chứng của sự vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội.
- 8.1.4. Tính khoa học và vai trò phương pháp luận của phạm trù hình thái kinh tế-xã hội
- 8.2. Nhận thức lại về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội
- 8.2.1. Những dự báo của C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin về chủ nghĩa xã hội
- 8.2.2. Mô hình chủ nghĩa xã hội kế hoạch hóa tập trung: vai trò lịch sử và những hạn chế của nó.
- 8.2.3. Những biểu hiện mới của thời đại và vấn đề quá độ lên chủ nghĩa xã hội
- 8.2.4. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
- CHƯƠNG 9. Lý luận về nhà nước và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**
- 9.1. Những nội dung cơ bản về lý luận nhà nước
- 9.1.1. Nguồn gốc, bản chất và đặc trưng của nhà nước
- 9.1.2. Chức năng và vai trò của nhà nước
- 9.1.3. Kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử
- 9.2. Nhà nước pháp quyền và nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam
- 9.2.1. Khái niệm nhà nước pháp quyền và lịch sử tư tưởng triết học về nhà nước
- 9.2.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- CHƯƠNG 10. Quan điểm của triết học Mác – Lenin về con người và vấn đề xây dựng con người Việt Nam hiện nay**
- 10.1. Một số quan điểm trước Mác và ngoài Mác xít về con người

- 10.2. Quan điểm triết học Mác – Lênin về con người
- 10.2.1. Quan điểm triết học Mác-Lênin về bản chất của con người
- 10.2.2. Quan điểm triết học Mác-Lênin về giải phóng con người
- 10.3. Tư tưởng HCM về con người trong sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo
- 10.3.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về con người
- 10.3.2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về con người
- 10.4. Vấn đề xây dựng con người Việt Nam hiện nay
- 10.4.1. Con người Việt Nam trong lịch sử
- 10.4.2. Vấn đề xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

6. Phân bổ số tiết học phần

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
Chương 1	3	4	19
Chương 2	3	4	19
Chương 3	3	5	19
Chương 4	3	5	19
Chương 5	4	5	19
Chương 6	4	5	19
Chương 7	4	5	19
Chương 8	4	5	19
Chương 9	4	5	19
Chương 10	4	5	19
Tổng cộng:	36	48	190

7. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

9. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

10. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

11. Phương pháp đánh giá môn học

- 1 điểm chuyên cần n_1 : x 0,2

- 1 điểm tiểu luận hoặc điểm giữa kỳ n_2 : x 0,3

- 1 điểm bài thi cuối học phần n_3 : x 0,5

Điểm học phần: $(n_1 \times 0,2) + (n_2 \times 0,3) + (n_3 \times 0,5)$

12. Tài liệu tham

a. Giáo trình chính:

1. *Triết học Mác – Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, 2013

2. *Giáo trình Triết học Mác - Lênin* (dùng cho học viên Cao học và Nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học), NXB Chính trị quốc gia, 2012.

b. Tài liệu tham khảo:

3. *Các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, IX, X.*

4. Các tài liệu khác liên quan đến môn học.

2.2. TIẾNG ANH 1 (*English 1*)

Tên học phần: Tiếng Anh 1 (*English 1*)

Mã số học phần: HDTA102

Số tín chỉ: 03 (1,8; 1,2)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ, khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Hồng Đức

1. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 27 tiết
- Thảo luận, Thực hành: 36 tiết
- Tự học: 135 tiết

2. Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về ngữ pháp: các thì hiện tại thường, hiện tại tiếp diễn, quá khứ thường, quá khứ tiếp diễn, tương lai thường, tương lai gần, hiện tại hoàn thành tiếp diễn, quá khứ hoàn thành; cách so sánh tính từ hơn kém, cấp cao nhất mọi âm tiết, cách so sánh từ hơn kém, cấp cao nhất nhiều âm tiết, so sánh bằng; câu bị động, câu điều kiện; lời nói gián tiếp. Ngoài ra, học phần còn cung cấp các tình huống và bài viết dưới nhiều chủ đề để rèn luyện bốn kỹ năng cơ bản: nghe, nói, đọc, viết.

3. Mục tiêu học phần

Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản cần thiết về tiếng Anh, từ đó người học có thể ban đầu làm quen với việc sử dụng trong giao tiếp đơn giản về công việc và nghiên cứu. Học xong học phần này, người học phải đạt được một số các kỹ năng như sau:

- Có thể thu thập thông tin chính từ một đoạn văn hay đoạn hội thoại ngắn, có thể miêu tả, báo cáo và kể lại sơ lược một sự kiện/tình huống đơn giản. Có thể trình bày một cách đơn giản có chuẩn bị trước một chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày với đầy đủ các ý chính.

- Có thể nghe lấy ý chính trong các đoạn hội thoại trực diện, các băng hình băng tiếng, các chương trình phát thanh trong các tình huống giao tiếp thông thường về các chủ đề hàng ngày quen thuộc liên quan đến bản thân, tại nơi làm việc, trường học... Tốc độ lời nói chậm đến trung bình; Có thể ghi chép vắn tắt nội dung chính và một vài chi tiết trong khi nghe.

- Có thể đọc và nắm ý chính, hiểu các từ chủ yếu và chi tiết quan trọng trong một văn bản đơn giản.

- Có thể viết đoạn văn ngắn, đơn giản; Có thể điền mẫu khai xin việc với các nhận xét ngắn về kinh nghiệm, khả năng, ưu điểm.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Kết thúc học phần người học phải có được: các kiến thức cơ bản về ngữ pháp: các thì hiện tại thường, hiện tại tiếp diễn, quá khứ thường, quá khứ tiếp diễn, tương lai thường, tương lai gần, hiện tại hoàn thành tiếp diễn, quá khứ hoàn thành; biết cách so sánh tính từ hơn kém, cấp cao nhất mọi âm tiết, cách so sánh từ hơn kém, cấp cao nhất nhiều âm tiết, so sánh bằng câu bị động, câu điều kiện; lời nói gián tiếp; bốn kỹ năng nghe - nói - đọc - viết bằng tiếng Anh; có thể tham gia các tình huống giao tiếp thông thường với người nước ngoài và đọc được các văn bản tiếng Anh đơn giản.

5. Nội dung chi tiết học phần

Unit 1. Advertising

1.1. Listening *Campus Conversation*

1.1.1. Pre-Listening vocabulary. Guess the meaning of the boldfaced

1.1.2. First listening. A student talks to a professor about false advertising

1.1.3. Second listening. Add details to your notes

1.1.4. Academic listening. Advertising on the Air

1.2. Reading Essay

1.2.1. Pre-reading. Read the title and skim the first and last sentences.

1.2.2. Reading – Changing the word Markets

1.3. Speaking *Integrated Task*

1.3.1. Discuss your idea about the topic “Advertising All over the World”

1.3.2. Use examples from the reading and listening.

1.3.3. Discuss the idea about emotional appeals.

1.4. Writing *Independent Task*

1.4.1. Step 1: Write on the following topic “a product you enjoy and explain how advertise it”

1.4.2. Step 2: Write for 20 minutes “To evaluate a partner’s writing

1.5. Skill focus: skimming and scanning

Unit 2. Extreme Sports

2.1. Listening *Campus Conversation*

2.1.1. Pre-Listening vocabulary. Guess the meaning of the boldfaced

2.1.2. First listening. A student talks to a professor about her parents expectations concerning her plan of study

2.1.3. Second listening. Add details to your notes

2.1.4. Academic listening. Advertising on the Air

2.2. Reading Essay

2.2.1. Pre-reading. Read the title and skim the first and last line of each paragraph.

2.2.2. Reading – High School Star Hospitalized for Eating disorder.

2.3. Speaking *Integrated Task*

2.3.1. Talk about a specific time when you did something obsessively.

2.3.2. Work with a partner – To evaluate your partner’s response.

2.4. Writing *Independent Task*

2.4.1. Step 1: Write on the following topic “Give specific support from reading and the listening”

2.4.2. Step 2: Write for 20 3minutes “To evaluate a partner’s writing

2.5. Skill focus: speaking and writing independently

Unit 3. Fraud

3.1. Listening *Campus Conversation*

3.1.1. Pre-Listening vocabulary. Guess the meaning of the boldfaced words or phrases

3.1.2. First listening. A student talks to a financial advisor about scholarships

3.1.3. Second listening. Work with your partner and compare your answer

3.1.4. Academic listening. Victims of Fraud

3.2. Reading *An advertisement*

3.2.1. Pre-reading. Read the title and skim the passage on the next page.

3.2.2. Reading – The Organic Health Center

3.2.3. Analysis – Basis comprehension, organization, inference, reference

3.3. Speaking *Integrated Task*

3.3.1. Speak about the relationship between the topics

3.3.2. Discuss the answer to the questions:

What is quack?

What are some problems with a treatment from a quack?

3.3.3. Discuss the idea about emotional appeals.

3.4. Writing *Independent Task*

Write on the following topic: “Experience you have had with fraud or dishonesty”

3.4.1. Step 1: think of experience with fraud and cheating you have had

3.4.2. Step 2: take turns telling your stories

3.4.3. Write for 20 minutes “To evaluate a partner’s writing

3.5. Skill focus: Using Context Clues

Unit 4. Storytelling

4.1. Listening *Campus Conversation*

4.1.1. Pre-Listening vocabulary. Guess the meaning of the boldfaced

4.1.2. First listening. A student talks to a professor about making an oral presentation

4.1.3. Second listening. Add details to your notes

4.1.4. Academic listening. Interviews: Jackie Torrance

4.2. Reading *Renew*

- 4.2.1. Pre-reading. Guess the meaning of the boldfaced words or phrases
- 4.2.2. Reading – behind the Story of “The metamorphosis”
- 4.3. Speaking *Integrated Task*
- 4.3.1. Using the concept of anthropomorphism, compare yourself to an animal, plant, or non-living thing and describe your traits and abilities.
- 4.3.2. Tell a short story about yourself
- 4.4. Writing *Independent Task*
- 4.4.1. Synthesize the information in the listening and reading expert to convey how the author, Franz Kafka, uses anthropomorphism to describe the man, Gregor Samsa.
- 4.4.2. Write on the following topic: “Describe how Kafaka, the author, uses anthropomorphism to describe the man, Gregor Samsa”
- 4.5. Skill focus: Identifying and using rhetorical Structure

Unit 5. Language

- 5.1. Listening *Campus Conversation*
- 5.1.1. Pre-Listening vocabulary. Guess the meaning of the boldfaced words of phrases
- 5.1.2. First listening. A student talks to a resident assistant about his accent and adjusting to life in a big city.
- 5.1.3. Second listening. Add details to your notes
- 5.1.4. Academic listening. Speaking of gender
- 5.2. Reading *Magazine Article*
- 5.2.1. Pre-reading. Read the first and the last sentence of the paragraph
- 5.2.2. Reading – Code Switching
- 5.2.3. Analysis – basis comprehension, organization, inference, reference
- 5.3. Speaking *Integrated Task*
- 5.3.1. Discuss the concept of stereotyping highlighted in the reading excerpt and use the example.
- 5.3.2. Discuss with the partner – What is wrong with stereotyping? Give specific examples.
- 5.4. Writing *Independent Task*
- 5.4.1. Identify a group that has been stereotyped and support your opinion with examples.
- 5.4.2. Write on the following topic: “What do you think of when you hear a certain language, dialect”
- 5.5. Skill focus

6. Phân bổ số tiết học phần

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học

Unit 1	3	4	20
Unit 2	5	6	20
Unit 3	5	8	25
Unit 4	7	8	30
Unit 5	7	10	40
Tổng cộng:	27	36	135

7. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

9. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

10. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

11. Phương pháp đánh giá môn học

- 1 điểm chuyên cần n_1 : x 0,2
- 1 điểm tiểu luận hoặc điểm giữa kỳ n_2 : x 0,3
- 1 điểm bài thi cuối học phần n_3 : x 0,5

Điểm học phần: $(n_1 \times 0,2) + (n_2 \times 0,3) + (n_3 \times 0,5)$

12. Tài liệu tham khảo

a. Giáo trình chính:

1. Adrian Doff, Christopher Jones, *Meaning into words*, Cambridge University press, 1984
2. Alice Oshima, Ann Hogue, *Writing Academic English*, Nxb Trẻ, 2004
3. Elaine Kirn, Pamela Hartmann, *A reading Skill Book*, Printed in Singapore, 1985

b. Tài liệu tham khảo:

4. Fraaida Dubin & Elite Olshtain, *Reading By All Means*, Addison Wesley Publishing Copany, 1981.
5. Gerald Mosback, Vivienne Moaskak, *Practical Faster Reading*, Cambridge University Press, 1976.
6. Jack C. Richards, *New Interchange*, Oxford University press, 2000
7. Lizz & John Soars, *New Headway Intermediate*, Oxford University Press, 2000
8. Patricia Akert, *Cause and Effect*, Newbury House Publishers, 1986

2.3. TIẾNG ANH 2 (*English 2*)

Tên học phần: Tiếng Anh 2 (*English 2*)

Mã số học phần: ĐLHTA103

Số tín chỉ: 03 (1,8; 1,2)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Địa lí tự nhiên - môi trường và BM Địa lí KT-XH và PPDHĐL, khoa Khoa học xã hội, trường Đại học Hồng Đức.

1. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 27 tiết
- Thảo luận, Thực hành: 36 tiết
- Tự học: 135 tiết

2. Mô tả học phần

Bên cạnh việc cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ và các vấn đề khái quát chung về tiếng Anh chuyên ngành Địa lí học, học phần tập trung cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Địa lí học bằng tiếng Anh. Từ đó người học có thể sử dụng khá thành thạo tiếng Anh chuyên ngành Địa lí học để làm việc, nghiên cứu.

3. Mục tiêu học phần

a) *Kiến thức:* Người học nắm được các thuật ngữ và các vấn đề khái quát về tiếng Anh chuyên ngành Địa lí học và các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Địa lí học bằng tiếng Anh như: các thuật ngữ của địa lý tự nhiên, các thuật ngữ về tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, tài nguyên khí hậu, tài nguyên khoáng sản...; các thuật ngữ liên quan đến địa lý kinh tế - xã hội như dân cư và lao động, việc làm, phát triển dân số, đô thị hóa, công nghiệp hóa, già hóa dân số...; các thuật ngữ về môi trường như ô nhiễm môi trường, bảo vệ môi trường, hiệu ứng nhà kính, biến đổi khí hậu...

b) *Kỹ năng:*

- Có thể cung cấp tương đối chi tiết thông tin, ý kiến, có thể miêu tả, báo cáo và kể lại một vấn đề/công việc, sự kiện, tình huống. Có thể trình bày có chuẩn bị trước một vấn đề, đề tài quen thuộc trong lĩnh vực Địa lí học, với các điểm chính được giải thích với độ chính xác tương đối.

- Có thể nghe lấy ý chính và xác định được các từ ngữ mấu chốt và những chi tiết quan trọng trong ngôn ngữ nói về các chủ đề liên quan đến Địa lí học với tốc độ lời nói chậm đến trung bình; Theo dõi được một bài giảng hay bài nói chuyện thuộc chuyên ngành/lĩnh vực Địa lí học. Có thể ghi chép vắn tắt nội dung chính và một vài chi tiết trong khi nghe.

- Có thể đọc và nắm ý chính, hiểu các từ chủ yếu và chi tiết quan trọng trong một văn bản đơn giản (ba đến năm đoạn) trong lĩnh vực Địa lí học.

- Có thể viết các bức thư và bài viết dài một, hai đoạn; có thể làm báo cáo, tóm tắt và đưa ra ý kiến về các thông tin, kiến thức về những đề tài liên quan đến lĩnh vực Địa lí học.

c) *Thái độ*: Nâng cao ý thức yêu nghề, phẩm chất đạo đức của người học; phục vụ sự nghiệp giáo dục. Có phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Kết thúc học phần người học phải có được: kiến thức về các thuật ngữ chuyên ngành Địa lí học và các vấn đề khái quát bằng tiếng Anh; kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Địa lí học bằng tiếng Anh như: các thuật ngữ của địa lý tự nhiên, các thuật ngữ về tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, tài nguyên khí hậu, tài nguyên khoáng sản....; các thuật ngữ liên quan đến địa lý kinh tế - xã hội như dân cư và lao động, việc làm, phát triển dân số, đô thị hóa, công nghiệp hóa, già hóa dân số....; các thuật ngữ về môi trường như ô nhiễm môi trường, bảo vệ môi trường.

Người học phải có các kỹ năng sau:

+ Đọc và nắm ý chính, hiểu các từ chủ yếu và chi tiết quan trọng trong một văn bản thuộc lĩnh vực Địa lí học.

+ Làm báo cáo, tóm tắt và đưa ra ý kiến về các thông tin, kiến thức về những đề tài liên quan đến lĩnh vực Địa lí học.

+ Trình bày một vấn đề, đề tài quen thuộc trong lĩnh vực Địa lí học, với các điểm chính được giải thích với độ chính xác tương đối.

+ Nhận xét bảng số liệu, biểu đồ và bản đồ địa lí bằng tiếng Anh.

5. Nội dung chi tiết học phần

5.1. Nội dung cốt lõi:

Nội dung học phần bao gồm các kiến thức cơ bản liên quan đến Địa lí học. Cụ thể là các nội dung khái quát bằng tiếng Anh về chuyên đề Địa lí kinh tế- Xã hội, tổ chức lãnh thổ kinh tế, công nghiệp, nông nghiệp, hay sử dụng phần mềm tin học chuyên ngành trong thành lập bản đồ,... Thông qua các chủ đề, tình huống giao tiếp tại các trường học, công sở nơi làm việc, học viên phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết đảm bảo yêu cầu công việc của một giáo viên dạy địa lý ở trường phổ thông, làm việc trong các cơ quan, công sở nhà nước.

5.2. Nội dung chi tiết học phần:

Chapter	Topics	Useful Language Skills
Unit 1: Introduction to Geography	1.1. History of Geography 1.2. Physical geography 1.3. Socio-economic geography 1.4. Cartology	Meeting people Offering hospitality Introduction of geography Nounce in English
Unit2: Natural	1.1. Land resource	Talking about causes and

resources	1.2. Water resource 1.3. Forest resource 1.4. Mineral resource 1.5. Climate resource	results Conditional Verb and Adverb
Unit 3: Industry	1.1. Heavy industry 1.2. Light industry 1.3. Production and goods 1.4. Competition and imitation	Saying numbers in English Saying Formula/Equation Making Comparison Adjective
Unit 4: Agriculture	1.1. Cultivation 1.2. Breeding 1.3. Aquaculture 1.4. Forestry	Clarifying information Agreeing and Disagreeing Pronunciation Preposition
Unit 5: Service	1.1. Import 1.2. Export 1.3. Market economy 1.4. Tourism and service	Telephone Phrases Making appointment Describing a place Tenses in English
Unit 6: Environment	1.1. Environmental pollution 1.2. Environmental protection 1.3. Climate change	Meeting Phrases Passive voice Making wishes

6. Phân bố số tiết học phần

Nội dung học phần	Phân bố số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
Unit 1	3	6	20
Unit 2	4	6	20
Unit 3	5	6	20
Unit 4	5	6	25
Unit 5	5	6	20
Unit 6	5	6	30
Tổng cộng:	27	36	135

7. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

9. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

10. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

11. Phương pháp đánh giá môn học

- 1 điểm chuyên cần n_1 : x 0,2
- 1 điểm tiểu luận hoặc điểm giữa kỳ n_2 : x 0,3
- 1 điểm bài thi cuối học phần n_3 : x 0,5

Điểm học phần: $(n_1 \times 0,2) + (n_2 \times 0,3) + (n_3 \times 0,5)$

12. Tài liệu tham khảo

a. Giáo trình chính:

1. Mgr. Zuzana Burakova, *English for students of Geography and Ecology*. Pavla University, 2009.
2. Teaching Geography through English, Cambridge University, 2005.
2. Alice Oshima, Ann Hogue, *Writing Academic English*, Nxb Trẻ, 2004

b. Tài liệu tham khảo:

3. Elaine Kirn, Pamela Hartmann, *A reading Skill Book*, Printed in Singapore, 1985.
4. Fraaida Dubin & Elite Olshtain, *Reading By All Means*, Addison Wesley Publishing Copany, 1981.
5. Gerald Mosback, Vivienne Moaskak, *Practical Faster Reading*, Cambridge University Press, 1976.

2.4. NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN ĐẠI CƯƠNG

Tên học phần: Địa lý tự nhiên đại cương (Issues in Natural Geography)

Mã môn học: ĐLH104

Số tín chỉ: 03 (1,8; 1,2)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Địa lý Tự nhiên - Môi trường, khoa KHXH, trường Đại học Hồng Đức.

1. Phân bổ thời gian

- Lý thuyết :27 tiết
- Thảo luận :36 tiết
- Tự học : 135 tiết

2. Mô tả học phần

Học phần gồm có các nội dung sau:

- Địa lý tự nhiên trong hệ thống khoa học Địa lý;
- Các quy luật địa lý chung của lớp vỏ địa lý của Trái Đất;
- Một số vấn đề mới về địa lý hiện đại (Phần địa lý tự nhiên).

3. Mục tiêu học phần

- Kiến thức: Giúp học viên nắm vững và vận dụng được những kiến thức cơ bản về địa lý tự nhiên đại cương trong việc nghiên cứu và giảng dạy khoa học Địa lý, gồm kiến thức về: địa lý tự nhiên trong hệ thống khoa học Địa lý; các quy luật địa lý chung của lớp vỏ địa lý của Trái Đất; một số vấn đề mới về địa lý hiện đại (Phần địa lý tự nhiên)

- Kỹ năng giải thích các hiện tượng địa lý tự nhiên; hiểu và khai thác được những vấn đề địa lý tự nhiên hiện đại và vận dụng trong giảng dạy và nghiên cứu địa lý tự nhiên nói chung, địa lý Việt Nam nói riêng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Kết thúc học phần người học phải có được kiến thức về các giai đoạn phát triển của khoa học địa lý từ cuối thế kỉ XIX đến nay; những nội dung cơ bản của lớp vỏ địa lý, biết được các hướng nghiên cứu địa lý tự nhiên hiện nay; nắm vững và phân biệt được các quy luật địa lý tự nhiên của Trái đất, vận dụng để giải thích các hiện tượng địa lý tự nhiên; hiểu và khai thác được những vấn đề địa lý tự nhiên hiện đại và vận dụng trong giảng dạy và nghiên cứu địa lý tự nhiên.

5. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC ĐỊA LÝ

- 1.1. Sự phát triển của khoa học địa lý đến cuối thế kỉ XIX
- 1.2. Sự phát triển của khoa học địa lý trong nửa đầu thế kỉ XX
- 1.3. Sự phát triển của khoa học địa lý đến cuối thế kỉ XX

1.4. Sự phát triển của khoa học địa lý đầu thế kỉ XXI

1.5. Vị trí của địa lý tự nhiên trong khoa học địa lý

CHƯƠNG 2. LỚP VỎ ĐỊA LÝ

2.1. Lớp vỏ địa lý

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1.3. Cấu trúc

2.2. Các hướng nghiên cứu

2.2.1. Nghiên cứu các hợp phần của tự nhiên

2.2.2. Nghiên cứu tổng hợp

CHƯƠNG 3. QUY LUẬT VỀ TÍNH THỐNG NHẤT VÀ HOÀN CHỈNH CỦA LỚP VỎ ĐỊA LÝ

3.1. Khái niệm về tính thống nhất và hoàn chỉnh

3.2. Nguyên nhân

3.3. Biểu hiện của quy luật

3.4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của quy luật

CHƯƠNG 4. QUY LUẬT VỀ SỰ TUẦN HOÀN VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG

4.1. Khái niệm về sự tuần hoàn vật chất và năng lượng

4.2. Hoàn lưu khí quyển

4.3. Vòng tuần hoàn nước

4.4. Sự tuần hoàn của đá

4.5. Sự tuần hoàn sinh vật

4.6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của quy luật

CHƯƠNG 5. QUY LUẬT NHỊP ĐIỀU

5.1. Khái niệm về nhịp điệu

5.2. Nhịp điệu ngày - đêm

5.3. Nhịp điệu mùa

5.4. Nhịp điệu nội thế kỷ và nhịp điệu ngoại thế kỷ

5.5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của quy luật

CHƯƠNG 6. QUY LUẬT ĐỊA ĐỐI VÀ PHI ĐỊA ĐỐI

6.1. Quy luật địa đới

6.2. Quy luật phi địa đới

6.3. Mối quan hệ của các quy luật

6.4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của quy luật.

CHƯƠNG 7. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐỊA LÝ HIỆN ĐẠI

7.1. Một số học thuyết về vũ trụ, Hệ mặt trời

7.2. Học thuyết kiến tạo mảng

7.3. Lý thuyết sinh thái cảnh quan

6. Số tiết phân bổ:

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
Chương 1	2	5	15
Chương 2	3	5	20
Chương 3	4	5	20
Chương 4	4	5	20
Chương 5	4	5	20
Chương 6	5	5	20
Chương 7	5	6	20
Tổng cộng:	27	36	135

7. Yêu cầu của môn học: Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm

9. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

10. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, loa, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

11. Phương pháp đánh giá môn học

- 1 điểm chuyên cần n_1 : x 0,2

- 1 điểm tiểu luận hoặc điểm giữa kỳ n_2 : x 0,3

- 1 điểm bài thi cuối học phần n_3 : x 0,5

Điểm học phần: $(n_1 \times 0,2) + (n_2 \times 0,3) + (n_3 \times 0,5)$

12. Tài liệu tham khảo

a. Giáo trình chính:

1. Địa lý tự nhiên đại cương 1. Nguyễn Trọng Hiếu (Chủ biên), Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội 2006.

2. Địa lý tự nhiên đại cương 2. Hoàng Ngọc Oanh (Chủ biên), Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội 2006.

3. Địa lý tự nhiên đại cương 3. Nguyễn Kim Chương (Chủ biên), Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội 2006.

b. Tài liệu tham khảo:

4. Lê Bá Thảo (Chủ biên). Cơ sở địa lý tự nhiên, tập 1, 2, 3. NXB Giáo dục, Hà Nội, 1985.
5. Kalexlik. Những quy luật địa lý chung của Trái Đất. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1973.
6. Intergovernmental Panel on Climate Change (2007) *Climate Change 2007: Synthesis Report*. Electronic facsimile downloaded as a PDF from: <http://www.ipcc.ch> [Accessed: 5 October 2017].
7. Neil Adger, W., Huq, S., Brown, K., Conway, D., Hulme, M. 2003. *Adaptation to Climate Change in Developing world*. Sage Publication.

2.5. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐỊA LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẠI CƯƠNG

Tên học phần: Những vấn đề Địa lý kinh tế - xã hội đại cương
(General issues in Economic – Social Geography)

Mã môn học: ĐLH105

Số tín chỉ: 03 (1,8; 1,2)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Địa lý Kinh tế - xã hội và PPDH Địa lý, Khoa KHXH, Trường Đại học Hồng Đức.

1. Phân bổ thời gian

- Lý thuyết :27 tiết
- Xemina, bài tập :36 tiết
- Tự học :135 tiết

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức nâng cao về vấn đề sử dụng tài nguyên môi trường; đặc điểm nền sản xuất xã hội; địa lý dân cư và các vấn đề địa lý xã hội khác; các vấn đề địa lý kinh tế đặt trong mối liên hệ với thực tiễn của thế giới.

3. Mục tiêu học phần

- *Kiến thức:* Giúp học viên hiểu và vận dụng tốt trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và những hoạt động nghề nghiệp liên quan các kiến thức nâng cao về mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên và nền sản xuất xã hội; địa lý dân cư và các vấn đề địa lý xã hội khác; địa lý kinh tế.

- *Kỹ năng:* Rèn luyện cho học viên kỹ năng về thu thập, xử lý, phân tích tài liệu, số liệu; kỹ năng tổ chức các hoạt động theo nhóm như tổ chức câu lạc bộ, xemina; kỹ năng nghiên cứu các vấn đề kinh tế - xã hội.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Kết thúc học phần người học vận dụng được hệ thống lý thuyết về đặc điểm môi trường, tài nguyên thiên nhiên, địa lý xã hội, địa lý kinh tế để phân tích, đánh giá các vấn đề KT-XH cụ thể. Phân tích, đánh giá được các vai trò và việc sử dụng các nguồn lực phát triển của quốc gia. Có khả năng tự nghiên cứu, tư duy độc lập các vấn đề của địa lý học. Có kỹ năng về thu thập, xử lý, phân tích tài liệu, số liệu; kỹ năng tổ chức các hoạt động theo nhóm như tổ chức câu lạc bộ, xemina; kỹ năng nghiên cứu các vấn đề kinh tế - xã hội. Có năng lực sử dụng phương pháp nghiên cứu của địa lý kinh tế vào việc giải quyết những phát sinh trong thực tiễn.

5. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA ĐỊA LÝ KINH TẾ

1.1. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu

1.2. Các quan điểm nghiên cứu

1.3. Các phương pháp nghiên cứu chính

CHƯƠNG 2. MÔI TRƯỜNG, TÀI NGUYÊN VÀ NỀN SẢN XUẤT XÃ HỘI

2.1. Môi trường địa lý

2.2. Tài nguyên thiên nhiên

2.3. Sử dụng tài nguyên thiên nhiên

2.4. Môi trường và phát triển bền vững

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA ĐỊA LÝ XÃ HỘI

3.1. Địa lý dân cư và quần cư

3.2. Địa lý tôn giáo

3.3. Chỉ số phát triển con người (HDI)

CHƯƠNG 4. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA ĐỊA LÝ KINH TẾ

4.1. Một số vấn đề về nền kinh tế trong thời kỳ hội nhập

4.2. Địa lý nông nghiệp

4.3. Địa lý công nghiệp

4.4. Địa lý dịch vụ

6. Phân bổ số tiết học phần

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
Chương 1	3	6	15
Chương 2	5	8	30
Chương 3	8	10	40
Chương 4	11	12	50
Tổng cộng:	27	36	135

7. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

9. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

10. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

11. Phương pháp đánh giá môn học

- 1 điểm chuyên cần n_1 : x 0,2
- 1 điểm tiểu luận hoặc điểm giữa kỳ n_2 : x 0,3
- 1 điểm bài thi cuối học phần n_3 : x 0,5

Điểm học phần: $(n_1 \times 0,2) + (n_2 \times 0,3) + (n_3 \times 0,5)$

12. Tài liệu tham khảo

a. Giáo trình chính:

- [1]. Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ. *Địa lý Dịch vụ (tập 1)*. NXB Đại học sư phạm, 2011.
- [2]. Nguyễn Minh Tuệ, Nguyễn Viết Thịnh, Lê Thông, *Địa lý kinh tế - xã hội đại cương*. NXB ĐHSPT, 2005.

b. Tài liệu tham khảo:

- [3]. Ngân hàng thế giới, *Báo cáo phát triển thế giới hàng năm*.
- [4]. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (đồng chủ biên - 2011), *Địa lý thương mại và du lịch*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (đồng chủ biên - 2012), *Địa lý nông lâm thủy sản Việt Nam*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [6]. World Bank (2002) *World Development Indicators*, CD-room, Washington.
- [7]. Kelly. P. M. (2000) *Theory and practice in assessing vulnerability to climate change and facilitating adaptation*. Netherlands: Kluwer Academic Publishers.

2.6. PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ĐỊA LÍ

Tên học phần: Phương pháp luận và phương pháp dạy học Địa lý
(Methodology and methods of teaching Geography)

Mã môn học: ĐLH106

Số tín chỉ: 02 (1,2; 0,8)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Địa lí kinh tế- xã hội và Phương pháp giảng dạy Địa lí, khoa KHXH, trường Đại học Hồng Đức

1. Phân bổ thời gian

- Lý thuyết :18 tiết
- Thảo luận, bài tập:24 tiết
- Tự học :90 tiết

2. Mô tả học phần

Học phần trình bày phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học địa lí, khoa học giáo dục trong dạy học địa lí, cập nhật lý luận các phương pháp dạy học Địa lí hiện đại, phương pháp kiểm tra đánh giá trong dạy học Địa lí hiện nay.

3. Mục tiêu học phần

Giúp người học tiếp cận phương pháp luận và phương pháp dạy học Địa lý, hiểu sâu rộng về những vấn đề về phương pháp dạy học Địa lý ở bậc đại học cũng như ở phổ thông, cập nhật yêu cầu đổi mới và xu hướng đổi mới phương pháp dạy học Địa lý.

Có khả năng vận dụng các quan điểm, phương pháp nghiên cứu đặc thù của khoa học Địa lý trong thực tiễn; Vận dụng và triển khai các kỹ thuật dạy học trong những phương pháp dạy học tích cực trong công cuộc đổi mới giáo dục hiện nay.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Kết thúc học phần người học phải có được kiến thức rêu rộng về phương pháp luận và phương pháp dạy học Địa lý, về những vấn đề về phương pháp dạy học Địa lý ở bậc đại học cũng như ở phổ thông, cập nhật yêu cầu đổi mới và xu hướng đổi mới phương pháp dạy học Địa lý.

Có năng lực sử dụng phù hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học địa lí đặc thù (phương pháp quan sát, phương pháp thực địa, phương pháp bản đồ...), các phương pháp dạy học tích cực của khoa học giáo dục (đàm thoại, động não, trực quan, thực hành ...) trong dạy học địa lí ở các bậc học.

5. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1.1. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học địa lí, khoa học giáo dục

1.1.1. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học địa lí

- 1.1.1.1. Đối tượng của phương pháp luận NCKH địa lí
- 1.1.1.2. Quan điểm trong NCKH địa lí
- 1.1.1.3. Vai trò, ý nghĩa
- 1.1.2. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục
 - 1.1.1.1. Đối tượng của phương pháp luận NCKH giáo dục
 - 1.1.1.2. Quan điểm trong NCKH giáo dục
 - 1.1.1.3. Vai trò, ý nghĩa
- 1.1.3. Phương pháp nghiên cứu khoa học địa lí, khoa học giáo dục
 - 1.1.2.1. Phương pháp nghiên cứu khoa học chung
 - 1.1.2.2. Phương pháp nghiên cứu khoa học địa lí và khoa học giáo dục
- 1.2. Phương pháp luận và phương pháp dạy học
 - 1.2.1. Phương pháp luận trong dạy học Địa lí
 - 1.2.1.1. Các khái niệm cơ bản về phương pháp luận
 - 1.2.1.2. Các quan điểm trong dạy học địa lí
 - 1.2.1.3. Mối quan hệ giữa phương pháp luận và phương pháp trong dạy học Địa lí
 - 1.2.2. Hệ thống các phương pháp dạy học Địa lí
 - 1.2.2.1. Các phương pháp dạy học truyền thống
 - 1.2.2.2. Các phương pháp dạy học hiện đại

CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ĐỊA LÝ THEO HƯỚNG TÍCH CỰC

- 2.1. Đổi mới Phương pháp dạy học địa lí
 - 2.1.1. Quan điểm đổi mới
 - 2.1.2. Xu hướng đổi mới
- 2.2. Phương pháp dạy học tích cực
 - 2.2.1. Dạy và học tích cực
 - 2.2.1.1. Khái niệm cơ bản
 - 2.2.1.2. Bản chất dạy - học tích cực
 - 2.2.2. Sử dụng phương pháp dạy học tích cực trong dạy học địa lí
 - 2.2.2.1. Cải tiến các PPDH truyền thống
 - 2.2.2.2. Vận dụng PPDH hiện đại
- 2.3. Dạy học tích hợp trong dạy học địa lí
 - 2.3.1. Dạy học tích hợp
 - 2.3.2. Nội dung dạy học tích hợp trong dạy học địa lí
 - 2.3.3. Hình thức tổ chức và PPDH tích hợp

CHƯƠNG 3: ỨNG DỤNG CNTT VÀ VẤN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÝ

- 3.1. Ứng dụng CNTT trong dạy học địa lí

- 3.1.1. Vai trò của CNTT và truyền thông trong đổi mới dạy học địa lý
- 3.1.2. Ứng dụng CNTT trong dạy học địa lý
- 3.3. Vấn đề kiểm tra, đánh giá trong dạy học địa lý
 - 3.3.1. Một số khái niệm cơ bản
 - 3.3.2. Đổi mới kiểm tra đánh giá trong dạy học địa lý
 - 3.3.3. Một số phương pháp kiểm tra đánh giá trong dạy học địa lý

6. Phân bổ số tiết học phần

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
Chương 1	6	8	30
Chương 2	6	8	30
Chương 3	6	8	30
Tổng cộng:	18	24	90

7. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

9. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

10. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

11. Phương pháp đánh giá môn học

- 1 điểm chuyên cần n_1 : x 0,2
- 1 điểm tiểu luận hoặc điểm giữa kỳ n_2 : x 0,3
- 1 điểm bài thi cuối học phần n_3 : x 0,5

Điểm học phần: $(n_1 \times 0,2) + (n_2 \times 0,3) + (n_3 \times 0,5)$

12. Tài liệu tham khảo

a. Giáo trình chính:

- [1]. NN. Barranxki. *Phương pháp giảng dạy địa lý kinh tế* (tập 1,2). Nxb Giáo dục, 1970, 1972.
- [2]. Nguyễn Dược, Nguyễn Trọng Phúc. *Lý luận dạy học Địa lý*. NxbĐHSP, 2004

b. Tài liệu tham khảo:

- [3]. B.P. E xipôp. *Những cơ sở của lý luận dạy học*. NxbGD, 1977

- [4]. A. E.Bibik. *Phương pháp giảng dạy Địa lý ở trường THPT*, 1968
- [5]. Nicholas Clifford, Meghan Cope, Thomas Gillespie and Shaun French () *Key Methods in Geography*, Printed in London, 2016
- [6]. Graves, Norman J (1982) *Geography teaching: New Unesco Source Book*. Printed in Paris, 2016.

2.7. HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÝ (GIS) VÀ ỨNG DỤNG TRONG ĐỊA LÝ

Tên môn học: Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và ứng dụng trong địa lý
(GIS and application them into geography)

Mã số môn học: ĐLH107

Số tín chỉ: 3 (1,0;2,0)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Địa lý Tự nhiên - Môi trường, khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức.

1. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thảo luận, Thực hành: 60 tiết
- Tự học: 135 tiết

2. Mô tả môn học

Chuyên đề được kết cấu thành 06 chương, trình bày khái quát về hệ thống thông tin địa lý; Các chức năng của phần mềm GIS; Phương pháp thành lập bản đồ chuyên đề; Một số bài toán phân tích không gian và ứng dụng trong nghiên cứu địa lý.

3. Mục tiêu

Học phần này nhằm nâng cao, cập nhật cho học viên những kiến thức về hệ thống thông tin địa lý. Học viên có thể thành lập và biên tập các bản đồ chuyên đề về tự nhiên và kinh tế - xã hội, đồng thời thực hiện các bài toán phân tích không gian để vận dụng vào thành một phương pháp trong nghiên cứu khoa học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Kết thúc học phần người học có được: kiến thức cơ bản về khái niệm, thành phần, đặc điểm, ứng dụng và những chức năng cơ bản của GIS; biên tập, thành lập được các bản đồ chuyên đề chuyên ngành và thực hiện được các bài toán ứng dụng trong GIS một cách thành thạo.

5. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÝ VÀ CÁC ỨNG DỤNG CỦA GIS

1.1. Khái quát về hệ thống thông tin địa lý

1.1.1. Khái niệm GIS

1.1.2. Thành phần và các chức năng của GIS

1.1.3. Đặc điểm cơ sở dữ liệu của phần mềm GIS

1.1.4. Các khả năng của công nghệ GIS và các phần mềm ứng dụng của nó

1.2. Các ứng dụng của GIS

1.2.1. Các ứng dụng chung của GIS

1.2.2. Các ứng dụng của GIS trong nghiên cứu địa lý kinh tế - xã hội

CHƯƠNG 2. CÁC CHỨC NĂNG CƠ BẢN CỦA PHẦN MỀM GIS

- 2.1. Nhập dữ liệu
- 2.2. Quản lí dữ liệu
- 2.3. Phân tích cơ sở dữ liệu
- 2.4. Xuất cơ sở dữ liệu

CHƯƠNG 3. THÀNH LẬP BẢN ĐỒ CHUYÊN ĐỀ

- 3.1. Bản đồ chuyên đề, ý nghĩa của nó trong GIS
- 3.2. Khái quát về thành lập bản đồ chuyên đề
- 3.3. Các phương pháp thành lập bản đồ chuyên đề

CHƯƠNG 4. ĐƯA BẢN ĐỒ LÊN TRANG LAYOUT

- 4.1. Tạo ra một trang trình bày mẫu
- 4.2. Biên tập bản đồ trên trang Layout
- 4.3. Các tham số của trang Layout
- 4.4. In trang Layout

CHƯƠNG 5. MÔ HÌNH SỐ ĐỘ CAO

- 5.1. Mô hình số độ cao
- 5.2. Ứng dụng mô hình số độ cao trong thành lập các bản đồ chuyên đề
- Các ứng dụng của GIS trong nghiên cứu địa lí kinh tế - xã hội

CHƯƠNG 6. MỘT SỐ BÀI TOÁN ỨNG DỤNG GIS

- 6.1. Bài toán 1: Xác định vùng ảnh hưởng
- 6.2. Bài toán 2: Tính biến động
- 6.3. Bài toán 3: Tính đền bù
- 6.4. Bài toán 4: Đánh giá thích nghi

6. Phân bổ số tiết học phần

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
Chương 1	2	10	22
Chương 2	2	10	22
Chương 3	2	10	22
Chương 4	3	10	22
Chương 5	3	10	24
Chương 6	3	10	23
Tổng cộng:	15	60	135

7. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

9. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

10. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

11. Phương pháp đánh giá môn học

- 1 điểm chuyên cần n_1 : x 0,2
- 1 điểm tiểu luận hoặc điểm giữa kỳ n_2 : x 0,3
- 1 điểm bài thi cuối học phần n_3 : x 0,5

Điểm học phần: $(n_1 \times 0,2) + (n_2 \times 0,3) + (n_3 \times 0,5)$

12.Tài liệu tham khảo

a. Giáo trình chính:

[1]. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Giáo trình "*Hướng dẫn sử dụng phần mềm MapInfo*", Trung tâm Địa lí ứng dụng, Hà Nội - 2010.

[2]. Đặng Văn Đức, "*Hệ thống thông tin địa lý*", Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật, Hà nội - 2001.

b. Tài liệu tham khảo:

[3]. Trần Quốc Bình, "Bài giảng ESRI ArcGIS 8.1", Hà Nội - 2004

[4]. Keith C. Clarke, "*Getting started with Geographic Infomlation Systems Prentice Hall*". 1999

[5]. MapInfo.Corporation, "MapInfo User' s guide", 1994

[6]. Phạm Trọng Mạnh, Phạm Vọng Thành, "*Cơ sở Hệ thống thông tin địa lý trong quy hoạch và quản lý đô thị*", NXB Xây dựng, Hà Nội - 1999.

[7]. Nguyễn Thế Thận, "*Cơ sở hệ thống thông tin địa lý*" - NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội - 1999.

[8]. Joseph J. Kerski (2007) *The Implementation and Effectiveness of Geographic Information Systems Technology and Methods in Secondary Education*,Journal of Geography, Vol 102, Issue 3.

[9]. Paul A. Longley, Michael F. Goodchild, David J. Maguire, David W. Rhind (2005) *Geographic Information Systems and Science*, Lodon: Oxford.

2.8. KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN

Tên môn học: Kinh tế và phát triển (Development and Economic)

Mã số môn học: ĐLH108

Số tín chỉ: 02 (1,2; 0,8)

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Địa lí kinh tế - xã hội và PPDH Địa lí, Khoa KHXH, trường ĐH Hồng Đức

1. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 18 tiết
- Xemina, bài tập: 24 tiết
- Tự học: 90 tiết

2. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần gồm những nội dung sau:

- Tổng quan chung về tăng trưởng và phát triển kinh tế;
- Một số lý thuyết về tăng trưởng và phát triển kinh tế;
- Các nguồn lực với tăng trưởng và phát triển kinh tế;
- Ngoại thương với tăng trưởng và phát triển kinh tế.

3. Mục tiêu của học phần:

- *Về kiến thức:* Nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về kinh tế học phát triển.

- *Về phương pháp, kỹ năng:* giúp cho người học có phương pháp nghiên cứu, tiếp cận vấn đề một cách khoa học và có kỹ năng vận dụng kiến thức đã được trang bị vào các hoạt động thực tiễn, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế theo hướng bền vững.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Kết thúc học phần người học có khả năng tổng hợp, nhận dạng cấu trúc và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội. Biết thu thập thông tin và nhận dạng các hiện tượng kinh tế xã hội cả về mặt định tính và định lượng. Biết phát hiện vấn đề, phân tích và lựa chọn các giải pháp chính sách quản lý các ngành, quản lý địa phương,... Đạt được các kỹ năng tư duy và làm việc độc lập một cách hiệu quả.

5. Nội dung học phần:

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN CHUNG VỀ TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1.1. BẢN CHẤT CƠ BẢN CỦA TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1.2. ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1.3. ĐÁNH GIÁ CƠ CẤU

1.3.1. Cơ cấu ngành

1.3.2. Cơ cấu vùng

- 1.3.3. Cơ cấu thành phần kinh tế
 - 1.3.4. Cơ cấu tái sản xuất
 - 1.3.5. Cơ cấu thương mại quốc tế
 - 1.4. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI
 - 1.4.1. Một số chỉ tiêu phản ánh nhu cầu cơ bản của con người
 - 1.4.2. Chỉ số phát triển con người (HDI)
 - 1.4.3. Các chỉ tiêu đánh giá bất bình đẳng (về kinh tế và xã hội)
 - 1.4.4. Các chỉ tiêu đánh giá nghèo khổ
 - 1.5. CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN
 - 1.5.1. Các nhân tố kinh tế
 - 1.5.2. Các nhân tố phi kinh tế
- CHƯƠNG 2. MỘT SỐ LÝ THUYẾT VỀ TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**
- 2.1. LÝ THUYẾT CỎ ĐIỂN VỀ TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN
 - 2.1.1. Xuất phát điểm của mô hình
 - 2.1.2. Các yếu tố tăng trưởng kinh tế và mối quan hệ giữa chúng
 - 2.1.3. Phân chia các nhóm người trong xã hội và thu nhập của những nhóm người này
 - 2.1.4. Quan hệ cung - cầu và vai trò của chính sách kinh tế với tăng trưởng.
 - 2.2. LÝ THUYẾT CỦA TRƯỜNG PHÁI KEYNES VỀ TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN
 - 2.2.1. Lý thuyết của Keynes về tăng trưởng kinh tế
 - 2.2.2. Mô hình Harrod – Domar
 - 2.3. LÝ THUYẾT CỦA TÂN CỎ ĐIỂN VỀ TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN
 - 2.3.1. Cấu trúc cơ bản và những giả định của mô hình tăng trưởng kinh tế Tân cổ điển
 - 2.3.2. Động thái của vốn
 - 2.3.3. Tác động của sự thay đổi các tham số trong mô hình
 - 2.3.4. Quy tắc vàng của tích lũy vốn và tính không hiệu quả động
 - 2.3.5. Sự hội tụ của các nền kinh tế
 - 2.3.6. Hạn chế của lý thuyết tăng trưởng Tân cổ điển
 - 2.4. LÝ THUYẾT TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ NỘI SINH
 - 2.4.1. Mô hình học hỏi (Learning by Doing Model) của Arrow
 - 2.4.2. Mô hình R&D (Research and Development Model)
 - 2.4.3. Mô hình Mankiw – Romer – Weil
 - 2.4.4. Mô hình AK
 - 2.4.5. Mô hình “học hay làm” (Learning or Doing Model)
 - 2.4.6. Ý nghĩa của các mô hình tăng trưởng kinh tế nội sinh

CHƯƠNG 3. CÁC NGUỒN LỰC VỚI TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

3.1. LAO ĐỘNG VỚI TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

3.1.1. Nguồn lao động và lực lượng lao động

3.1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến số lượng và chất lượng lao động

3.1.3. Vai trò của lao động với phát triển kinh tế

3.2. VỐN VỚI TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

3.2.1. Vốn sản xuất và vốn đầu tư

3.2.2. Vai trò của vốn với phát triển kinh tế

3.2.3. Các nguồn hình thành vốn đầu tư

3.3. TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VỚI TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

3.3.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại tài nguyên thiên nhiên

3.3.2. Vai trò của tài nguyên thiên nhiên với phát triển kinh tế

3.4. KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỚI TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

3.4.1. Bản chất khoa học và công nghệ

3.4.2. Vai trò của khoa học công nghệ với phát triển kinh tế

3.4.3. Đổi mới công nghệ và phát triển kinh tế

CHƯƠNG 4. NGOẠI THƯƠNG VỚI TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

4.1. TẦM QUAN TRỌNG CỦA NGOẠI THƯƠNG

MỘT SỐ LÝ THUYẾT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ PHÁT TRIỂN

4.1.1. Vai trò của ngoại thương trong các lý thuyết thương mại quốc tế

4.1.2. Vai trò của ngoại thương với phát triển kinh tế trong các nghiên cứu thực nghiệm

4.2. CHIẾN LƯỢC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÌ PHÁT TRIỂN

4.2.1. Chiến lược xuất khẩu sản phẩm thô

4.2.2. Chiến lược thay thế nhập khẩu

4.2.3. Chiến lược hướng về xuất khẩu

4.3. VAI TRÒ CỦA NGOẠI THƯƠNG ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM

4.3.1. Thực trạng hoạt động ngoại thương từ đổi mới đến nay

4.3.2. Tác động của ngoại thương đến tăng trưởng và phát triển kinh tế

4.3.3. Định hướng chiến lược ngoại thương nhằm thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững

CHƯƠNG 5. HOẠCH ĐỊNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

5.1. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

5.1.1. Bản chất và chức năng của chiến lược

5.1.2. Nội dung chủ yếu của chiến lược phát triển

5.1.3. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020

5.2. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

5.2.1. Bản chất và chức năng của kế hoạch

5.2.2. Nội dung chủ yếu của chiến lược phát triển

5.2.3. Kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011 – 2015

6. Số tiết phân bổ:

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
Chương 1	3	4	15
Chương 2	3	4	15
Chương 3	4	5	20
Chương 4	4	5	20
Chương 5	4	6	20
Tổng cộng:	18	24	90

7. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

9. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

10. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

11. Phương pháp đánh giá môn học

- 1 điểm chuyên cần n_1 : x 0,2

- 1 điểm tiểu luận hoặc điểm giữa kỳ n_2 : x 0,3

- 1 điểm bài thi cuối học phần n_3 : x 0,5

Điểm học phần: $(n_1 \times 0,2) + (n_2 \times 0,3) + (n_3 \times 0,5)$

12. Tài liệu tham khảo:

a. Giáo trình chính:

1. GS.TS Trần Văn Chữ, *Giáo trình kinh tế học phát triển*, Nxb Lý luận chính trị tái bản năm 2007.

2. GS.TS Hoàng Ngọc Hòa, *Tập bài giảng phát triển bền vững ở Việt Nam*, Nxb Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, xuất bản năm 2006.

b. Tài liệu tham khảo:

3. Michael Todaro, *Kinh tế học cho thế giới thứ ba*, Nxb Giáo dục, Hà Nội 1998.
4. *Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.
5. *Chiến lược toàn diện về tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo*.
6. Hawkins. R. G. P., and Shaw. H. S., (2004) *The practical guide to waste management law*. London: Thomas Telford.
7. Louka. E., (2006) *International Environmental Law: Fairness, Effectiveness, and World Order*. New York: Cambridge University Press.

2.9. BẢN ĐỒ CHUYÊN ĐỀ

Tên học phần: Bản đồ chuyên đề (Thematic maps)

Mã môn học: ĐLH109

Số tín chỉ: 02 (1,2; 0,8)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Địa lí Tự nhiên – Môi trường, khoa KHXH, Trường Đại học Hồng Đức.

1. Phân bổ thời gian

- Lý thuyết: 18 tiết
- Xemina, bài tập: 24 tiết
- Tự học: 90 tiết

2. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản sau:

- Tổng quan về bản đồ chuyên đề;
- Biên tập và biên vẽ các loại bản đồ chuyên đề;
- Sử dụng bản đồ chuyên đề.

3. Mục tiêu học phần

Giúp sinh viên hiểu được các loại bản đồ chuyên đề, các tính chất, đặc điểm cơ bản của bản đồ chuyên đề; yêu cầu kĩ thuật trong quá trình thành lập các loại bản đồ chuyên đề.

Có khả năng sử dụng hoặc biên tập, thành lập các loại bản đồ chuyên đề phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Kết thúc học phần người học phải có được kiến thức cơ bản về đặc điểm, tính chất cơ bản của bản đồ chuyên đề, yêu cầu kĩ thuật trong quá trình thành lập các loại bản đồ chuyên đề; có thể tiến hành sử dụng hoặc biên tập, thành lập các loại bản đồ chuyên đề phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

5. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ BẢN ĐỒ CHUYÊN ĐỀ

1.1. Khái niệm và phân loại bản đồ chuyên đề

1.1.1. Khái niệm bản đồ chuyên đề

1.1.2. Phân loại bản đồ chuyên đề

1.2. Các tính chất cơ bản của bản đồ chuyên đề

1.2.1. Các tính chất chung của bản đồ địa lí

1.2.2. Tính chuyên sâu của bản đồ chuyên đề

1.3. Cơ sở toán học của bản đồ chuyên đề

1.3.1. Tỷ lệ bản đồ chuyên đề

1.3.2. Phép chiếu hình dùng cho bản đồ chuyên đề

1.3.3. Bố cục của bản đồ chuyên đề

1.4. Ngôn ngữ bản đồ chuyên đề

1.5. Tổng quát hóa bản đồ chuyên đề

CHƯƠNG 2: BIÊN TẬP VÀ BIÊN VẼ CÁC LOẠI BẢN ĐỒ CHUYÊN ĐỀ

2.1. Biên tập và biên vẽ các loại bản đồ chuyên đề về địa lí tự nhiên

2.2. Biên tập và biên vẽ các loại bản đồ chuyên đề về văn hóa, kinh tế - xã hội

2.3. Công nghệ thành lập bản đồ chuyên đề

CHƯƠNG 3: SỬ DỤNG BẢN ĐỒ CHUYÊN ĐỀ

3.1. Mục đích sử dụng bản đồ chuyên đề

3.2. Các hình thức sử dụng bản đồ chuyên đề

3.3. Các phương pháp sử dụng bản đồ chuyên đề

Các nội dung Bài tập

Bài tập 1: Mô tả đặc điểm bản đồ chuyên đề và các thành phần chính.

Bài tập 2: Trình bày các phương pháp thể hiện nội dung một bản đồ chuyên đề tùy chọn: Phương pháp gì? Thể hiện đối tượng nào? Thể hiện như thế nào? Thể hiện loại dữ liệu nào? Dữ liệu được thu thập như thế nào?

Bài tập 3: Biên tập và thiết kế một bản đồ chuyên đề

Bài tập 4: Sử dụng MapInfo để xây dựng bản đồ chuyên đề cụ thể

6. Số tiết phân bổ:

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
Chương 1	6	8	30
Chương 2	6	8	30
Chương 3	6	8	30
Tổng cộng:	18	24	90

7. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

9. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

10. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

11. Phương pháp đánh giá môn học

- 1 điểm chuyên cần n_1 : x 0,2

- 1 điểm tiểu luận hoặc điểm giữa kỳ n_2 : x 0,3

- 1 điểm bài thi cuối học phần n_3 : x 0,5

Điểm học phần: $(n_1 \times 0,2) + (n_2 \times 0,3) + (n_3 \times 0,5)$

12. Tài liệu tham khảo

a. Giáo trình chính:

[1]. Lâm Quang Dốc, (2003). *Bản đồ chuyên đề*. Nxb Đại học Sư phạm, 2002.

[2]. Trần Tấn Lộc, (2004). *Bản Đồ Học Chuyên Đề*. Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM, 2004.

b. Tài liệu tham khảo:

[3]. PGS. TS. Lê Huỳnh, PGS. TS. Lê Ngọc Nam (2001), *Bản đồ chuyên đề*, NXB Giáo dục.

[4]. J. B. Harley (2001) *The new nature of maps: Essay in the history of cartography*, London: The Johns Hopkins University Press.

[5]. M.J. Kraak (2015) *Exploratory cartography: Maps as a tool for discovery*, University of Twente Press.

2.10. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tên môn học: Phát triển bền vững (Sustainable Development)

Mã số môn học: ĐLH110

Số tín chỉ: 02 (1,2; 0,8)

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Địa lí kinh tế - xã hội và PPDH địa lí, khoa KHXH, trường Đại học Hồng Đức

1. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 18 tiết
- Xemina, bài tập: 24 tiết
- Tự học: 90 tiết

2. Mô tả tóm tắt học phần:

Là học phần chuyên ngành tự chọn, trang bị cho học viên những kiến thức về phát triển bền vững, (tiến trình, khái niệm, nội dung và các nguyên tắc phát triển bền vững); Các tiêu chí đánh giá tính bền vững; Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam.

3. Mục tiêu của học phần:

Giúp học viên có hệ thống tri thức tổng hợp và toàn diện về phát triển bền vững của các khía cạnh trong đời sống xã hội loài người.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Kết thúc học phần người học phải có được hệ thống tri thức tổng hợp và toàn diện về phát triển bền vững của các khía cạnh trong đời sống xã hội loài người. Vận dụng tri thức về phát triển bền vững trong quản lý, sử dụng TNTN, phát triển kinh tế - xã hội và BVMT Việt Nam và địa phương.

5. Nội dung học phần:

CHƯƠNG 1. TỪ PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1.1. NHỮNG KHÁI NIỆM VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1.2. CÁC THÁCH THỨC VỀ KT – XH, MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN

1.2.1. Các thách thức về kinh tế - xã hội

1.2.2. Các thách thức về môi trường

1.3. TIẾN TRÌNH HÌNH THÀNH QUAN NIỆM VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1.3.1. Giai đoạn trước 1990

1.3.2. Giai đoạn từ 1990 đến nay

CHƯƠNG 2. KHÁI NIỆM VÀ NỘI DUNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2.1. KHÁI NIỆM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2.2. NỘI DUNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2.2.1. Nội dung phát triển bền vững về lĩnh vực xã hội

2.2.2. Nội dung phát triển bền vững về tài nguyên – môi trường

2.2.3. Nội dung phát triển bền vững về kinh tế

2.2.4. Nội dung phát triển bền vững về thể chế

2.3. CÁC NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2.3.1. Nguyên tắc về sự ủy thác của nhân dân

2.3.2. Nguyên tắc phòng ngừa

2.3.3. Nguyên tắc bình đẳng giữa các thế hệ

2.3.4. Nguyên tắc bình đẳng trong nội bộ thế hệ

2.3.5. Nguyên tắc phân quyền và ủy quyền

2.3.6. Nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền

2.3.7. Nguyên tắc người sử dụng phải trả tiền

2.4. HỆ THỐNG CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LHQ

2.4.1. Các chỉ tiêu bền vững về kinh tế (14 nhóm chỉ tiêu)

2.4.2. Các chỉ tiêu bền vững về xã hội (19 nhóm chỉ tiêu)

2.4.3. Các chỉ tiêu bền vững về tài nguyên, môi trường (18 nhóm chỉ tiêu)

2.4.4. Các chỉ tiêu bền vững về thể chế (6 nhóm chỉ tiêu)

CHƯƠNG 3. KHUNG KHỔ VÀ THỰC THI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA MỘT SỐ TỔ CHỨC VÀ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

3.1. KHUNG KHỔ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LIÊN HỢP QUỐC

3.1.1. Xóa đói giảm nghèo

3.1.2. Thay đổi các mô hình sản xuất và tiêu thụ không bền vững

3.1.3. Bảo vệ và quản lý tài nguyên thiên nhiên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

3.1.4. Phát triển bền vững trong thế giới toàn cầu

3.1.5. Y tế và phát triển bền vững

3.1.6. Công cụ thực hiện phát triển bền vững

3.1.7. Khung thể chế phát triển bền vững

3.2. KHUNG KHỔ VÀ THỰC THI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA

3.2.1. Khung khổ và thực hiện chiến lược PTBV của Cộng hòa liên bang Đức

3.2.2. Khung khổ và thực hiện chiến lược PTBV của Vương quốc Anh

3.2.3. Khung khổ và thực hiện chiến lược PTBV của Canada

3.2.4. Khung khổ và thực hiện chiến lược PTBV của Nhật Bản

3.2.5. Khung khổ và thực hiện chiến lược PTBV của Trung Quốc

3.2.6. Khung khổ và thực hiện chiến lược PTBV của Thái Lan

3.2.7. Khung khổ và thực hiện chiến lược PTBV của Philippin

CHƯƠNG 4. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

4.1. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

- 4.1.1. Mục tiêu, quan điểm phát triển bền vững của Việt Nam
- 4.1.2. Các nguyên tắc phát triển bền vững của Việt Nam
- 4.2. CÁC LĨNH VỰC ƯU TIÊN THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM
- 4.2.1. Những lĩnh vực kinh tế cần ưu tiên phát triển bền vững
- 4.2.2. Những lĩnh vực xã hội cần ưu tiên phát triển bền vững
- 4.2.3. Những lĩnh vực tài nguyên môi trường cần ưu tiên phát triển bền vững
hưởng có hại của biến đổi khí hậu, phòng và chống thiên tai.
- 4.2.4. Những vấn đề về thể chế cần ưu tiên phát triển bền vững
- 4.3. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN QUA
- 4.3.1. Về tổ chức quản lý phát triển bền vững
- 4.3.2. Về xây dựng hệ thống các tiêu chí đánh giá
- 4.3.3. Về kết quả thực hiện các lĩnh vực ưu tiên phát triển bền vững của Việt Nam (19 lĩnh vực)
- 4.4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2020
- 4.4.1. Các thách thức mới cho phát triển bền vững
- 4.4.2. Khung phát triển bền vững cho giai đoạn 2012 – 2020

6. Số tiết phân bổ:

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
Chương 1	4	6	20
Chương 2	4	6	20
Chương 3	5	6	20
Chương 4	5	6	30
Tổng cộng:	18	24	90

7. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

9. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

10. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

11. Phương pháp đánh giá môn học

- 1 điểm chuyên cần n_1 : x 0,2

- 1 điểm tiểu luận hoặc điểm giữa kỳ n_2 : x 0,3

- 1 điểm bài thi cuối học phần n_3 : x 0,5

Điểm học phần: $(n_1 \times 0,2) + (n_2 \times 0,3) + (n_3 \times 0,5)$

12. Tài liệu tham khảo:

a. Giáo trình chính:

1. Chính phủ Nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, 2004. *Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam* (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam), Hà Nội, tháng 8 năm 2004.

2. Nguyễn Đình Hòa: “*Môi trường và phát triển bền vững*”, Nxb giáo dục 2007

b. Tài liệu tham khảo:

3. Bhaskar Nath, Luc Hens anh Dimitri DevuySỰ thật, 1996. *Textbook on UNESCO*, Paris.

4. Hà Huy Thành, Nguyễn Ngọc Khánh: *Phát triển bền vững từ quan niệm đến hành động*. Nxb Khoa học xã hội, 2009, 367 tr.

5. Hawkins. R. G. P., and Shaw. H. S., (2004) *The practical guide to waste management law*. London: Thomas Telford.

6. Louka. E., (2006) *International Environmental Law: Fairness, Effectiveness, and World Order*. New York: Cambridge University Press.

2.11. VIỆT NAM VỚI HỘI NHẬP KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ

Tên học phần: Việt Nam với hội nhập khu vực và quốc tế

(Viet Nam with global and regional integration)

Mã số học phần: ĐLH111

Số tín chỉ: 02 (1,2; 0,8)

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Địa lí kinh tế - xã hội & PPDHDL, khoa Khoa học xã hội, Trường Đại học Hồng Đức.

1. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 18 tiết
- Xemina, bài tập: 24 tiết
- Tự học: 90 tiết

2. Mô tả tóm tắt học phần:

Cung cấp kiến thức nâng cao, cập nhật về:

- Vấn đề toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và khu vực.
- Quá trình và những biểu hiện hội nhập kinh tế - xã hội của Việt Nam (qua các ngành kinh tế và các vấn đề xã hội).
- Các vấn đề cần đặt ra trong việc phát triển kinh tế - xã hội thúc đẩy tiến trình hội nhập.

3. Mục tiêu học phần

Về kiến thức

- Học viên được tiếp cận kiến thức về hội nhập của Việt Nam trong xu thế chung của khu vực và thế giới. Các khía cạnh được đề cập là sự hội nhập về chính trị, kinh tế - xã hội, vai trò vị trí của đất nước trên trường quốc tế, đặc biệt được đẩy mạnh từ những năm sau đổi mới.

- Học viên phân tích được những thay đổi chủ yếu, xu hướng mới của kinh tế - xã hội Việt Nam trong hội nhập. Đặc biệt, chuyên đề cung cấp các kiến thức nâng cao về sự hội nhập của mỗi ngành kinh tế, cũng như sự biến đổi về xã hội ở Việt Nam.

Về kỹ năng

- Nâng cao kỹ năng khai thác, xử lý và phân tích thông tin mạng, các bảng số liệu, các tài liệu, bản đồ. Từ đó phân tích một vấn đề của Địa lý KT-XH Việt Nam trong bối cảnh hội nhập.

- Nâng cao khả năng nghiên cứu, tự tìm tòi các vấn đề, thảo luận, tranh luận, viết báo cáo và thuyết trình những vấn đề mới về chuyên đề.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Kết thúc học phần người học phải có được: kiến thức về hội nhập của Việt Nam trong xu thế chung của khu vực và thế giới. Các khía cạnh được đề cập là sự hội nhập

về chính trị, kinh tế - xã hội, vai trò vị trí của đất nước trên trường quốc tế, đặc biệt được đẩy mạnh từ những năm sau đổi mới; khả năng phân tích được những thay đổi chủ yếu, xu hướng mới của kinh tế - xã hội Việt Nam trong hội nhập; kiến thức nâng cao về sự hội nhập của mỗi ngành kinh tế, cũng như sự biến đổi về xã hội ở Việt Nam.

Có kỹ năng khai thác, xử lý và phân tích thông tin mạng, các bảng số liệu, các tài liệu, bản đồ về một vấn đề của Địa lý KT-XH Việt Nam trong bối cảnh hội nhập;

Có năng lực nghiên cứu, tự tìm tòi các vấn đề, thảo luận, tranh luận, viết báo cáo và thuyết trình những vấn đề mới về chuyên đề.

5. Nội dung học phần:

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ HỘI NHẬP

1.1. Khái niệm toàn cầu hóa, hội nhập

1.1.1. Khái niệm toàn cầu hóa, nội dung, đặc điểm

1.1.2. Hội nhập quốc tế, khu vực

1.2. Nguyên nhân, động lực hội nhập

1.3. Các khía cạnh hội nhập

1.3.1. Hội nhập về các vấn đề chính trị, xã hội

1.3.2. Hội nhập về kinh tế

1.3.3. Hội nhập trong việc sử dụng và bảo vệ tài nguyên, môi trường.

CHƯƠNG 2. VIỆT NAM THAM GIA HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

2.1. Quá trình hình thành chủ trương HNKTQT

2.1.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về HNKTQT

2.1.2. Tiến trình HNKTQT của Việt Nam

2.2. Cơ hội và thách thức trong HNKTQT

2.2.1. Cơ hội trong HNKTQT

2.2.2. Thách thức trong HNKTQT

2.3. Việt Nam tham gia một số tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực

2.3.1. Liên hợp quốc (UNESCO)

2.3.2. Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - TBD (APEC)

2.3.3. Hiệp hội ASEAN

2.3.4. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)

Mỗi tổ chức nêu khái quát các vấn đề chủ yếu về: thời gian thành lập, TG VN gia nhập, những chức năng của Tổ chức, những đóng góp (vai trò) của VN đối với tổ chức, cơ hội và thách thức đối với VN tham gia tổ chức.

CHƯƠNG 3. KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM VỚI BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC

3.1. Những chính sách của NN để thúc đẩy HNQT

3.2. Những nguồn lực phát triển KT-XH của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập

3.3. Những chuyển biến chủ yếu của nền KT VN trong bối cảnh hội nhập

3.3.1. Tăng trưởng kinh tế, cấu trúc lại cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ phù hợp với xu thế hội nhập QT và khu vực (theo khu vực kinh tế, theo thành phần kinh tế và theo lãnh thổ). So sánh với các nước trong khu vực, những thành tựu và những thách thức.

3.3.2. Hội nhập trong từng lĩnh vực kinh tế

- Những chuyển biến của nền CN VN (vai trò của việc thay đổi các chiến lược CNH với việc phát huy nguồn lực, chuyển dịch cơ cấu CN theo ngành, theo thành phần KT và theo lãnh thổ) trong bối cảnh Hội nhập.

- Chuyển biến của nền NN và chuyển sang nền NN hàng hoá

- Những thành tựu và thách thức của lĩnh vực dịch vụ (GTVT, viễn thông, KTĐN, du lịch...)

3.3.3. Hội nhập trong các lĩnh vực khác (phát triển xã hội: xoá đói giảm nghèo, phát triển y tế, giáo dục, sử dụng bền vững tài nguyên...). Học viên có thể lựa chọn một vấn đề để trình bày.

6. Phân bổ số tiết môn học:

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
Chương 1	6	8	30
Chương 2	6	8	30
Chương 3	6	8	30
Tổng	18	24	90

7. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

9. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

10. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

11. Phương pháp đánh giá môn học

- 1 điểm chuyên cần n_1 : x 0,2

- 1 điểm tiểu luận hoặc điểm giữa kỳ n_2 : x 0,3

- 1 điểm bài thi cuối học phần n_3 : x 0,5

Điểm học phần: $(n_1 \times 0,2) + (n_2 \times 0,3) + (n_3 \times 0,5)$

12. Tài liệu tham khảo

a. Giáo trình chính:

1. Đỗ Thị Minh Đức (chủ biên), Nguyễn Việt Thịnh, Vũ Như Vân, *Giáo trình địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam* (tập 2). NXB. Đại học sư phạm, năm 2007.
2. Lê Thông (chủ biên), Nguyễn Văn Phú, Nguyễn Minh Tuệ, *Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam*. NXB. Giáo dục, 2011.
3. Nguyễn Việt Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức, *Giáo trình Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam* (tập 1). NXB. Giáo dục, năm 2005

b. Tài liệu tham khảo:

4. Ngô Văn Điềm, *Toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.
5. Nguyễn Minh Tú, *Việt Nam trên chặng đường đổi mới và phát triển kinh tế*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002
6. Nguyễn Văn Thường (chủ biên), *Một số vấn đề kinh tế - xã hội Việt Nam thời kỳ đổi mới*. NXB. Chính trị Quốc gia Hà Nội, năm 2004.
7. Đinh Xuân Lý (2003). *Quá trình Việt Nam hội nhập khu vực Châu Á - Thái Bình Dương theo đường lối đổi mới của Đảng*. NXB Chính trị Quốc gia, 2003.
8. Duong. M. H. (2012) *Evaluates the impact of hydro energy storage to transport efficiency of the power system*. Da Nang: Da Nang University.

2.12. MỘT SỐ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC HIỆN ĐẠI TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÝ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Tên môn học: Một số hình thức tổ chức dạy học hiện đại trong dạy học Địa lý ở trường phổ thông

(Some modern organizational forms of teaching in Geography subject at schools).

Mã số môn học: ĐLH112

Số tín chỉ: 02 (1,2; 0,8)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Địa lí kinh tế- xã hội và Phương pháp giảng dạy Địa lí, Trường Đại học Hồng Đức.

1. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 18 tiết
- Xemina, bài tập: 24 tiết
- Tự học: 90 tiết

2. Mô tả môn học

Môn học cung cấp môn số kiểu/mô hình dạy học hiện đại theo hướng dạy học tích cực đang được áp dụng hiện nay ở trong và ngoài nước. Trên cơ sở phân tích mục tiêu giáo dục của môn học, kiến thức địa lý và đặc điểm tư duy địa lý giúp người học có thể phân tích, đánh giá và áp dụng các mô hình dạy học khác nhau trong thực tế giảng dạy môn học Địa lý ở trường phổ thông.

3. Mục tiêu

Môn học nhằm giúp người học tiếp cận, cập nhật những hình thức tổ chức dạy học tích cực đã và đang được áp dụng phổ biến ở nhiều quốc gia; Cung cấp cơ sở để người học tự phân biệt, so sánh, đánh giá các mô hình dạy học từ đó chủ động, tìm tòi và sáng tạo trong việc vận dụng kiểu/mô hình dạy học phù hợp với đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hiện nay.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Kết thúc học phần người học phải có được những kiến thức cập nhật về hình thức tổ chức dạy học tích cực đã và đang được áp dụng phổ biến ở nhiều quốc gia; biết phân biệt, so sánh, đánh giá các mô hình dạy học từ đó chủ động, tìm tòi và sáng tạo trong việc vận dụng kiểu/mô hình dạy học phù hợp với đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hiện nay.

Có năng lực sử dụng phối hợp có hiệu quả các hình thức tổ chức dạy học theo nhóm, nhóm-lớp, nhóm- cá nhân, lớp-nhóm-cá nhân trong các mô hình dạy học hiện đại và truyền thống ở các bậc học.

5. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ QUÁ TRÌNH DẠY HỌC ĐỊA LÝ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

- 1.1. Mục tiêu giáo dục môn học
 - 1.1.1. Khái niệm
 - 1.1.2. Vai trò của mục tiêu giáo dục trong quá trình dạy học
 - 1.1.3. Mục tiêu giáo dục môn học Địa lý
- 1.2. Hệ thống tri thức Địa lý ở trường phổ thông
 - 1.2.1. Cơ sở xây dựng hệ thống tri thức địa lý ở trường phổ thông
 - 1.2.2. Phân loại và đặc điểm
 - 1.2.2.1. Kiến thức lý thuyết
 - 1.2.2.2. Kỹ năng kỹ xảo
 - 1.2.3. Đặc điểm tư quy địa lý
- 1.3. Một số quan điểm trong dạy học địa lý
 - 1.3.1. Quan điểm chung
 - 1.3.1.1. Quan điểm tổng hợp
 - 1.3.1.2. Quan điểm hệ thống – cấu trúc
 - 1.3.1.3. Quan điểm thực tiễn
 - 1.3.2. Một số quan điểm dạy học cụ thể
 - 1.3.2.1. Quan điểm Dạy học lấy học sinh làm trung tâm
 - 1.3.2.2. Quan điểm Công nghệ dạy học

CHƯƠNG 2. MỘT SỐ MÔ HÌNH DẠY HỌC HIỆN ĐẠI VÀ KHẢ NĂNG ỨNG DỤNG TRONG THỰC TIỄN DẠY HỌC ĐỊA LÝ HIỆN NAY

- 2.1. Một số cơ sở lý luận chung về mô hình dạy học
 - 2.1.1. Các thuyết tâm lý về học tập và mô hình dạy học
 - 2.1.2. Sự đa dạng trong phong cách học tập, phong cách tư duy
 - 2.1.3. Cơ chế phát huy tính tích cực học tập
- 2.2. Một số mô hình dạy học hiện đại
 - 2.2.1. Dạy học theo chủ đề (Thame – Based learning)
 - 2.2.2. Dạy học trên cơ sở vấn đề (Problem – Based learning)
 - 2.2.3. Dạy học theo góc (Working in corners)
 - 2.2.4. Dạy học theo dự án (Project – Based learning)
 - 2.2.5. Dạy học hợp tác (Blended Learning)
- 2.3. Xác lập các điều kiện áp dụng mô hình dạy học hiện đại
 - 2.3.1. Hệ thống các phương pháp dạy học tích cực
 - 2.3.2. Phương tiện, thiết bị kỹ thuật dạy học địa lý
 - 2.3.3. Cấu trúc nội dung, chương trình
 - 2.3.4. Môi trường học tập
- 2.4. Phân tích khả năng và triển vọng áp dụng trong dạy học Địa lý ở Việt Nam
 - 2.4.1. Phân tích thực trạng

2.4.2. Ví dụ minh họa cụ thể

6. Phân bổ số tiết học phần

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
Chương 1	9	12	42
Chương 2	9	12	48
Tổng cộng:	18	24	90

7. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

9. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

10. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

11. Phương pháp đánh giá môn học

- 1 điểm chuyên cần n_1 : x 0,2
- 1 điểm tiểu luận hoặc điểm giữa kỳ n_2 : x 0,3
- 1 điểm bài thi cuối học phần n_3 : x 0,5

Điểm học phần: $(n_1 \times 0,2) + (n_2 \times 0,3) + (n_3 \times 0,5)$

12. Tài liệu tham khảo

a. Giáo trình chính:

- [1]. Báo cáo “Học tập – kho báu tiềm ẩn”, Báo cáo của Ủy ban quốc tế về giáo dục thế kỷ XXI, UNESCO
- [2]. Hồ Ngọc Đại, *Giải pháp giáo dục*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2010.
- [3]. Đặng Văn Đức và nnk. *Phương pháp dạy học địa lý theo hướng tích cực*. Nxb Đại học sư phạm, 2004.

b. Tài liệu tham khảo:

- [4]. Thomas Amstrong, (Lê Quang Long dịch), *Đa trí tuệ trong lớp học*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2011.
- [5]. Robert J. Marzano, Debra J. Pickering, Jane E. Pollock, (Nguyễn Hồng Vân dịch), *Các phương pháp dạy học hiệu quả*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2011.

2.13. CƠ SỞ CẢNH QUAN HỌC VÀ PHÂN VÙNG ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN

Tên học phần: Cơ sở cảnh quan học và phân vùng địa lý tự nhiên
(Basical landscape and natural geographic partition)

Mã môn học: ĐLH113

Số tín chỉ: 02 (1,2; 0,8)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Địa lý Tự nhiên- Môi trường, Khoa KHXH, Trường Đại học Hồng Đức.

1. Phân bổ thời gian

- Lý thuyết: 18 tiết
- Thảo luận: 24 tiết
- Tự học: 90 tiết

2. Mô tả học phần

Học phần gồm có các nội dung sau:

- Tính hoàn chỉnh và các quy luật phân hóa không gian địa lý
- Phân vùng địa lý tự nhiên
- Cảnh quan học

3. Mục tiêu học phần

- Kiến thức: Giúp học viên nắm vững và vận dụng được những kiến thức cơ bản về phân vùng địa lý tự nhiên, cảnh quan học. Đây là các nội dung cơ bản nhất của địa lý tự nhiên, tạo nền tảng vững chắc để nghiên cứu các vấn đề của địa lý học.

- Kỹ năng: Tự nghiên cứu các vấn đề về Địa lý tự nhiên. Nâng cao năng lực dạy học Địa lý.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Kết thúc học phần người học phải nắm vững vận dụng được những kiến thức cơ bản về phân vùng địa lý tự nhiên, cảnh quan học trong nghiên cứu và giảng dạy; có kỹ năng tự nghiên cứu các vấn đề về Địa lý tự nhiên; có kỹ năng sử dụng và biên tập bản đồ cảnh quan phục vụ cho nghiên cứu và giảng dạy.

5. Nội dung học phần

Chương 1. TÍNH HOÀN CHỈNH VÀ SỰ PHÂN HÓA KHÔNG GIAN ĐỊA LÝ

1.1. Tính hoàn chỉnh của các hệ thống không gian địa lý

1.2. Các quy luật phân hóa không gian địa lý

Chương 2. LỊCH SỬ CẢNH QUAN HỌC VÀ HỌC THUYẾT VỀ CẢNH QUAN

2.1. Lịch sử cảnh quan học

2.1.1. Đối tượng và nội dung của cảnh quan học

2.1.2. Sự ra đời của học thuyết cảnh quan

2.1.3. Sự phát triển cảnh quan học tại Liên Xô

2.1.4. Sự phát triển cảnh quan học ở Tây Âu

2.2. Học thuyết về cảnh quan

2.2.1. Các quan niệm về cảnh quan

2.2.2. Thành phần và cấu trúc của cảnh quan

2.2.3. Các loại cảnh quan

2.2.4. Hệ thống phân loại cảnh quan

2.2.5. Bản đồ cảnh quan

2.3. Sinh thái cảnh quan

Chương 3. PHÂN VÙNG ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN

3.1. Bản chất của phân vùng địa lý tự nhiên

3.2. Nguyên tắc phân vùng địa lý tự nhiên

3.3. Các đơn vị cơ bản trong phân vùng địa lý tự nhiên

3.4. Phương pháp phân vùng địa lý tự nhiên

6. Số tiết phân bổ:

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
Chương 1	6	8	30
Chương 2	6	8	30
Chương 3	6	8	30
Tổng cộng:	18	24	90

7. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

9. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

10. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

11. Phương pháp đánh giá môn học

- 1 điểm chuyên cần n_1 : x 0,2

- 1 điểm tiểu luận hoặc điểm giữa kỳ n_2 : x 0,3

- 1 điểm bài thi cuối học phần n_3 : x 0,5

Điểm học phần: $(n_1 \times 0,2) + (n_2 \times 0,3) + (n_3 \times 0,5)$

12. Tài liệu tham khảo

a. Giáo trình chính:

[1]. Phạm Hoàng Hải, Nguyễn Thượng Hùng, Nguyễn Ngọc Khánh (1997), *Cơ sở cảnh quan học của việc sử dụng hợp lý nguồn TNTN, bảo vệ môi trường lãnh thổ Việt Nam*.NXB Giáo dục.

[2]. Nguyễn Cao Huân, *Đánh giá cảnh quan (theo hướng tiếp cận kinh tế sinh thái)*.NXB ĐHQGHN, 2005.

[3]. Isachenko, A.G. (1985),*Cảnh quan học ứng dụng*.NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

b. Tài liệu tham khảo:

[4]. Vũ Tự Lập. *Sự phát triển của khoa học địa lý trong thế kỉ XX*. NXBGD, Hà nội 2004

[5]. Kalexlik. *Những quy luật địa lý chung của Trái Đất*. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1973.

[6]. Isachenko, A.G. *Cơ sở cảnh quan học và phân vùng địa lý tự nhiên*. NXBKH&KT, Hà Nội 1969

2.14. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐỊA LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI

Tên môn học: Một số vấn đề địa lý kinh tế - xã hội thế giới

(Some main points of global socio-economic geography)

Mã môn học: ĐLH114

Số tín chỉ: 02 (1,2; 0,8)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Địa lý Kinh tế - xã hội & PPDHDL, Khoa Khoa học xã hội- Trường Đại học Hồng Đức.

1. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 18 tiết
- Thảo luận: 24 tiết
- Tự học: 90 tiết

2. Mô tả học phần:

Môn học này được thiết kế thành 02 chương, trình bày khái quát nền kinh tế thế giới trong bối cảnh quốc tế mới và một số nền kinh tế điển hình hiện nay.

3. Mục tiêu:

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cập nhật về sự thay đổi của bối cảnh quốc và khu vực; Những xu hướng mới trong phát triển của nền kinh tế thế giới, các vấn đề được đặt ra cần giải quyết mang tính toàn cầu; Những kinh nghiệm hoặc vấn đề đặt ra trong phát triển kinh tế của một số nước/khu vực điển hình.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Kết thúc học phần người học phải có được những kiến thức cập nhật về sự thay đổi của bối cảnh quốc và khu vực. Những xu hướng mới trong phát triển của nền kinh tế thế giới, các vấn đề được đặt ra cần giải quyết mang tính toàn cầu. Vận dụng những kinh nghiệm hoặc vấn đề đặt ra trong phát triển kinh tế của một số nước/khu vực điển hình vào thực tiễn Việt Nam.

5. Nội dung môn học:

CHƯƠNG 1. NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI TRONG BỐI CẢNH QUỐC TẾ MỚI

1.1. Sự thay đổi của nền kinh tế thế giới từ thập niên 90 của thế kỷ 20 đến nay.

1.1.1. Hoàn cảnh tác động

1.1.2. Bản đồ chính trị thế giới

1.1.3. Các tổ chức kinh tế khu vực

1.2. Một số xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới hiện nay

1.2.1. Khu vực hóa, toàn cầu hóa

1.2.2. Sự phát triển của KHKT và nền kinh tế tri thức

1.2.3. Cải tổ và đổi mới nền kinh tế thế giới

1.2.4. Tiến ra biển

1.3. Những vấn đề mang tính toàn cầu

- 1.3.1. Dân số và những vấn đề liên quan
- 1.3.2. Vấn đề lương thực - thực phẩm
- 1.3.3. Vấn đề năng lượng
- 1.3.4. Vấn đề chênh lệch trình độ phát triển
- 1.3.5. Vấn đề ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu
- 1.3.6. Các vấn đề khác: an ninh, chính trị...

CHƯƠNG 2. MỘT SỐ NỀN KINH TẾ VÀ CÁC TỔ CHỨC HỢP TÁC KINH TẾ ĐIỂN HÌNH

2.1. Trung Quốc

- 2.1.1. Nguồn lực và thực trạng phát triển
- 2.1.2. Quan điểm phát triển
- 2.1.3. Các chính sách và mô hình phát triển KT - XH
- 2.1.4. Bài học kinh nghiệm trong phát triển

2.2. Khu vực Đông Nam Á

- 2.2.1. Đẩy mạnh liên kết khu vực
- 2.2.2. Phát triển mô hình cộng đồng kinh tế ASEAN
- 2.2.3. Chiến lược phát triển
- 2.2.4. Giải quyết những vấn đề tồn tại trong khu vực

2.3. Một số trung tâm kinh tế nổi bật

- 2.3.1. Bắc Mỹ
- 2.3.2. Châu Âu
- 2.3.3. Nhật Bản
- 2.3.4. Nhóm BRIC (Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc)

2.4. Một số tổ chức hợp tác kinh tế thương mại trên thế giới

- 2.4.1. Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC)
- 2.4.2. Tổ chức thương mại thế giới (WTO)
- 2.4.3. Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF)
- 2.4.4. Hiệp hội mậu dịch tự do châu Âu (EFTA)
- 2.4.5. Hiệp định thương mại tự do Nam Mỹ (Mercosur)

6. Phân bổ số tiết môn học:

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
Chương 1	9	12	44
Chương 2	9	12	46
Tổng	18	24	90

7. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

9. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

10. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

11. Phương pháp đánh giá môn học

- 1 điểm chuyên cần n_1 : x 0,2
- 1 điểm tiểu luận hoặc điểm giữa kỳ n_2 : x 0,3
- 1 điểm bài thi cuối học phần n_3 : x 0,5

Điểm học phần: $(n_1 \times 0,2) + (n_2 \times 0,3) + (n_3 \times 0,5)$

12. Tài liệu tham khảo

a. Giáo trình chính:

- [1]. Nguyễn Kim Bảo, *Đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Trung Quốc từ 1979 đến nay*, NXB Khoa học xã hội, 2000
- [2]. Ngô Văn Điềm, *Toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.
- [3]. Dương Phú Hiệp, *Triển vọng kinh tế Nhật Bản trong thập niên đầu thế kỷ XXI*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội – 2001

b. Tài liệu tham khảo:

- [4]. Nguyễn Vũ Hoàng, *Các liên kết kinh tế thương mại quốc tế*, NXB Thanh niên, 2003.
- [5]. Lê Bộ Lĩnh, *Vòng đàm phán DoHa – nội dung, tiến triển và những vấn đề đặt ra cho các nước đang phát triển*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội – 2006.
- [6]. Nguyễn Quán, *217 Quốc gia và lãnh thổ trên thế giới*, NXB Thống kê, Hà Nội – 2003.
- [7]. Tổng cục thống kê, *Niên giám thống kê* (các năm). NXB Thống kê.
- [8]. Viện Kinh tế thế giới, *Tạp chí những vấn đề kinh tế thế giới*. Viện kinh tế thế giới. TTKHXH & NV Quốc gia.
- [9]. R. Knowles J. Wareing , 1981 , Economic and Social Geography, 330 pages
- [10]. Leyshon, A., Lee, R., McDowell, L and Sunley, P. (eds) (2011) The Sage Handbook of Economic Geography, London: Sage.

2.15. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐỊA LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM

Tên học phần: Một số vấn đề địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam

(Some main points of Vietnam socio-economic geography)

Mã học phần: ĐLH115

Số tín chỉ: 03 (1,8; 1,2)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Địa lý Kinh tế - xã hội & PPDHĐL, Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức.

1. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 27 tiết
- Thảo luận: 36 tiết
- Tự học: 135 tiết

2. Mô tả học phần:

Học phần được thiết kế 2 chương với nội dung khái quát về tăng trưởng và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Việt Nam theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phân tích một số vấn đề kinh tế - xã hội của Việt Nam trong bối cảnh mới.

3. Mục tiêu:

* *Về kiến thức*

Trang bị cho học viên những kiến thức cập nhật về các vấn đề cần đặt ra trong việc phát triển kinh tế - xã hội thúc đẩy tiến trình hội nhập: tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, các vấn đề đặt ra trong phát triển các ngành kinh tế và những khía cạnh xã hội nổi cộm của Việt Nam trong bối cảnh mới.

* *Về kỹ năng*

- Nâng cao kỹ năng thu thập, xử lý thông tin sơ cấp và thứ cấp về các vấn đề kinh tế - xã hội của Việt Nam.
- Nâng cao khả năng nghiên cứu, tự tìm tòi các vấn đề, thảo luận, tranh luận, viết báo cáo và thuyết trình những vấn đề mới về chuyên đề.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Kết thúc học phần người học phải có được: kiến thức cập nhật về các vấn đề cần đặt ra trong việc phát triển kinh tế - xã hội thúc đẩy tiến trình hội nhập: tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, các vấn đề đặt ra trong phát triển các ngành kinh tế và những khía cạnh xã hội nổi cộm của Việt Nam trong bối cảnh mới;

Có kỹ năng thu thập, xử lý thông tin sơ cấp và thứ cấp về các vấn đề kinh tế - xã hội của Việt Nam;

Có năng lực nghiên cứu, tự tìm tòi các vấn đề, thảo luận, tranh luận, viết báo cáo và thuyết trình những vấn đề mới về chuyên đề.

5. Nội dung học phần:

CHƯƠNG 1. TĂNG TRƯỞNG VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NỀN KINH TẾ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA CỦA VIỆT NAM

1.1. Tăng trưởng kinh tế

1.1.1. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam với khu vực và thế giới

1.1.2. Chất lượng tăng trưởng

1.1.3. Những vấn đề đặt ra với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam

1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

1.2.1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành

1.2.2. Chuyển dịch cơ cấu theo thành phần

1.2.3. Chuyển dịch cơ cấu theo lãnh thổ

1.3. Các xu hướng phát triển kinh tế của thế giới tác động đến tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Việt Nam

1.3.1. Khu vực hóa, toàn cầu hóa

1.3.2. Sự phát triển của khoa học kỹ thuật và nền kinh tế tri thức

1.3.3. Cải tổ và đổi mới nền kinh tế thế giới

1.3.4. Xu hướng tiến ra biển

CHƯƠNG 2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

2.1. Một số vấn đề phát triển kinh tế trong bối cảnh mới

2.1.1. Vấn đề phát triển của công nghiệp

2.1.2. Vấn đề phát triển của nông nghiệp

2.1.3. Vấn đề phát triển đầu tư nước ngoài và ngoại thương

2.2. Một số vấn đề xã hội

2.2.1. Dân số, lao động, việc làm

2.2.2. Thu nhập và chất lượng cuộc sống

2.2.3. Phân hóa giàu nghèo

2.2.4. Xu hướng và các giải pháp đặt ra

2.3. Một số vấn đề về môi trường và biến đổi khí hậu

2.3.1. Ô nhiễm môi trường

2.3.2. Biến đổi khí hậu

6. Phân bổ số tiết môn học:

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
Chương 1	13	18	60
Chương 2	14	18	75
Tổng	27	36	135

7. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

9. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

10. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

11. Phương pháp đánh giá môn học

- 1 điểm chuyên cần n_1 : x 0,2
- 1 điểm tiểu luận hoặc điểm giữa kỳ n_2 : x 0,3
- 1 điểm bài thi cuối học phần n_3 : x 0,5

Điểm học phần: $(n_1 \times 0,2) + (n_2 \times 0,3) + (n_3 \times 0,5)$

12. Tài liệu tham khảo

a. Giáo trình chính:

- [1]. Đỗ Thị Minh Đức (chủ biên), Nguyễn Việt Thịnh, Vũ Như Vân, *Giáo trình địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam* (tập 2). NXB Đại học sư phạm, năm 2007.
- [2]. Ngô Văn Điểm, *Toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.
- [3]. Nguyễn Việt Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức, *Giáo trình Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam* (tập 1). NXB Giáo dục, năm 2005
- [4]. Lê Thông (chủ biên), Nguyễn Văn Phú, Nguyễn Minh Tuệ, *Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam*. NXB Giáo dục, Hà Nội - 2011.

b. Tài liệu tham khảo:

- [5]. Lê Thông (Chủ biên), *Việt Nam - đất nước, con người*, NXB Giáo dục, 2011.
- [6]. Lê Thông, Nguyễn Quý Thao (đồng chủ biên), *Việt Nam các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm*, NXB Giáo dục, 2011.
- [7]. Nguyễn Văn Thường (chủ biên), *Một số vấn đề kinh tế - xã hội Việt Nam thời kỳ đổi mới*. NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, năm 2004.
- [8]. Tổng cục thống kê, Vụ thống kê tổng hợp, *Tư liệu kinh tế - xã hội 63 tỉnh, thành phố Việt Nam*. NXB Thống kê, năm 2009.
- [9]. Coe, N. and Jones, A., (eds) (2010) *The Economic Geography of the UK*, London: Sage

2.16. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỊA LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI

Tên môn học: Phương pháp nghiên cứu địa lý kinh tế - xã hội
(Research methods in social-economic geography)

Mã số môn học: ĐLH116

Số tín chỉ: 03 (1,8; 1,2)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Địa lý kinh tế- xã hội và Phương pháp giảng dạy Địa lí,
Trường Đại học Hồng Đức.

1. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 27 tiết
- Thảo luận, thực hành: 36 tiết
- Tự học: 135 tiết

2. Mô tả môn học

Học phần được kết cấu thành 03 chương, trình bày khái quát về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu địa lý kinh tế - xã hội; Phương pháp điều tra xã hội học; Ứng dụng SPSS trong nghiên cứu và xử lý số liệu địa lý kinh tế - xã hội.

3. Mục tiêu

Chuyên đề này nhằm nâng cao, cập nhật cho học viên những kiến thức và những kỹ năng thực hành về các phương pháp nghiên cứu của địa lý kinh tế - xã hội. Đặc biệt, chuyên đề này tăng cường sử dụng hiểu biết và kỹ năng của học viên trong ứng dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Kết thúc học phần người học phải có được những kiến thức và những kỹ năng thực hành về các phương pháp nghiên cứu của địa lý kinh tế - xã hội; có kỹ năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng.

Có năng lực sử dụng thành thạo một số phương pháp nghiên cứu địa lý kinh tế-xã hội đặc thù (điều tra xã hội học, ứng dụng SPSS...) để thu thập tài liệu, xử lý số liệu trong các đề tài nghiên cứu khoa học địa lý kinh tế-xã hội.

5. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ NHẬP MÔN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỊA LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI

- 1.1. Phương pháp luận hay cách tiếp cận trong nghiên cứu.
- 1.2. Việc tìm kiếm và lựa chọn chủ đề nghiên cứu.
- 1.3. Thông tin sơ cấp.
- 1.4. Thông tin thứ cấp.
- 1.5. Một số phương pháp nghiên cứu địa lý KT - XH.

Tài liệu: Nguyễn Việt Thịnh và Đỗ Thị Minh Đức. *Tập bài giảng và bài tập thực hành về phương pháp nghiên cứu địa lý kinh tế - xã hội.*

CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

- 2.1. Điều tra xã hội học cho các mục đích nghiên cứu địa lý kinh tế - xã hội.
- 2.2. Thiết kế phiếu điều tra. Chọn mẫu. Kỹ thuật phỏng vấn và quan sát. Chính lý phiếu điều tra và giám sát điều tra.
- 2.3. Điều tra nhanh nông thôn (RRA) và nghiên cứu tham dự (PRA) ứng dụng trong nghiên cứu địa lý kinh tế - xã hội.

CHƯƠNG 3. ỨNG DỤNG SPSS TRONG NGHIÊN CỨU VÀ XỬ LÝ SỐ LIỆU ĐỊA LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI

- 3.1. Giới thiệu chung về phần mềm SPSS for Windows.
- 3.2. Làm việc với các biến:
- 3.3. Một số thủ tục thống kê mô tả trong SPSS
- 3.4. Sử dụng kết hợp SPSS với Excel và MapInfo trong phân tích thống kê và phân tích không gian
- 3.5. Phân tích tương quan
- 3.6. Phân tích hồi quy
- 3.7. Phân tích cụm có thứ bậc, ứng dụng trong phân kiểu địa lý

6. Phân bổ số tiết học phần

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
Chương 1	9	6	40
Chương 2	9	10	40
Chương 3	9	20	55
Tổng cộng:	27	36	135

7. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

9. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

10. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

11. Phương pháp đánh giá môn học

- 1 điểm chuyên cần n_1 : x 0,2
- 1 điểm tiểu luận hoặc điểm giữa kỳ n_2 : x 0,3
- 1 điểm bài thi cuối học phần n_3 : x 0,5

Điểm học phần: $(n_1 \times 0,2) + (n_2 \times 0,3) + (n_3 \times 0,5)$

12. Tài liệu tham khảo

a. Giáo trình chính:

- [1]. Nguyễn Việt Thịnh và Đỗ Thị Minh Đức. *Tập bài giảng và bài tập thực hành về phương pháp nghiên cứu địa lý kinh tế - xã hội*.
- [2]. Nguyễn Việt Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức, Phạm Kim Chung, Nguyễn Tường Huy. *Windows, MS Office, Internet ứng dụng trong nghiên cứu và giảng dạy Địa lý*. NXB ĐHSP, Hà Nội, 2010 (tái bản có sửa chữa và bổ sung).
- [3]. Nguyễn Văn Liệu, Nguyễn Đình Cử, Nguyễn Quốc Anh. *SPSS 8.0 và 9.0- Ứng dụng phân tích dữ liệu trong quản trị kinh doanh và khoa học tự nhiên - xã hội*. NXB Giao thông vận tải, 2000.

b. Tài liệu tham khảo:

- [4]. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc. *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. NXB Thống kê, 2005.
- [5]. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. *Giáo trình "Hướng dẫn sử dụng phần mềm MapInfo"*. Trung tâm Địa lý ứng dụng, Hà Nội - 2010.
- [6]. Leyshon, A., Lee, R., McDowell, L and Sunley, P. (eds) (2011) *The Sage Handbook of Economic Geography*, London: Sage

2.17. TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP

Tên môn học: Tổ chức lãnh thổ công nghiệp
(Territorial Organisation of Industry)

Mã số môn học: ĐLH117

Số tín chỉ: 03 (1,8; 1,2)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Địa lí Kinh tế - xã hội và PPDH Địa lí, Khoa KHXH, Trường Đại học Hồng Đức.

1. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 27 tiết
- Thảo luận, bài tập: 36 tiết
- Tự học: 135 tiết

2. Mô tả môn học

Học phần trình bày khái quát về công nghiệp và công nghiệp hoá, cơ cấu ngành công nghiệp trên thế giới và ở Việt Nam; Các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp trên thế giới và Việt Nam.

3. Mục tiêu

Trang bị cho người học hệ thống kiến thức hiện đại, cập nhật về vấn đề lý luận và thực tiễn của tổ chức lãnh thổ công nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Kết thúc học phần người học có được hệ thống kiến thức hiện đại, cập nhật về vấn đề lý luận và thực tiễn của tổ chức lãnh thổ công nghiệp.

Có năng lực sử dụng kiến thức về tổ chức lãnh thổ công nghiệp trong dạy học và nghiên cứu.

5. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ CÔNG NGHIỆP

- 1.1. Công nghiệp
- 1.2. Công nghiệp hoá
- 1.3. Cơ cấu ngành công nghiệp

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP

- 2.1. Tổ chức lãnh thổ kinh tế
- 2.2. TCLT công nghiệp

CHƯƠNG 3: TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

- 3.1. Tổ chức không gian công nghiệp Việt Nam theo thời gian
- 3.2. Các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở Việt Nam
- 3.3. Các khu công nghiệp tập trung và các vùng công nghiệp ở Việt Nam
- 3.4. Công nghiệp nông thôn Việt Nam

6. Phân bổ số tiết học phần

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Tự học
Chương 1	9	12	45
Chương 2	9	12	45
Chương 3	9	12	45
Tổng cộng:	27	36	135

7. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

9. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

10. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

11. Phương pháp đánh giá môn học

- 1 điểm chuyên cần n_1 : x 0,2
- 1 điểm tiểu luận hoặc điểm giữa kỳ n_2 : x 0,3
- 1 điểm bài thi cuối học phần n_3 : x 0,5

Điểm học phần: $(n_1 \times 0,2) + (n_2 \times 0,3) + (n_3 \times 0,5)$

12. Tài liệu tham khảo

a. Giáo trình chính:

- [1]. Nguyễn Minh Tuệ. Bài giảng: "*Tổ chức lãnh thổ công nghiệp*" dành cho cao học.
- [2]. Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ. "*Tổ chức lãnh thổ công nghiệp Việt Nam*". NXB Giáo dục, H 2000.- Viện nghiên cứu Chiến lược, chính sách công nghiệp. Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam. Hà nội, năm 2006.

b. Tài liệu tham khảo:

- [3]. Nguyễn Minh Tuệ. "*Một số vấn đề về Địa lý công nghiệp*". Vụ Giáo viên, 1995.
- [4]. Lê Thông (chủ biên). "*Địa lý các ngành công nghiệp trọng điểm ở Việt Nam*". NXB Giáo dục, H 2008.
- [5]. Nguyễn Văn Phúc. "*Công nghiệp nông thôn Việt Nam. Thực trạng và giải pháp phát triển*". NXB Chính trị Quốc gia, H 2004.

2.18. TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG NGHIỆP

Tên học phần: Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp

(Territorial Organisation of agriculture).

Mã số học phần: ĐLH118

Số tín chỉ: 03 (1,8; 1,2)

Bộ môn phụ trách:: Bộ môn Địa lí Kinh tế - xã hội và PPDH Địa lí, Khoa KHXH, Trường Đại học Hồng Đức.

1. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 27 tiết
- Xemina, bài tập: 36 tiết
- Tự học: 135 tiết

2. Mô tả tóm tắt học phần:

Cung cấp kiến thức về: Nông nghiệp, nông thôn và kinh tế nông thôn; Tổ chức lãnh thổ sản xuất (TCLTSX); Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp (TCLTNN); Một số hình thức TCLTNN trên thế giới; Nông nghiệp và các hình thức TCLTNN ở Việt Nam

3. Mục tiêu học phần

- *Mục tiêu kiến thức:* Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về những vấn đề nông nghiệp, nông thôn, về tổ chức lãnh thổ sản xuất nói chung, tổ chức lãnh thổ nông nghiệp (TCLTNN), các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp chủ yếu trên thế giới. Trong đó, lưu ý đến tổ chức lãnh thổ nông nghiệp Việt Nam.

- *Mục tiêu kỹ năng:* Học viên có kỹ năng thu thập, tổng hợp tài liệu, phân tích, khái quát hoá kiến thức, viết và trình bày một vấn đề hoặc một khía cạnh của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp (về Lý luận hay thực tiễn trên thế giới, ở Việt Nam).

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Kết thúc học phần người học có được những kiến thức cơ bản về những vấn đề nông nghiệp, nông thôn, về tổ chức lãnh thổ sản xuất nói chung, tổ chức lãnh thổ nông nghiệp (TCLTNN), các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp chủ yếu trên thế giới. Trong đó, lưu ý đến tổ chức lãnh thổ nông nghiệp Việt Nam;

Có kỹ năng thu thập, tổng hợp tài liệu, phân tích, khái quát hoá kiến thức, viết và trình bày một vấn đề hoặc một khía cạnh của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp (về Lý luận hay thực tiễn trên thế giới, ở Việt Nam).

5. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1. CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NÔNG NGHIỆP VÀ KINH TẾ NÔNG THÔN

1.1. Nông nghiệp trong hệ thống nền kinh tế quốc dân

1.2. Đặc điểm nông nghiệp và nông thôn

1.3. Các nguồn lực trong phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn

1.4. Xu hướng phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn

CHƯƠNG 2. QUAN NIỆM VỀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ SẢN XUẤT (TCLTSX) VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG NGHIỆP (TCLTNN)

2.1. Quan niệm về TCLTSX

2.2. Quan niệm về TCLT NN

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ HÌNH THỨC TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG NGHIỆP TRÊN THẾ GIỚI

3.1. Xí nghiệp nông nghiệp

3.2. Thẻ tổng hợp nông nghiệp

3.3. Vùng nông nghiệp

3.4. Băng chuyên địa lý trong nông nghiệp

3.5. Liên kết nông - công nghiệp

3.6. Khu nông nghiệp công nghệ cao

3.7. Vành đai nông nghiệp

CHƯƠNG 4. NÔNG NGHIỆP VÀ CÁC HÌNH THỨC TCLTNN Ở VIỆT NAM

4.1. Thực trạng nền nông nghiệp Việt nam qua các giai đoạn phát triển kinh tế của đất nước, sự hình thành và thay đổi các TCLTNN

4.1.1. Thực trạng nông nghiệp Việt nam qua các giai đoạn phát triển

4.1.2. Sự hình thành và thay đổi các hình thức TCLTNN

4.2. Các hình thức TCLTNN ở VN

4.2.1. Hộ gia đình

4.2.2. Các HTX nông nghiệp

4.2.3. Trang trại

4.2.4. Các vùng nông nghiệp Việt Nam

- Phạm vi lãnh thổ

- Các thế mạnh để phát triển nông nghiệp của mỗi vùng

- Các đặc trưng xuất nông nghiệp của mỗi vùng

6. Số tiết phân bổ:

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
Chương 1	6	9	33
Chương 2	6	9	33
Chương 3	7	9	34
Chương 4	8	9	35
Tổng cộng:	27	36	135

7. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

9. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

10. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

11. Phương pháp đánh giá môn học

- 1 điểm chuyên cần n_1 : x 0,2
- 1 điểm tiểu luận hoặc điểm giữa kỳ n_2 : x 0,3
- 1 điểm bài thi cuối học phần n_3 : x 0,5

Điểm học phần: $(n_1 \times 0,2) + (n_2 \times 0,3) + (n_3 \times 0,5)$

12. Tài liệu tham khảo

a. Giáo trình chính:

1. PGS. TS. Đặng Văn Phan, *Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp Việt Nam*. NXB Giáo dục, 2008.
2. Đặng Kim Sơn, *Nông nghiệp nông thôn Việt Nam - 20 năm đổi mới và phát triển*. NXB CTQG, Hà Nội, 2006.

b. Tài liệu tham khảo:

3. Lê Thông. *Nhập môn địa lý nhân văn*. NXB Giáo dục, 1996.
4. Lê Thông. *Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp trên thế giới*. NXB Giáo dục, 1996.
5. F. Amador, G. Rul-lan, L. Estipa ; Dịch: Nguyễn Thị Minh Hiền, Nguyễn Mậu Dũng, *Những vấn đề lý luận cơ bản về phát triển nông thôn theo vùng*. Nxb CTQG, Hà Nội, 2004.
6. M. V. K. Sivakumar and C. Valentin, 1997, Agroecological zones and the assessment of crop production potential
Philos Trans R Soc Lond B Biol Sci. Jul 29; 352(1356): 907–916.

2.19. TỔ CHỨC LÃNH THỔ DỊCH VỤ

Tên học phần: Tổ chức lãnh thổ dịch vụ
(Territorial Organisation of Services)

Mã môn học: ĐLH119

Số tín chỉ: 02 (1,2; 0,8)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Địa lý Kinh tế - Xã hội & PPDHĐL,
Khoa khoa học xã hội, Trường Đại học Hồng Đức.

1. Phân bổ thời gian

- Lý thuyết: 18 tiết
- Thảo luận: 24 tiết
- Tự học: 90 tiết

2. Mô tả học phần

Học phần được thiết kế gồm 4 chương, cung cấp cho người học các kiến thức hiện đại, cập nhật về tổ chức lãnh thổ dịch vụ: quan niệm, các hình thức tổ chức lãnh thổ dịch vụ chủ yếu; các nhân tố ảnh hưởng; bộ chỉ tiêu đánh giá và thực tiễn tổ chức lãnh thổ dịch vụ trên thế giới và Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần

- *Mục tiêu kiến thức:* Trang bị cho người học hệ thống kiến thức hiện đại, cập nhật về tổ chức lãnh thổ dịch vụ, các hình thức tổ chức lãnh thổ các ngành (hoạt động) dịch vụ chính (như giao thông vận tải, thương mại, du lịch...) trên thế giới và ở Việt Nam.

- *Mục tiêu kỹ năng:* Biết cách vận dụng và phân tích các hình thức tổ chức lãnh thổ đã học ở Việt Nam.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Kết thúc học phần người học có được hệ thống kiến thức hiện đại, cập nhật về tổ chức lãnh thổ dịch vụ, các hình thức tổ chức lãnh thổ các ngành (hoạt động) dịch vụ chính (như giao thông vận tải, thương mại, du lịch...) trên thế giới và ở Việt Nam; Biết cách vận dụng và phân tích các hình thức tổ chức lãnh thổ đã học ở Việt Nam trong dạy học và nghiên cứu.

5. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ NGÀNH DỊCH VỤ

1.1. Khái niệm

1.2. Cơ cấu ngành dịch vụ

1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc phát triển ngành dịch vụ

CHƯƠNG 2. TỔ CHỨC LÃNH THỔ NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI

2.1. Quan niệm

2.2. Các nhân tố tác động

2.3. Các hình thức thể hiện

2.4. Thực tiễn TCLT ngành GTVT trên thế giới và ở Việt Nam

CHƯƠNG 3. TỔ CHỨC LÃNH THỔ NGÀNH THƯƠNG MẠI

3.1. Quan niệm

3.2. Các nhân tố tác động

3.3. Các hình thức thể hiện

3.4. Thực tiễn TCLT ngành thương mại trên thế giới và ở Việt Nam

CHƯƠNG 4. TỔ CHỨC LÃNH THỔ NGÀNH DU LỊCH

4.1. Quan niệm

4.2. Các nhân tố tác động

4.3. Các hình thức thể hiện

4.4. Thực tiễn TCLT ngành du lịch trên thế giới và ở Việt Nam

6. Số tiết phân bổ

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
Chương 1	4	6	15
Chương 2	4	6	25
Chương 3	5	6	25
Chương 4	5	6	25
Tổng cộng	18	24	90

7. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

9. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

10. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

11. Phương pháp đánh giá môn học

- 1 điểm chuyên cần n_1 : x 0,2
- 1 điểm tiểu luận hoặc điểm giữa kỳ n_2 : x 0,3
- 1 điểm bài thi cuối học phần n_3 : x 0,5

Điểm học phần: $(n_1 \times 0,2) + (n_2 \times 0,3) + (n_3 \times 0,5)$

12. Tài liệu tham khảo

a. Giáo trình chính:

- [1]. Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên - 2010), *Địa lý du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục.
- [2]. Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên), Nguyễn Viết Thịnh, Lê Thông (2005), *Địa lý KT - XH đại cương*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [3]. Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ (đồng chủ biên - 2011), *Địa lý Giao thông vận tải*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [4]. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (đồng chủ biên - 2011), *Địa lý thương mại và du lịch*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (đồng chủ biên - 2012), *Địa lý nông lâm thủy sản Việt Nam*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

b. Tài liệu tham khảo:

- [6]. Bộ Kế hoạch và đầu tư - Viện chiến lược và phát triển (2007), *TCLTKT- xã hội Việt Nam – Nghệ thuật đảm bảo đất nước phát triển thành công trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội.
- [7]. Ronald Abler, John S. Adams, Peter Gould, 1971, *Spatial organization*, Prentice-Hall

2.20. TỔ CHỨC LÃNH THỔ KINH TẾ

Tên học phần: Tổ chức lãnh thổ kinh tế

(Territorial organization of economic)

Mã môn học: ĐLH120

Số tín chỉ: 02 (1,2; 0,8)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Địa lý Kinh tế - xã hội và PPDHĐL, Khoa Khoa học xã hội, Trường Đại học Hồng Đức.

1. Phân bổ thời gian

- Lý thuyết: 18 tiết
- Thảo luận: 24 tiết
- Tự học: 90 tiết

2. Mô tả học phần

Học phần có cấu trúc 4 chương, cung cấp cho người học các kiến thức hiện đại, cập nhật về tổ chức lãnh thổ kinh tế (TCLTKT): các lý thuyết liên quan, quan niệm, đối tượng, nhiệm vụ, nội dung nghiên cứu; các hình thức tổ chức; các nhân tố ảnh hưởng; bộ chỉ tiêu đánh giá và thực tiễn TCLTKT trên thế giới và Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần

- *Mục tiêu kiến thức:* Trang bị cho người học những vấn đề lý luận và thực tiễn về tổ chức lãnh thổ kinh tế.

- *Mục tiêu kỹ năng:* Biết vận dụng lý luận vào thực tiễn để đánh giá về một vấn đề cụ thể của tổ chức lãnh thổ kinh tế.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Kết thúc học phần người học có được những kiến thức về vấn đề lý luận và thực tiễn về tổ chức lãnh thổ kinh tế; biết vận dụng lý luận vào thực tiễn để đánh giá về một vấn đề cụ thể của tổ chức lãnh thổ kinh tế.

5. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KINH TẾ

- 1.1. Các lý thuyết liên quan đến TCLTKT
- 1.2. Quan niệm
- 1.3. Đối tượng
- 1.4. Nội dung và nhiệm vụ nghiên cứu
- 1.5. Các hình thức TCLTKT

CHƯƠNG 2. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TCLTKT -XH

- 2.1. Vị trí địa lý
- 2.2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên
- 2.3. Các nhân tố kinh tế – xã hội

CHƯƠNG 3. CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ TCLTKT

3.1. Các chỉ tiêu đánh giá TCLTKT

3.1.1. Các chỉ tiêu đánh giá phát triển kinh tế chung

3.1.2. Các chỉ tiêu đánh giá TCLTKT theo ngành

3.1.3. Các chỉ tiêu đánh giá TCLTKT theo không gian

CHƯƠNG 4. TỔ CHỨC LÃNH THỔ KINH TẾ TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

4.1. TCLTKT ở một số quốc gia trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

4.2. TCLTKT ở Việt Nam

TCLTKT ở vùng Bắc Trung Bộ

6. Số tiết phân bổ

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
Chương 1	4	6	20
Chương 2	4	6	20
Chương 3	5	6	25
Chương 4	5	6	25
Tổng cộng	18	24	90

7. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

9. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

10. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

11. Phương pháp đánh giá môn học

- 1 điểm chuyên cần n_1 : x 0,2

- 1 điểm tiểu luận hoặc điểm giữa kỳ n_2 : x 0,3

- 1 điểm bài thi cuối học phần n_3 : x 0,5

Điểm học phần: $(n_1 \times 0,2) + (n_2 \times 0,3) + (n_3 \times 0,5)$

12. Tài liệu tham khảo

a. Giáo trình chính:

[1]. Bộ Kế hoạch và đầu tư - Viện chiến lược và phát triển (2007), *TCLTKT - XH Việt*

Nam – Nghệ thuật đảm bảo đất nước phát triển thành công trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Kỹ yếu hội thảo khoa học, Hà Nội.

- [2]. Bộ Kế hoạch và đầu tư (2012), *Kỹ yếu 20 năm xây dựng và phát triển KCN, KCX, KKT ở Việt Nam*, Hà Nội.
- [3]. Bộ KH - CN và môi trường (1996), *Cơ sở khoa học của tổ chức lãnh thổ Việt Nam*, Đề tài độc lập và trọng điểm cấp Nhà nước (Chủ nhiệm đề tài: Lê Bá Thảo).

b. Tài liệu tham khảo:

- [4]. Nguyễn Thị Trang Thanh (2012), *Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp Nghệ An*, Luận án Tiến sĩ Địa lý học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Việt Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức (2001, 2009), *Địa lý kinh tế – xã hội Việt Nam (tập 1,2)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [6]. Lê Thông (chủ biên - 2011), *Địa lý kinh tế – xã hội Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội (tái bản lần thứ 5).
- [7]. Lê Thông, Nguyễn Quý Thao (đồng chủ biên - 2012), *Việt Nam: các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm*, NXB Giáo dục.
- [8]. Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên - 2010), *Địa lý du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục.
- [9]. Economic zone in the Asean, 2015, United Nation

2.21. QUY HOẠCH VÙNG

Tên học phần: Quy hoạch vùng (Regional Planning)

Mã số học phần: ĐLH 121

Số tín chỉ: 02 (1,2; 0,8)

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Địa lí Kinh tế - xã hội và PPDH Địa lí, Khoa KHXH, Trường Đại học Hồng Đức.

1. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 18 tiết
- Xemina, bài tập: 24 tiết
- Tự học: 90 tiết

2. Mô tả tóm tắt học phần: Cơ sở lí luận và phương pháp luận quy hoạch vùng, các phương pháp phân vùng, nội dung, trình tự và các phương pháp lập quy hoạch vùng, các nhiệm vụ của quy hoạch phát triển vùng, quản lí và thực hiện quy hoạch phát triển vùng ở Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần

- *Mục tiêu kiến thức:* Cung cấp cho học viên hệ thống kiến thức về quy hoạch vùng (cơ sở lí luận và phương pháp luận quy hoạch vùng, các phương pháp phân vùng, nội dung, trình tự và các phương pháp lập quy hoạch vùng, các nhiệm vụ của quy hoạch phát triển vùng, quản lí và thực hiện quy hoạch phát triển vùng ở Việt Nam). Trang bị hệ thống kiến thức hiện đại, cập nhật, Việt Nam.

- *Mục tiêu kĩ năng:* Biết cách vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn của nước ta.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Kết thúc học phần người học có được hệ thống kiến thức về quy hoạch vùng (cơ sở lí luận và phương pháp luận quy hoạch vùng, các phương pháp phân vùng, nội dung, trình tự và các phương pháp lập quy hoạch vùng, các nhiệm vụ của quy hoạch phát triển vùng, quản lí và thực hiện quy hoạch phát triển vùng ở Việt Nam); hệ thống kiến thức hiện đại, cập nhật, Việt Nam; Biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn của nước ta trong dạy học và nghiên cứu.

5. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN QUY HOẠCH VÙNG

- 1.1. Ý nghĩa và tầm quan trọng của quy hoạch vùng
- 1.2. Nguồn gốc và quá trình hình thành phát triển của quy hoạch vùng
- 1.3. Thực trạng hệ thống các quy hoạch ở Việt Nam và sự cần thiết phải hình thành quy hoạch tổng hợp phát triển vùng
- 1.4. Đối tượng và phân loại quy hoạch tổng hợp phát triển vùng
- 1.5. Cơ sở phương pháp luận tiếp cận QHTHPT vùng

1.6. Giải thích một số thuật ngữ

CHƯƠNG 2. CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÂN VÙNG

2.1. Cơ sở lý luận về vùng

2.1.1. Khái niệm về vùng.

2.1.2. Các xu hướng lý luận về phân vùng

2.1.3. Các phương pháp phân vùng

2.2. Kinh nghiệm thực tiễn về phân vùng

2.2.1. Kinh nghiệm phân vùng trên thế giới

2.2.2. Kinh nghiệm phân vùng ở Việt Nam

2.3. Quy hoạch hệ thống các vùng có cấp phân vị khác nhau ở Việt Nam

2.3.1. Vùng toàn quốc

2.3.2. Hệ thống các vùng kinh tế lớn liên tỉnh

2.3.3. Hệ thống các vùng kinh tế – hành chính

2.3.4. Hệ thống các vùng chuyên môn

2.3.5. Hệ thống các vùng đặc thù hoặc lãnh thổ đặc biệt

2.4. Trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch và xác định ranh giới các loại vùng kinh tế ở Việt Nam

2.4.1. Chính phủ

2.4.2. Bộ kế hoạch và đầu tư

2.4.3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan trực thuộc Chính phủ

2.4.4. UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

CHƯƠNG 3. NỘI DUNG, TRÌNH TỰ VÀ PHƯƠNG PHÁP QUY HOẠCH TỔNG HỢP PHÁT TRIỂN VÙNG

3.1. Phân loại và thời hạn lập các quy hoạch tổng hợp phát triển vùng

3.2. Nội dung các loại quy hoạch tổng hợp phát triển vùng

3.2.1. Sơ đồ quy hoạch tổng hợp phát triển vùng toàn quốc

3.2.2. Sơ đồ quy hoạch tổng hợp phát triển vùng kinh tế lớn

3.2.3. Đồ án quy hoạch tổng hợp phát triển các vùng kinh tế hành chính cấp tỉnh

3.2.4. Đồ án quy hoạch tổng hợp phát triển các vùng chuyên môn; Vùng đô thị, vùng công nghiệp, vùng du lịch, vùng nông nghiệp, vùng khai thác khoáng sản.v.v...

3.2.6. Sơ đồ hoặc Đồ án quy hoạch tổng hợp phát triển các vùng đặc thù hoặc lãnh thổ đặc biệt

3.3. Trình tự và phương pháp quy hoạch tổng hợp phát triển vùng

3.3.1. Phương pháp quy hoạch chiến lược (CDS)

3.3.2. Nhiệm vụ sơ đồ hoặc đồ án quy hoạch tổng hợp phát triển các loại vùng

- 3.3.3. Lập sơ đồ quy hoạch tổng hợp phát triển các loại vùng
- 3.3.4. Lập đồ án quy hoạch tổng hợp phát triển các loại vùng
- 3.4. Trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch tổng hợp phát triển các loại vùng
 - 3.4.1. Chính phủ
 - 3.4.2. Bộ kế hoạch và đầu tư
 - 3.4.3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan trực thuộc Chính phủ
 - 3.4.4. UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
- 3.5. Một số ví dụ về quy hoạch tổng thể phát triển vùng ở Việt Nam

CHƯƠNG 4. CÁC NHIỆM VỤ CỦA QUY HOẠCH TỔNG HỢP PHÁT TRIỂN VÙNG

- 4.1. Nội dung các nhiệm vụ của quy hoạch tổng hợp phát triển
- 4.2. Phân tích và đánh giá tổng hợp các điều kiện phát triển vùng
 - 4.2.1. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên
 - 4.2.2. Lịch sử phát triển vùng và các đặc điểm hiện trạng
 - 4.2.3. Rà soát các quy hoạch và dự án đã được phê duyệt có liên quan
 - 4.2.4. Đánh giá điều kiện phát triển của vùng theo ma trận SWOT
 - 4.2.5. Đánh giá tổng hợp đất đai và xác định các khả năng dung nạp lãnh thổ
- 4.3. Các luận cứ khoa học xác định quan điểm, mục tiêu, tính chất và dự báo phát triển vùng
 - 4.3.1. Quan điểm và mục tiêu
 - 4.3.2. Tính chất
 - 4.3.3. Dự báo các chỉ tiêu phát triển vùng
- 4.4. Định hướng phân bố và phát triển các ngành, lĩnh vực chủ yếu trong quy hoạch tổng hợp phát triển vùng.
 - 4.4.1. Cấu trúc vùng
 - 4.4.2. Sản xuất
 - 4.4.3. Phân bố dân cư
 - 4.4.4. Cơ sở hạ tầng xã hội.
 - 4.4.5. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật.
 - 4.4.6. Quy hoạch sử dụng đất đai và tổ chức lãnh thổ
- 4.5. Bảo vệ môi trường
 - 4.5.1. Các vấn đề chung về bảo vệ môi trường trong quy hoạch tổng hợp phát triển vùng
 - 4.5.2. Những nguyên tắc bảo vệ các thành phần của môi trường
 - 4.5.3. Đánh giá môi trường chiến lược
 - 4.5.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu

- 4.5.5. Kế hoạch bảo vệ môi trường phòng chống thiên tai
- 4.6. Bảo tồn các di sản thiên nhiên và văn hoá lịch sử

- 4.6.1. Bảo tồn các di sản thiên nhiên

- 4.6.2. Bảo tồn các di sản văn hoá lịch sử

CHƯƠNG 5. QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỔNG HỢP PHÁT TRIỂN VÙNG Ở VIỆT NAM

5.1. Thực trạng quản lý và thực hiện quy hoạch vùng

- 5.1.1. Kinh nghiệm quốc tế

- 5.1.2. Kinh nghiệm trong nước

5.2. Các giải pháp thực hiện quy hoạch tổng hợp phát triển vùng

- 5.2.1. Lập và triển khai kế hoạch lập quy hoạch có cấp phân vị khác nhau

- 5.2.2. Lập chương trình tổng thể phát triển và xây dựng vùng

- 5.2.3. Xác định nhu cầu vốn đầu tư

- 5.2.4. Các biện pháp thực hiện quy hoạch tổng hợp phát triển vùng

5.3. Các giải pháp quản lý quy hoạch tổng hợp phát triển vùng

- 5.3.1. Thể chế

- 5.3.2. Xây dựng bộ máy quản lý nhà nước

- 5.3.3. Quy chế quản lý phát triển vùng theo quy hoạch

6. Số tiết phân bổ:

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
Chương 1	3	4	10
Chương 2	3	5	20
Chương 3	4	5	20
Chương 4	4	5	20
Chương 5	4	5	20
Tổng cộng:	18	24	90

7. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

9. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

10. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

11. Phương pháp đánh giá môn học

- 1 điểm chuyên cần n_1 : x 0,2

- 1 điểm tiểu luận hoặc điểm giữa kỳ n_2 : x 0,3

- 1 điểm bài thi cuối học phần n_3 : x 0,5

Điểm học phần: $(n_1 \times 0,2) + (n_2 \times 0,3) + (n_3 \times 0,5)$

12. Tài liệu tham khảo

a. Giáo trình chính:

1. *Quy hoạch vùng*. Phạm Kim Giao. NXB. Xây dựng, 2000.

2. *Quy hoạch vùng*. E.N.Perxik. NXB. Khoa học kỹ thuật, 1978 (Bản dịch tiếng Việt).

b. Tài liệu tham khảo:

3. Nghiên cứu chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam. Ngô Doãn Vịnh. NXB. Chính trị Quốc gia, 2003.

4. Samir M. A. Hassan Alredaisy, 1998, Introduction Regional Planning, University of Khartou

2.22. QUẦN CƯ VÀ ĐÔ THỊ HÓA

Tên môn học: Quần cư và đô thị hóa (Settlement and Urbanization)

Mã số môn học: ĐLH 122

Số tín chỉ: 02 (1,2; 0,8)

Bộ môn phụ trách giảng dạy:

Bộ môn Địa lý kinh tế - xã hội và PPDHDL, khoa Khoa học xã hội, trường ĐH Hồng Đức, Thanh Hóa

1. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 18 tiết
- Xêmina, bài tập: 24 tiết
- Tự học: 90 tiết

2. Mô tả môn học:

Học phần được cấu trúc gồm 5 chương với các vấn đề chính: khái quát đối tượng, nội dung nghiên cứu của địa lý đô thị, các nhân tố hình thành và phát triển đô thị, bản chất của quá trình đô thị hóa, thực tiễn phát triển đô thị và quá trình đô thị hóa ở Việt Nam.

3. Mục tiêu:

Nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản và nâng cao về những vấn đề lý luận và thực tiễn về đô thị và đô thị hóa trên thế giới và Việt Nam: những vấn đề về thuật ngữ, những quy luật chung và khác biệt của quá trình đô thị hóa diễn ra trên thế giới; các mô hình đô thị của thế giới; khái niệm và các chỉ tiêu phân loại đô thị, quan hệ đô thị - nông thôn của Việt Nam.

Đồng thời cũng giúp học viên các ứng dụng của vấn đề nghiên cứu để giải quyết các vấn đề thực tiễn ở Việt Nam.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Kết thúc học phần người học có được những kiến thức cơ bản và nâng cao về những vấn đề lý luận và thực tiễn về đô thị và đô thị hóa trên thế giới và Việt Nam; có khả năng ứng dụng của vấn đề nghiên cứu để giải quyết các vấn đề thực tiễn ở Việt Nam.

5. Nội dung học phần:

CHƯƠNG 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ NỘI DUNG NGHIÊN CỨU ĐỊA LÝ ĐÔ THỊ

- 1.1. Đối tượng nghiên cứu của địa lý đô thị.
- 1.2. Địa lý đô thị với các khoa học có liên quan.
- 1.3. Các nội dung nghiên cứu của địa lý đô thị.
- 1.4. Các phương pháp nghiên cứu.
- 1.5. Các trường phái.

CHƯƠNG 2. KHÁI NIỆM VỀ ĐÔ THỊ

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Nguồn gốc
- 2.3. Các chỉ tiêu
- 2.4. Vai trò và phạm vi ảnh hưởng của đô thị

CHƯƠNG 3. CÁC NHÂN TỐ CỦA QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

- 3.1. Lịch sử khai thác lãnh thổ
- 3.2. Điều kiện tự nhiên, đặc điểm cảnh quan
- 3.3. Điều kiện nhân khẩu học
- 3.4. Điều kiện kinh tế- xã hội
- 3.5. Các cuộc cách mạng gắn với quá trình phát triển đô thị

CHƯƠNG 4. KHÁI NIỆM ĐÔ THỊ HÓA VÀ BẢN CHẤT CỦA QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA

- 4.1. Lịch sử phát triển đô thị trên thế giới
- 4.2. Khái niệm đô thị hóa.
- 4.3. Phân kì đô thị hoá.
- 4.4. Các hình thức tổ chức không gian đô thị.
- 4.5. Đô thị hoá ở các nước công nghiệp phát triển. Các vấn đề kinh tế - xã hội và môi trường.
- 4.6. Đô thị hóa quá mức ở các nước đang phát triển. Các hậu quả kinh tế - xã hội và môi trường.

CHƯƠNG 5. ĐÔ THỊ HÓA Ở VIỆT NAM

- 5.1. Lịch sử hình thành, các giai đoạn phát triển, các nhân tố hình thành đô thị.
- 5.2. Những đặc trưng của quá trình đô thị hóa ở Việt Nam.
- 5.3. Các tiêu chí của đô thị.
- 5.4. Đô thị hoá và vấn đề quy hoạch phát triển vùng.
- 5.5. Mạng lưới đô thị của Việt Nam hiện tại và tương lai.

6. Phân bổ số tiết học phần

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
Chương 1	3	4	10
Chương 2	3	5	20
Chương 3	4	5	20
Chương 4	4	5	20
Chương 5	4	5	20
Tổng cộng:	18	24	90

7. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

9. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

10. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

11. Phương pháp đánh giá môn học

- 1 điểm chuyên cần n_1 : x 0,2
- 1 điểm tiểu luận hoặc điểm giữa kỳ n_2 : x 0,3
- 1 điểm bài thi cuối học phần n_3 : x 0,5

Điểm học phần: $(n_1 \times 0,2) + (n_2 \times 0,3) + (n_3 \times 0,5)$

12.Tài liệu tham khảo

a. Giáo trình chính:

1. Đỗ Thị Minh Đức. *Tập bài giảng về địa lý đô thị*.
2. Đàm Trung Phùng (1995). *Đô thị Việt Nam* (2 tập). Nhà xuất bản Xây dựng, 1995.
3. Trương Quang Thao (1988). *Đô thị hôm qua, hôm nay và ngày mai*. NXB Xây dựng, 1988.

b. Tài liệu tham khảo:

4. Trương Quang Thao (2003). *Đô thị học, những khái niệm mở đầu*. NXB Xây dựng, 2003.
5. Nguyễn Đăng Sơn (2005). *Phương pháp tiếp cận mới về quy hoạch và quản lý đô thị*. NXB Xây dựng, 2005.
6. Đặng Thái Hoàng (2010). *Lịch sử đô thị*. NXB Xây dựng, 2010.
7. Đào Hoàng Tuấn (2008). *Phát triển bền vững đô thị - Những vấn đề lý luận và kinh nghiệm của thế giới*. Nxb Khoa học xã hội.
8. Shaibu Bala Garba, Umar G. Benna , 2016, *Population Growth and Rapid Urbanization in the Developing World*, ISBN: 9781522501879

2.23. ĐỊA LÝ CÁC NGÀNH KINH TẾ BIỂN

Tên học phần: Địa lý các ngành kinh tế biển
(Marine Economic Geography)

Mã môn học: ĐLH123

Số tín chỉ: 02 (1,2; 0,8)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: : Bộ môn Địa lý Kinh tế - xã hội và PPDH Địa lý, Khoa KHXH, Trường Đại học Hồng Đức.

1. Phân bổ thời gian

- Lý thuyết: 27 tiết
- Thảo luận: 36 tiết
- Tự học: 135 tiết

2. Mô tả học phần

Học phần được thiết kế gồm 4 chương, cung cấp cho học viên các kiến thức hiện đại, cập nhật về các ngành kinh tế biển:

- Biển và đại dương trong phát triển kinh tế - xã hội
- Các ngành kinh tế biển
- Tiềm năng phát triển các ngành kinh tế biển của Việt Nam
- Thực trạng phát triển các ngành kinh tế biển ở Việt Nam

3. Mục tiêu học phần

Trang bị cho người học những vấn đề lý luận và thực tiễn về các ngành kinh tế biển: biển và đại dương trong phát triển kinh tế-xã hội; các ngành kinh tế biển; tiềm năng và sự phát triển các ngành kinh tế biển trên thế giới và ở Việt Nam. Từ đó, giúp học viên có kỹ năng phân tích, đánh giá vai trò, tiềm năng và thực trạng khai thác tài nguyên biển cho phát triển kinh tế, đề xuất giải pháp phát triển kinh tế biển, dự báo xu hướng và các vấn đề nảy sinh trong phát triển kinh tế biển nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định và lâu dài.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Kết thúc học phần người học phải có những kiến thức về vấn đề lý luận và thực tiễn về các ngành kinh tế biển; có kỹ năng phân tích, đánh giá vai trò, tiềm năng và thực trạng khai thác tài nguyên biển cho phát triển kinh tế, đảm bảo sự phát triển ổn định và lâu dài. Có khả năng đề xuất giải pháp phát triển kinh tế biển, dự báo xu hướng và các vấn đề nảy sinh trong phát triển kinh tế biển. Ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc bảo vệ tài nguyên biển ở nước ta.

5. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1. BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG TRONG PHÁT TRIỂN KT- XH

1.1. Khái quát về biển và đại dương

- 1.2. Vai trò
- 1.3. Các loại tài nguyên biển
- 1.4. Các hình thức sử dụng

CHƯƠNG 2. CÁC NGÀNH KINH TẾ BIỂN

- 2.1. Cấu trúc
- 2.2. Tiến ra biển xu hướng tất yếu của thời đại
- 2.3. Sự phát triển của các ngành kinh tế biển trên thế giới

CHƯƠNG 3. TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ BIỂN Ở VIỆT NAM

- 3.1. Vai trò của vùng biển và ven biển Việt Nam
- 3.2. Tiềm năng phát triển

CHƯƠNG 4. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ BIỂN Ở VIỆT NAM

- 4.1. Khái quát
- 4.2. Hiện trạng phát triển
- 4.3. Chiến lược phát triển đến 2020
- 4.4. Các giải pháp hỗ trợ thực hiện chiến lược

6. Số tiết phân bổ

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
Chương 1	4	6	20
Chương 2	4	6	20
Chương 3	5	6	25
Chương 4	5	6	25
Tổng cộng	18	24	90

7. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

9. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

10. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

11. Phương pháp đánh giá môn học

- 1 điểm chuyên cần n_1 : x 0,2

- 1 điểm tiểu luận hoặc điểm giữa kỳ n_2 : x 0,3

- 1 điểm bài thi cuối học phần n_3 : x 0,5

Điểm học phần: $(n_1 \times 0,2) + (n_2 \times 0,3) + (n_3 \times 0,5)$

12. Tài liệu tham khảo

a. Giáo trình chính:

- [1]. Thế Đạt (2009), *Nền kinh tế các tỉnh vùng ven biển của Việt Nam*. NXB lao động.
- [2]. Phạm Văn Giáp (Chủ biên - 2002), *Biển và cảng biển thế giới*. NXB Xây dựng.
- [3]. Nguyễn Chu Hồi (2013), *Nội dung và phương pháp tuyên truyền chủ quyền biển đảo cho học sinh, sinh viên trong tình hình hiện nay*. Báo cáo tập huấn công tác quản lý học sinh, sinh viên năm 2013 tại Đại học Vinh.

b. Tài liệu tham khảo:

- [4]. Lê Thông (chủ biên - 2010), *Địa lý KT-XH Việt Nam*. NXB Sư phạm Hà Nội.
- [5]. Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê Việt Nam hàng năm*.
- [6]. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (đồng chủ biên - 2012), *Địa lý nông lâm thủy sản Việt Nam*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [7]. Viện chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2004), *Chiến lược kinh tế biển của Việt Nam đến năm 2020*.
- [8]. Paul Knox, John Agnew, Linda McCarthy, *The Geography of the World Economy*, Oxford University Press, USA.

4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Địa lí học xây dựng trên cơ sở quy định về chương trình đào tạo trong Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành kèm theo 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và các quy định xây dựng chương trình của Trường ĐH Hồng Đức và tham khảo các chương trình cùng chuyên ngành của các trường ĐH trong và ngoài nước.

Khối kiến thức chung của chương trình đào tạo thạc sĩ Địa lí học có 10 tín chỉ (Triết học, Tiếng Anh), được giảng dạy theo chương trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ Địa lí học có 12 tín chỉ, trong đó 04 học phần bắt buộc (08TC), 02 học phần tự chọn (04 TC) trong 06 học phần. Việc chọn 02 trong 06 học phần là tùy thuộc vào năng lực, yêu cầu và hướng nghiên cứu của học viên.

Khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ Địa lí học có 23 tín chỉ, trong đó 06 học phần bắt buộc (17 TC), 02 học phần tự chọn (06 TC) trong 04 học phần. Việc chọn 02 trong 04 học phần là tùy thuộc vào năng lực, yêu cầu và hướng nghiên cứu của học viên.

Luận văn thạc sĩ: 15 TC.

Phương pháp giảng dạy: Giảng viên tùy thuộc vào đặc thù của học phần để xây dựng kế hoạch giảng dạy cụ thể, nhằm phát huy tối đa năng lực và tính sáng tạo của học viên.

Chương trình đào tạo chuyên ngành là cơ sở giúp Hiệu trưởng quản lý chất lượng đào tạo, là quy định bắt buộc đối với tất cả các khoa chuyên môn nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung chương trình đã xây dựng.

Căn cứ chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần Trưởng các khoa, bộ môn chuyên ngành có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng hồ sơ học phần theo quy định của Trường sao cho vừa đảm bảo được mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể nhà trường, của địa phương, đáp ứng được nhu cầu của người học và của toàn xã hội. Trên cơ sở đề cương chi tiết học phần, tiến hành xây dựng kế hoạch kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc chi tiết cho từng học phần và cho toàn khoá đào tạo.

Trưởng khoa quản lý chuyên ngành có trách nhiệm xây dựng kế hoạch dạy học, kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế; các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, chuẩn đầu ra. Trưởng các Phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và

trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện chương trình, hằng năm nếu Khoa/Bộ môn thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, làm văn bản trình lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường xem xét. Nếu thấy hợp lý Hội đồng Khoa học và Đào tạo trình Hiệu trưởng quyết định điều chỉnh và chỉ được điều chỉnh khi có Quyết định của Hiệu trưởng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ;

2. Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

3. Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

4. Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định điều kiện trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

5. Quyết định số 1982/QĐ-TTG ngày 18 tháng 10 năm 2016 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

6. Quyết định số 1469/QĐ-CT ngày 29/7/1999 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về Kế hoạch chiến lược phát triển Đại học Hồng Đức đến năm 2015.

7. Nghị quyết đại hội Đảng bộ trường đại học Hồng Đức nhiệm kỳ III (2010-2015) về mục tiêu phát triển của nhà trường đến năm 2015.

8. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Địa lí học của trường Đại học Vinh.

9. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Địa lí học của trường Đại học Sư phạm Hà Nội

10. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Địa lí học của trường Đại học Thái Nguyên

11. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Địa lí học của trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

12. <https://www.mcgill.ca/study/20162017/faculties/science/graduate/programs/master-science-msc-geography-thesis-environment>

Thanh Hoá, ngày 19 tháng 10 năm 2017

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ
CHO PHÉP ĐÀO TẠO
HIỆU TRƯỞNG**